

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Từ đất
vọt lên

Tr. 18

Hè về...

Tr. 50

Chén trà
Tào Khê

Tr. 8



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

www.hoasengroup.vn

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN

1800 1515

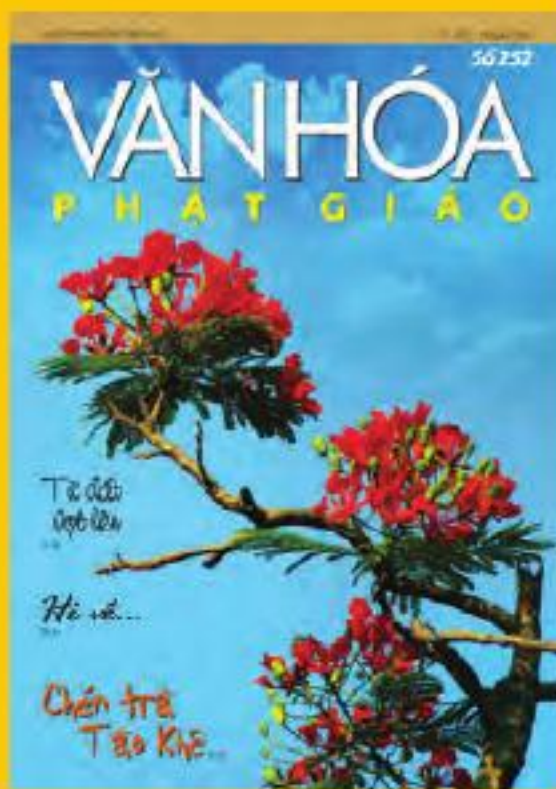
A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

EUROMONEY
WORLD LEADING
2014



TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI 2015

<http://tieulun.hopto.org>



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
khiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:

0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TPHCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Dạy cho con tiếng nói thật thà (Nguyễn Cẩn)	4
Chén trà Tào Khê (Thích Nguyên Tạng)	8
Bàn về việc học tu theo Phật (Thích Hạnh Tuệ)	12
Tỳ-kheo tát thuyền này (Thiện Thanh)	14
Từ đất vọt lên (Nguyễn Thế Đăng)	18
Thiền phái Tào Động Việt Nam du nhập - kế thừa - phát triển (Thích Thiện Nhơn)	20
Niềm tin Phật ngày nay: tác động của gia đình và xã hội (Thích Không Tú)	24
Phương pháp giáo dục của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Đoàn Vũ Thị Hương)	26
Tình thương của các vị Bồ-tát và chư Phật (Thích Như Điển)	30
Phật giáo trước vấn nạn môi trường (Thích Thọ Lạc)	33
Tiếng ve sầu (Lê Hải Đăng)	36
Cải vã (Hoàng Tá Thích)	38
Thế giới của một siêu sao bóng đá (Cao Huy Hóa trích dịch)	40
Nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer (Danh Lung)	43
Tìm cây trà rừng (Trịnh Chu)	48
Hè về... (Nguyễn Gia Long)	50
Thơ (Phan Thành Minh, Tấnh Thiện, Trà Kim Long, Bùi Huyền Tương, Thanh Pháp, Tường Vân, Kim Hoa)	52
Mùi cơm cháy (Trương Hoàng Minh)	54
Điêu khắc gia Lê Thành Nhơn: Vũ điệu miền tâm linh (Lê Huỳnh Lâm)	56
Ấm áp chợ làng quê (Tôn Thất Thọ)	58

Bìa 1: Phượng hè. Ảnh: Nguyễn Đình Niêm.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin được chia sẻ cùng quý độc giả về những niềm vui nho nhỏ mà chúng tôi cảm nhận được trong những ngày vừa qua.

Có lẽ quý vị cũng đã nhận thấy trên trang báo của VHPG những số gần đây có thêm sự xuất hiện của nhiều tác giả trong nước và ngoài nước. Điều đáng mừng là số lượng bài gửi đăng từ nhiều tác giả ở miền Bắc đã gia tăng rõ rệt.

Vừa qua, nhân ngày Báo chí Cách mạng 21/6, tòa soạn VHPG cũng đã nhận được nhiều lời thăm hỏi qua điện thư, điện thoại... và những lẵng hoa tươi thắm gửi đến chúc mừng, từ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu; trong số đó, chúng tôi đặc biệt cảm kích sự trang trọng thể hiện trên những lẵng hoa của nhiều cơ quan thân hữu như Tập đoàn Tôn Hoa Sen, Công ty Cổ phần In Trần Phú, Công ty Phát hành Báo chí Mỹ Phúc... Đối với chúng tôi, dù chỉ một ý kiến đóng góp cũng đã là sự khích lệ lớn; vì vậy, những tình cảm mà chúng tôi nhận được trong những ngày qua đã có tác dụng cổ vũ rất mạnh mẽ cho quyết tâm phục vụ của chúng tôi.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nhắc lại với một số độc giả đặt báo dài hạn; sau ngày phát hành báo bảy ngày, nếu quý vị chưa nhận được báo, xin liên lạc ngay với chúng tôi, chúng tôi sẽ gửi báo bù lại, hoặc qua đường bảo đảm của bưu điện, hoặc nếu độc giả ngụ tại TP.HCM thì chúng tôi sẽ trực tiếp mang báo đến đúng địa chỉ đăng ký. Vừa qua, có trường hợp độc giả không nhận được liên tiếp vài số báo nhưng không cho tòa soạn biết mà lại gián tiếp bày tỏ sự trách móc qua một trung gian. Chúng tôi mong mỗi quý độc giả luôn luôn trực tiếp liên lạc với tòa soạn về tất cả những việc có liên quan đến sự phục vụ độc giả của tạp chí.

Mọi thành tựu có thể đạt được, chúng tôi đều nhờ ở sự ủng hộ tích cực của quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu. Xin cầu nguyện Tam bảo gia hộ quý vị luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Tín thành làm bạn người

Trí tuệ giáo hóa người

Niết-bàn: người ái lạc

Giải thoát mọi khổ đau.

Kinh Tương Ưng Bộ - phẩm Già





Đạy cho con tiếng nói thật thà

NGUYỄN CÀN

Trẻ con đang nói dối ngày một nhiều?

Trong các cuộc hội họp chính thức hay khi trà dư tửu hậu, chúng ta vẫn thường nghe nhiều lời than phiền về tình trạng nói dối trong trẻ em hiện nay. Câu thành ngữ “Đi hỏi già về nhà hỏi trẻ” liệu có còn giá trị? Thế nên khi nghe than phiền về việc trẻ nói dối, chúng ta không thể không tìm hiểu xem nguồn cơn và hiện trạng ra sao.

Lướt tìm trên mạng, chúng ta đọc tin về Hội thảo “Thực trạng văn hóa học đường và nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học” tổ chức tại Đà Lạt

cách đây ba năm (tháng 9 năm 2013). Tại hội thảo, Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học Trần Ngọc Thêm, Giám đốc Trung tâm Văn hóa học Lý luận và Ứng dụng (Đại học Quốc gia TP.HCM) đã dẫn một kết quả điều tra, theo đó tỷ lệ nói dối cha mẹ ở học sinh cấp tiểu học là 22%, cấp trung học cơ sở là 50%, cấp trung học phổ thông là 64%, và ở sinh viên là 80%. Có người lý luận nếu theo tỷ lệ tăng dần đều như thế thì “sau đại học” chắc là 100%? Phân tích các con số trên, có người hoài nghi tính chính xác, vì nếu thế, chỉ ở cấp tiểu học, lứa tuổi từ 6-10, đã có hơn 20% số trẻ nói dối cha mẹ; nghĩa là cứ

năm trẻ thì có một trẻ nói dối. Nhưng tại sao càng lớn lên càng có khuynh hướng nói dối nhiều hơn?

Vì người lớn cũng nói dối

Trao đổi với trang mạng "Người đưa tin" về vấn đề này, Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Phú, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam cho biết: "Rõ ràng học sinh nói dối ngày càng nhiều so với trước đây. Bản thân trẻ em là tấm gương phản ánh xã hội. Nếu ở trong môi trường mà hàng ngày các em thấy cha mẹ nói dối, thầy cô nói dối thì trẻ sẽ tự nhiên mà nhiễm thói nói dối. Chỉ đơn cử như việc nghe cha mẹ nói chuyện trong bữa ăn, ông bố nói với người mẹ rằng 'Hôm nay anh phải kê vượt số liệu thì mới kiếm được tí chút', và nhận được sự đồng tình của người mẹ, thì trẻ sẽ hiểu rằng nói dối có lợi".

Người lớn nói dối khắp nơi, trong mọi ngành nghề. Ông Phú phân tích: "Nguyên nhân sâu xa của hành vi này là do cơ chế buộc người ta phải nói dối. Ví dụ đơn giản nhất là các văn bản thanh toán về tài chính, theo quy định thì các đại biểu đến họp được 70.000 đồng thôi. Nhưng hiện nay ở nhiều nơi người ta vẫn 'tạo điều kiện' để đại biểu được nhận 100.000 đồng bằng cách khai khống số lượng người tham gia hoặc chỉ họp một buổi nhưng lại ghi thành hai. Như vậy thì chính cơ quan Nhà nước cũng nói dối thì còn nói được ai? Nói cách khác thì xã hội hiện nay rất nhiều việc buộc người ta phải nói dối và người ta chấp nhận việc nói dối đó là hợp pháp vì các chế độ không đáp ứng được tình hình thực tế hiện nay".

Nhưng có đúng như ông nhận định là người lớn nói dối vì cơ chế trói buộc không? Hay là do cả xã hội dung túng thói dối trá từ lời ăn tiếng nói cho đến hành động thực tế. Từ việc nhỏ là báo cáo việc làm hàng ngày cho đến những bản tổng kết tô hồng số liệu, những dự án với số liệu "vẽ", kê khống lên để ăn chặn, ăn bớt. Từ lời nói đến hành động, người lớn đều đang có những tấm gương "phản diện": Vụ tuần để thi trong kỳ thi tuyển công chức tại Mỏ Cày Bắc, Bến Tre đang gây xôn xao khi lộ việc để thi tuần ra ngoài bằng USB. Việc này xảy ra cách đây hai năm. Lý giải vì sao đến nay sự vụ mới được tiến hành xác minh, một quan chức cho hay vì vấn đề phức tạp, cần phải làm đúng theo quy trình thẩm tra xác minh nên có hơi chậm so với yêu cầu của người tố cáo (Theo đơn tố cáo, giá của đề thi đáp án là 25 triệu). Nguyên nhân là vì có người thiếu sòng phẳng, thi đậu xong không trả tiền!

Trong công sở hay những buổi họp nhân dân, chúng ta chứng kiến hay nghe bên tai hàng ngày bao nhiêu lời nói dối từ những bản tổng kết, những hứa hẹn của các quan chức, nào là tăng phúc lợi xã hội, giảm giá xăng dầu, điện nước cho đến chống ngập, chống kẹt xe... Rồi trong đời sống chúng ta nghe nhìn những quảng cáo bán hàng trên mạng, trên TV, đầu đường góc phố... Lời nói nào cũng tốt cũng hay nhưng thực tế thì... Đây có phải là phương tiện hay mục đích của

kinh doanh và chính trị? Chính trị có đồng nghĩa với "nói dối" không? Có lần trên báo này chúng tôi đã đề cập đến mục đích của chính trị.

Căn bản trong học thuyết Khổng Tử thời phong kiến là người lãnh đạo hay "quân tử" khi cầm quyền phải có kỷ luật, nên cai trị người dân của mình bằng chính tấm gương của mình, và nên đối xử với họ bằng tình thương và sự quan tâm. Niềm tin chính trị của ông gắn chặt với luân thường đạo lý và đạo đức cá nhân. Mà ngôn ngữ của quân tử là "Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy". Hứa thì phải làm!

Thậm chí đến Machiavelli - người chủ trương cai trị bằng thủ đoạn, qua tác phẩm "The Prince" (Quân vương), cho rằng quân vương nào muốn thành công thì phải học được cách cắt lòng tốt sang một bên, có vận dụng hay không tùy thời thế - cũng phải nhấn mạnh rằng điều quan trọng nhất đối với quân vương là cần tránh bị khinh miệt và thù ghét. Dù thuật ngữ "machiavelli" luôn được hiểu là lãnh đạo "quỷ quyệt", mị dân, toàn trị... chúng ta nên nhớ một quan điểm đáng lưu ý của Machiavelli là quan điểm về tầm quan trọng của "lòng dân". Bao nhiêu nhà lãnh đạo thế hệ trước đây đều nhấn mạnh tới việc thực hiện những điều đã hứa với dân, tránh hứa hão, hứa cho sướng miệng rồi chẳng làm được gì!

Khi truyền thông trở thành công cụ hai mặt

Ngày nay, việc nói dối, tung tin bịa đặt... lại có nguy cơ lan rộng nhanh vì công nghệ internet. Những trang mạng xã hội đang trở thành một thứ công cụ hai mặt, cả tích cực và tiêu cực; phần tiêu cực không phải là ít, mà rất đáng kể. Mặt tích cực là khi người ta có không gian "mạng" để tự do ngôn luận, người ta mau mắn chia sẻ ý tưởng, thúc đẩy thông tin lan nhanh và trên diện rộng, khích lệ đổi mới, sáng tạo trong nhiều lãnh vực. Theo Tổng thống Obama, Facebook hay các công ty công nghệ lớn đã hình thành như vậy. Khi có tự do báo chí, nhà báo và blogger đưa ra ánh sáng những bất công, sai phạm, quan chức sẽ bị giám sát và xã hội sẽ có niềm tin vào hệ thống chính trị.

Nhưng ở khía cạnh tiêu cực, người ta dễ dàng bêu riếu kẻ khác, phỉ báng, vu khống kẻ khác vì tư thù. Cư dân mạng tin là sự thật và truyền đi một câu chuyện thương tâm, ngang trái nào đó được bịa đặt "post" lên "facebook" để câu "like". Chưa kể ngôn ngữ hôm nay thường đi kèm hình ảnh nên hiệu ứng xã hội rất dễ lan tỏa, tác động lớn.

Có bậc thức giả đã nhận định: "Ngôn ngữ và hình ảnh như vậy có thể nói là những chất liệu truyền thông chính trong xã hội loài người. Vì là nguồn hướng dẫn và tạo dựng nhân cách cho con người, truyền thông có thể xây dựng một xã hội, một đất nước trở nên tốt đẹp, nó cũng có thể phá hoại, làm tan rã một đất nước, một xã hội, một cộng đồng... Và cái thế giới truyền thông này

cũng đang trong vòng những cuộc chiến bất phân thắng bại với nhau. Họ đem ra những vũ khí, những kỹ thuật tối tân nhất, những chiến thuật, chiến lược tinh vi nhất để tham dự vào cuộc chiến đó, cuộc chiến tranh thủ độc giả, khán giả, đồng thời cũng là cuộc chiến chiếm lĩnh và ngự trị tâm hồn và trí óc của con người trong xã hội...

Với sự phát triển của internet và phương tiện di chuyển nhanh chóng, có thể nói chúng ta đang ở trong một cuộc chiến tranh toàn thế giới trên mặt trận truyền thông. Những vũ khí của cuộc chiến này phức tạp hơn vũ khí súng đạn nhiều. Cuộc chiến này không chỉ để đánh bại đối thủ, mà còn làm tê liệt tính độc lập, tự chủ của cá nhân hay tập thể trong xã hội”.

(Thị Giới - Một đường lối truyền thông đặt nền tảng trên trung đạo - VHPG số 200)

Ý thức sức mạnh của truyền thông, chúng ta phải làm thế nào tránh được những tiêu cực do tâm tham lam và thù hận của con người gây ra, làm ô nhiễm đời sống chúng ta với những xúc thực, đoàn thực độc hại... Có nhà xã hội học còn quy trách nhiệm của những hành vi tội ác do nhiễm từ phim ảnh, games, video clips trên mạng xã hội.

Sự việc trầm trọng đến mức theo nguồn tin trên báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần phát hành ngày 12/6/2016, Ủy ban Châu Âu (EC) vừa ký thỏa thuận với các công ty công nghệ lớn nhằm ngăn chặn sự lan rộng của những phát ngôn có tính chất khơi gợi sự thù hận (hate speech) đang ngày càng nhiều trên mạng. Tiếc là thỏa thuận này chỉ liên quan đến hệ thống mạng ở châu Âu mà thôi! Vera Jourová - Cao ủy Liên minh Châu Âu (EU) về sự công bằng, người tiêu dùng và bình đẳng giới - bình luận: “Không may mạng xã hội lại là một trong những công cụ mà các nhóm khủng bố sử dụng để cực đoan hóa các thanh niên và sử dụng (thái độ) phân biệt chủng tộc để truyền bá bạo lực và sự thù ghét... Thỏa thuận này là một bước quan trọng để đảm bảo rằng Internet vẫn là nơi tự do và thể hiện dân chủ, nơi các giá trị và luật pháp châu Âu được công nhận”. Các công ty cam kết sẽ xem xét phần lớn các thông báo tin mới để xóa những nội dung phát ngôn thù hận “trong vòng 24 tiếng, và nếu cần sẽ gỡ hoặc không cho phép truy cập tài khoản nữa”.

Trong đó vô số nội dung, hình ảnh, bình luận, video chứa đầy những phát ngôn khơi gợi sự thù hận... nhằm đe dọa, quấy rối (thường nhắm vào những người thuộc nhóm thiểu số), chiêu mộ và khuyến khích những người có thái độ căm ghét tương tự, thậm chí xúi giục tấn công người khác ngoài đời thực. Sự thù hận trên mạng còn hơn cả “ô nhiễm”, nó ảnh hưởng tới con người rất nghiêm trọng. Chúng ta hình dung hậu quả ra sao với Facebook, mạng xã hội lớn nhất thế giới với 1,6 tỉ người dùng, nếu những phát ngôn thù hận gieo rắc trên mạng được quần chúng tán đồng! Thế nên những nhà quản lý Facebook tuyên bố sẽ dành

ngân sách 1 triệu USD để chặn phát ngôn thù hận thông qua Online Civil Courage Initiative (Sáng kiến khuyến khích sự dũng cảm của người dân trên mạng), nhằm ngăn chặn và đẩy lùi những phát ngôn thù hận và chủ nghĩa cực đoan trên Internet ở châu Âu.

Còn tại Việt Nam, “Chúng ta cần nuôi dưỡng và thúc đẩy một môi trường mà ai cũng có thể thể hiện ý kiến của họ mà không bị những phát ngôn thù hận tấn công”. (Hạnh Nguyên & Trường Sơn - Để không còn chỗ cho thù hận - TTCN).

Nhiều nước đã có luật cấm các hình thức phát ngôn khiêu khích, bôi nhọ, kích động bạo lực... dù “hate speech” có thể hiểu một cách tổng quát rằng đó là những phát ngôn cổ vũ bạo lực, sự căm ghét, phân biệt chống lại người khác, đặc biệt vì nguồn gốc chủng tộc, tôn giáo, giới tính, xu hướng tình dục, khiếm khuyết cơ thể, nguồn gốc quốc gia hay tình trạng di cư... (theo định nghĩa của Facebook). Còn tại Việt Nam, Điều 122 Bộ Luật Hình sự cũng quy định về Tội vu khống - xin trích một đoạn: “Người nào bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt, nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai (2) năm hoặc phạt tù từ ba (3) tháng đến hai (2) năm...” (và tăng nặng nếu vi phạm nghiêm trọng hơn).

Trong nhiều trường hợp, lẫn ranh giữa có tội và vô tội là khá mong manh. Các mạng xã hội đều muốn nhanh chóng gỡ bỏ những nội dung kích động hận thù quá rõ ràng, nhưng thực tế đặt ra nhiều vấn đề không dễ xử lý, như một số nội dung có thể mang ý xúc phạm nhưng lại dưới hình thức châm biếm thiếu thâm mỹ, nếu phạt thì lại có nguy cơ xâm phạm quyền tự do ngôn luận.

Phải xây dựng chánh ngữ

Chánh ngữ theo kinh Tương Ưng Bộ định nghĩa: “... là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm”. Như vậy không chỉ nói điều không thực, mà nói những lời hại người, kích động thù hận cũng phải lên án và cần ngăn ngừa hành vi ấy!

Đây là một giới luật mà Phật tử phải thực hiện “Điều Giới Trách Xa Sự Nói Dối (Musāvādā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi).

Người phạm điều giới nói dối nếu có 4 chi phần sau:

1/ Điều không thật, vật không có (atthavatthu).

2/ Tâm nghĩ lừa dối (visamvādanacittat).

3/ Cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động theo tâm nghĩ lừa dối của mình (payoga).

4/ Người nghe tin theo sự lừa dối ấy (tadattha vijānam).

Chúng ta khắc ghi những lời dặn dò của Đức Phật cho các đệ tử: “Người tu hành chỉ nói những lời hòa giải để



giảng hòa những người hiềm khích lẫn nhau và kết chặt thêm sự hòa đồng. Người tu hành yêu chuộng sự hài hòa, tìm thấy vui thích trong sự hài hòa, niềm hân hoan trong sự hài hòa. Từ bỏ những lời thô bạo, người tu hành không nói lên những lời thô bạo. Người tu hành chỉ thốt ra những lời nói không sao chê trách được, êm ái, trù mẫn, đi thẳng vào trái tim, nhã nhặn và tử tế đối với thật nhiều người, làm cho thật nhiều người ưa thích. Từ bỏ những lời nói phù phiếm, người tu hành không nói những lời phù phiếm, chỉ thốt lên những lời nói đúng lúc, trung thực, có ý nghĩa, phù hợp với Đạo pháp và giới luật, xứng đáng để lưu lại, hợp lẽ, thích nghi với mục đích tối hậu và bồ ích” (trích trong kinh *Maha-Tanhasankhaya-Sutta*, bản dịch Pháp ngữ của Môhan Wijayaratna, trong quyển *La Philosophie du Bouddha*, Ed. de la Sagesse, 1995, tr.69).

Là cư sĩ và nhất là tu sĩ luôn phải khắc ghi lời dạy ấy. Đó đây chúng ta vẫn nghe có vị cư sĩ và nghiêm trọng hơn có cả tu sĩ trong khi thuyết pháp, tự ý “vận dụng pháp”, giảng theo biên kiến hay tâm tư chủ quan của mình, đôi lúc còn sân hận, khiến tín đồ hiểu không đúng về Phật pháp.

Lời nói hay ngôn từ là trung gian giữa tâm thức (tác ý) và thân xác... Chúng ta đang đối mặt với một thế giới tràn ngập bởi các phương tiện truyền thông khiến chúng ta có khi không kịp suy nghĩ vì khối lượng thông tin nhận vào quá lớn. Thế nên, chúng ta cần những nguồn truyền thông tích cực. “Và với Phật giáo, truyền thông tích cực không nằm ngoài con đường Bát chánh đạo hay Trung đạo. Và văn hóa Phật giáo không gì khác hơn là sự áp dụng con đường Trung đạo đó trong mọi sinh hoạt của đời sống cá nhân và xã hội. Có thể nói văn hóa Phật giáo là tất cả những phương tiện, những hình thái sinh hoạt của đời sống đưa đến chỗ bớt tham, bớt sân, bớt si cho cá nhân và tập thể”.

(Thị Giới - bài dẫn trên)

Chúng ta phải giáo dục con trẻ và tự mình, những người trưởng thành từ nhân dân cho đến quan chức, tu tập tính trung thực trong hành động và lời nói, song song rèn luyện tâm thức với tình yêu thương và lòng

khoan dung để tránh nói điều xấu, ác, gây hiềm khích trong các mối quan hệ xã hội. Vì Bát chánh đạo, trong đó có Chánh ngữ, là cửa ngõ mở ra con đường xây dựng những cộng đồng lành mạnh, hạnh phúc, hướng đến một đời sống văn minh. Nó vừa là phương tiện, mà cũng vừa là cứu cánh. Chúng ta hiểu ý nghĩa của tương tức, tương sinh, tương dung tương nhiếp giữa con người với con người và với môi trường xung quanh. Một người nói dối sẽ tác động dây chuyền đến người khác và cứ thế nếu không ngăn chặn, chúng ta sẽ “vong thân” với chính mình vì cá nhân ảnh hiện trong cộng đồng và ngược lại. Chúng ta hiểu để có Chánh ngữ, chúng ta phải có Chánh kiến để nhận định trung thực về thế giới chung quanh, bên cạnh Chánh tư duy và Chánh định tạo sức mạnh nội tâm khiến ta kiên trì với quan điểm của mình.

Đã có thời chúng ta lên án lối sống tha hóa theo những giá trị ảo hay giả dối mà Jean Paul Sartre gọi là “ngụy tín” (mauvais foi). Người ta không dám nói thật điều mình nghĩ, hay nghĩ thật về việc mình làm.

Văn Cao có lần bộc bạch:

*Buổi sáng nay cả phố phường như mở hội
Mọi con người đeo mặt nạ đi chơi
Những bước chân nhảy múa
Vui lên càn non*

...

*Những mặt nạ gặp nhau chào hỏi
Những em bé búp-bê mùa xuân.*

(Năm buổi sáng không có
trong sự thật, thơ Văn Cao)

Vậy đó, đã đến lúc đi đến nơi làm việc và về nhà với cùng một khuôn mặt. Khuôn mặt ấy vui buồn hiện ra như lời nói - không che giấu, khuất tất và trung thực. Phải đi lại từ đầu, như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có lần đã viết:

“Dạy cho con tiếng nói thật thà...”

Con chớ quên màu da, nước Việt xưa...”

Vâng, “*Gia tài của Mẹ*” sẽ là một nước Việt buồn nếu có những đứa con thiếu thật thà. Hãy vì một nước Việt ngày mai hạnh phúc và trung thực! ■

Chén trà Tào Khê

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Uống trà là một nét đẹp văn hóa truyền thống của Á Đông theo phương châm “*Bình minh nhất trần trà*”. Cách đây hàng ngàn năm, con người đã biết đến trà như một loại nước uống mang lại sự sáng khoái, thanh khiết cho tinh thần, là cách để khai tâm mở trí. Người ta xem chén trà là đầu câu chuyện, là gợi mở tâm linh, là giao thoa văn hóa và kết nối lòng người.

Mỗi sáng sớm trước giờ công phu, thị giả dâng đến chư tôn đức những chén trà đạo vị của trường hạ Quảng Đức, Melbourne, Úc châu, khiến tôi nhớ đến mùi thơm của chén trà Tào Khê năm nào. Trong nhà Thiền ai cũng từng nghe qua câu:

“Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,

Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ”;

hay những cụm từ có tính cách kinh điển như “*ăn cơm Hương Tích*”, “*uống trà Tào Khê*”, “*ngồi thuyền Bát Nhã*”, “*ngắm trăng Lăng Già*”... Ở đây, trà Tào Khê là loại trà như thế nào?

Tào Khê, vốn là một địa danh nổi tiếng trong Phật giáo. Thuở ban đầu Tào Khê là tên của một dòng suối chảy trước chùa Hoa Nam, thuộc núi Song Phong, quận Khúc Giang, thành phố Thiệu Quan, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa. Tương truyền vào năm 502 Tây lịch, một nhà sư Ấn Độ tên là Trí Dược Tam Tạng đi thuyền sang Trung Hoa để truyền đạo. Khi thuyền đi ngang dòng Tào Khê, ngài Trí Dược lấy tay vốc nước nếm thử, thấy thơm ngon, liền bảo: “*Đầu nguồn suối này ắt có nơi đất tốt*”. Ngài liền ngược dòng tìm lên nguồn, mở núi dựng chùa, đặt tên là Bảo Lâm tự (sau này đổi thành Hoa Nam tự). Về sau, ngài Huệ Năng, vị Tổ đời thứ sáu của Thiền tông Trung Quốc, đến đây hoằng pháp, thổi một luồng gió mới cho đời sống tu hành của người đệ tử Phật với pháp tu đốn ngộ. Từ đó hàng triệu đệ tử Phật khắp nơi đã nhờ vào pháp tu của ngài mà đạt đến hạnh phúc, an lạc, giác ngộ và giải thoát.

Chính vì sự xuất hiện của Lục tổ Huệ Năng ở Tào Khê mà cảnh trí ở nơi này đã trở thành Phật cảnh, y báo và chánh báo của suối Tào Khê và chùa Hoa Nam đều viên mãn. Con người giác ngộ ở đâu thì cảnh vật ở nơi đó đều thay đổi, môi trường sống xung quanh trở nên mát mẻ và thanh thoát. Và cũng từ đó, nói đến Tào Khê là nói về Lục tổ Huệ Năng và cõi giới tu hành của ngài. Tào Khê đã trở thành một danh thắng tâm linh, là điểm đến của khách hành hương. Hiện nay có hàng vạn lượt người đổ về đây để chiêm bái mỗi ngày. Khách đến đây được đãi chén trà thơm lấy từ dòng suối Tào Khê trước chùa, sẽ cảm thấy lòng mình an lạc sáng khoái đến lạ lùng. Chỉ cần được một ngụm trà Tào Khê rồi, hành giả sẽ không bao giờ có thể quên được hương vị độc nhất vô nhị của nó. Thật đúng như lời tự tình của một vị Thiền sư “*Đến đây rồi niềm vui khó tả trình, chỉ nhìn thấy nụ cười luôn hé nở*”. Và cũng từ đó, dòng suối Tào Khê được xem là tượng trưng cho dòng nước cam lồ có tác dụng tẩy sạch phiền não, nhiễm ô, xóa tan đi mọi bụi trần khổ đau của nhân thế.

Trà Tào Khê thực sự là những giọt nước cam lồ mát dịu, một dòng suối từ bi chảy dài xuyên suốt qua bao thế kỷ, mang theo chất liệu mát ngọt của trí tuệ và từ bi để nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng của bao thế hệ nhân sinh. Hình ảnh chén trà Tào Khê trong cửa thiền của Tổ Huệ Năng lưu lại đẹp lung linh kỳ ảo, nhìn vào đó ta thấy tất cả cội nguồn tâm linh của quá trình dẫn thân hành đạo của chư vị tiền bối, từ Phật tổ Thích-ca; Sơ tổ Ca-diếp; Nhị tổ A-nan; Tổ 28 Ấn Độ và cũng là Sơ tổ Trung Hoa, Bồ-đề Đạt-ma, rồi truyền xuống cho Huệ Khả; Tăng Xán; Đạo Tín; Hoàng Nhãn và Huệ Năng.

Lục tổ Huệ Năng (638-713) là người đặc đạo lúc chưa xuất gia, là vị Tổ thứ sáu của Thiền tông, là đệ tử truyền thừa của Ngũ tổ Hoàng Nhãn. Ngài họ Lô, sinh trong một gia đình nghèo, cha mất sớm, nên không được đi học; lớn lên làm nghề bán củi để nuôi mẹ. Năm 22 tuổi, một ngày nọ, nhân một lần đi bán củi, nghe một người

tụng kinh, ngài liền hỏi tụng kinh gì mà nghe hay quá; người đó bảo là do đi viếng chùa Đông Thiền, huyện Huỳnh Mai, xứ Kỳ Châu, nghe Ngũ tổ Hoàng Nhẫn giảng rằng nếu ai thọ trì kinh *Kim Cang* thì liền thấy tánh và sẽ thành Phật. Nhờ có nhân duyên từ kiếp trước, nên ngài Huệ Năng đã được người giúp cho mười lượng bạc để lo cho mẹ già, rồi ngài an tâm lên đường để tìm đến Huỳnh Mai tu học. Đi bộ gần hai tháng trời mới đến nơi. Khi gặp mặt, được Ngũ tổ hỏi: “Con là người phương nào, đến đây cầu việc gì?”, Huệ Năng đáp: “Con là người ở Lân Nam, đến đây chỉ cầu thành Phật”. Ngũ tổ bảo: “Là người Lân Nam, giống người dã man, thành Phật thế nào được?”; Huệ Năng thưa: “Con người tuy phân có Nam Bắc, nhưng Phật tánh nào có Bắc Nam?”.

Qua cách đối đáp, Tổ Hoàng Nhẫn nhận ra ngay đây không phải là người thường, nhưng không truyền pháp ngay, cho xuống bếp làm công quả gánh nước, giặt gạo... Hơn tám tháng sau, Ngũ tổ thấy đã đến lúc phải truyền tâm ấn cho người kế thừa, nên tập chúng và ra lệnh cho chúng đệ tử mỗi người viết kệ trình bày sở chứng của mình. Lúc ấy chỉ có thầy Thần Tú, một đệ tử lớn, tri thức xuất chúng, đã trình kệ: “*Thân thị Bồ đề thọ, Tâm như minh cảnh đài, Thời thời cần phát thức, Vật sử nhạ trần ai*”, nghĩa là: “*Thân là cội Bồ đề, Tâm như đài gương sáng, Phải luôn nhớ lau chùi, Chớ để dính bụi trần*”. Ngài Thần Tú so sánh thân người như cây Bồ-đề và tâm người như đài gương sáng và người tu hành phải lo lau chùi, giữ tấm gương luôn luôn được trong sáng. Lúc ấy, Tổ Huệ Năng đang giặt gạo trong bếp, nghe đọc bài kệ biết người làm chùa tỏ ngộ đạo mầu, nên ngài đã nhờ người khác viết bài kệ của mình như sau: “*Bồ-đề bốn vô thọ, minh cảnh diệt phi đài, Bốn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?*” nghĩa là: “*Bồ-đề vốn chẳng cây, gương sáng cũng chẳng phải là đài, Xưa nay không một vật, nơi nào dính bụi trần?*”. Nghe bài kệ, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn biết Huệ Năng vượt hẳn Thần Tú, đã kiến tánh, nhưng sợ tổn hại đến Huệ Năng, nên nửa đêm gọi Huệ Năng vào tịnh thất và thuyết trọn kinh *Kim Cang* cho ngài. Đến câu “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”, “*Đừng để tâm vướng víu nơi nào*”, ngài hoát nhiên đại ngộ và thốt ra bốn câu: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt, nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, nào ngờ tự tánh vốn không dao động, nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp*”. Ngũ tổ truyền y bát cho ngài và khuyên ngài đi về phương Nam.

Tiếp đó, trong suốt mười lăm năm, ngài Huệ Năng vẫn trong thân phận là cư sĩ, ở ẩn trong nhóm người thợ săn, họ bắt ngài giữ lưới, thấy có thú rừng lọt vào thì mở ra thả, và tùy nghi thuyết pháp cho chúng. Đến bữa ăn thì ngài phương tiện ăn rau gỏi trong nồi nấu thịt của họ. Sau đó, cơ duyên đến, Ngài về chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, chứng kiến hai vị Tăng tranh cãi quyết liệt, bắt phân thắng bại về tấm phướn treo trước chùa. “*Phướn động hay gió động*”. Tổ Huệ Năng khai thị:

“*không phải gió động, cũng không phải phướn động, mà tâm các vị động*”, lúc ấy thầy trụ trì Ấn Tông đến hỏi: “*Nghe nói y pháp Huỳnh Mai đã truyền về phương Nam, phải chăng là hành giả đây?*”. Lúc đó ngài mới tự nhận mình là truyền nhân của Ngũ tổ. Sư Ấn Tông tổ chức lễ thụ pháp cho ngài và nhận ngài làm thầy.

Sau đó, Tổ Huệ Năng bắt đầu giáo hóa ở chùa Pháp Tánh, rồi về chùa Bảo Lâm ở suối Tào Khê và thành lập Nam tông Thiền phái, xiển dương pháp tu đốn ngộ, tức chứng ngộ ngay tức khắc, một sự nhảy vọt bất ngờ, mang tính trực giác, trong lúc ngài Thần Tú chủ trương tiệm ngộ, pháp tu giác ngộ từ từ theo thời gian, dùng suy luận, tu tập theo chỉ dạy của kinh sách mà giác ngộ. Trong cuộc tranh chấp giữa hai phái đốn ngộ và tiệm ngộ, pháp môn của Tổ Huệ Năng đã chứng tỏ sinh lực của mình, sản sinh ra vô số Đại sư và trở thành truyền phái đích thật của Phật pháp tại Trung Quốc và truyền ra nước ngoài, còn phái của ngài Thần Tú chỉ vài thế hệ sau là khô chết.

Sau đời của Tổ Huệ Năng, chén trà Tào Khê theo chân của các Thiền sư truyền đến Việt Nam. Tại VN qua sự truyền thừa của Tổ sư Minh Hoàng Tử Dung, khai sơn chùa Ấn Tôn, tức chùa Từ Đàm, Huế; Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo, khai sơn chùa Chúc Thánh, Quảng Nam; Pháp phái Liễu Quán xuất phát từ Tổ Liễu Quán quê ở Phú Yên, đệ tử cầu pháp với Tổ sư Minh Hoàng Tử Dung. Thiền phái Lâm Tế Liễu Quán đã phát triển rực rỡ ở Huế, Nha Trang, Sài Gòn và Lâm Tế Chúc Thánh qua sự giáo hóa của Tổ Minh Hải Pháp Bảo đã truyền trì và phát triển mạnh ở Hội An, Quảng Nam, Bình Định...

Pháp phái Lâm Tế Liễu Quán do Tổ Liễu Quán truyền theo bài kệ như sau:

*Thiệt Tế Đại Đạo
Tánh Hải Thanh Trừng
Tâm Nguyên Quảng Nhuận
Đức Bốn Từ Phong
Giới Định Phước Huệ
Thể Dụng Viên Thông
Vĩnh Siêu Trí Quả
Mật Khế Thành Công
Truyền Trì Diệu Lý
Diễn Xướng Chánh Tôn
Hạnh Giải Tương Ứng
Đạt Ngộ Chơn Không.*

Pháp phái Lâm Tế Chúc Thánh do Tổ Minh Hải khai sáng được truyền thừa thứ tự theo bài kệ truyền pháp ở Quảng Nam như sau:

*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chơn Như Thị Đồng
Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu
Kỳ Quốc Tộ Địa Trường.
Đắc Chánh Luật Vi Tuyên
Tổ Đạo Giải Hạnh Thông
Giác Hoa Bồ Đề Thọ
Sung Mãn Nhân Thiên Trung.*

Trong khi ở Bình Định, bài kệ này được truyền lại như sau:

*Mình Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chơn Như Thị Đồng
Vạn Hữu Duy Nhất Thể
Quán Liễu Tâm Cảnh Không
Giới hương thành chánh quả
Giác Hải Dưng Liên Hoa
Tĩnh Tấn Sanh Phước Huệ
Hạnh Trí Giải Viên Thông
Ảnh Nguyệt Thanh Trung Thủy
Vân Phi Nhật Khứ Lai
Đạt Ngộ Vi Diệu Tánh
Hoàng Khai Tổ Đạo Trường.*

Trong khi đó ở miền Bắc Việt thì có phái Thiền Tào Động, do các ngài Tào Sơn Bản Tịch (840-901) và Động Sơn Lương Giới (807-869) sáng lập từ Trung Hoa truyền vào, nhiều chùa được tạo dựng như chùa Trấn Quốc, chùa Hòe Nhai để truyền bá Phật pháp. Nhìn chung, cả ba phái Thiền từ Trung Hoa sau thời của ngài Huệ Năng, phái Tào Động ở Đàng Ngoài dưới thời chúa Trịnh, hai phái Lâm Tế Liễu Quán và Lâm Tế Chúc Thánh truyền ở Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn, về sau đều phát triển và ảnh hưởng rộng khắp trên toàn cõi VN, từ Ai Nam Quan cho đến Mũi Cà Mau. Đặc biệt sau 1975, các dòng Thiền này được người con nước Việt truyền ra và phát triển mạnh ở Hoa Kỳ, Canada, Âu châu & Úc châu. Mong rằng chư tôn đức Tăng Ni khi làm lễ quy y cho các đệ tử, nên đặt pháp danh theo các bài kệ truyền thống trên để gìn giữ mạng mạch truyền đăng tục diệm, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.

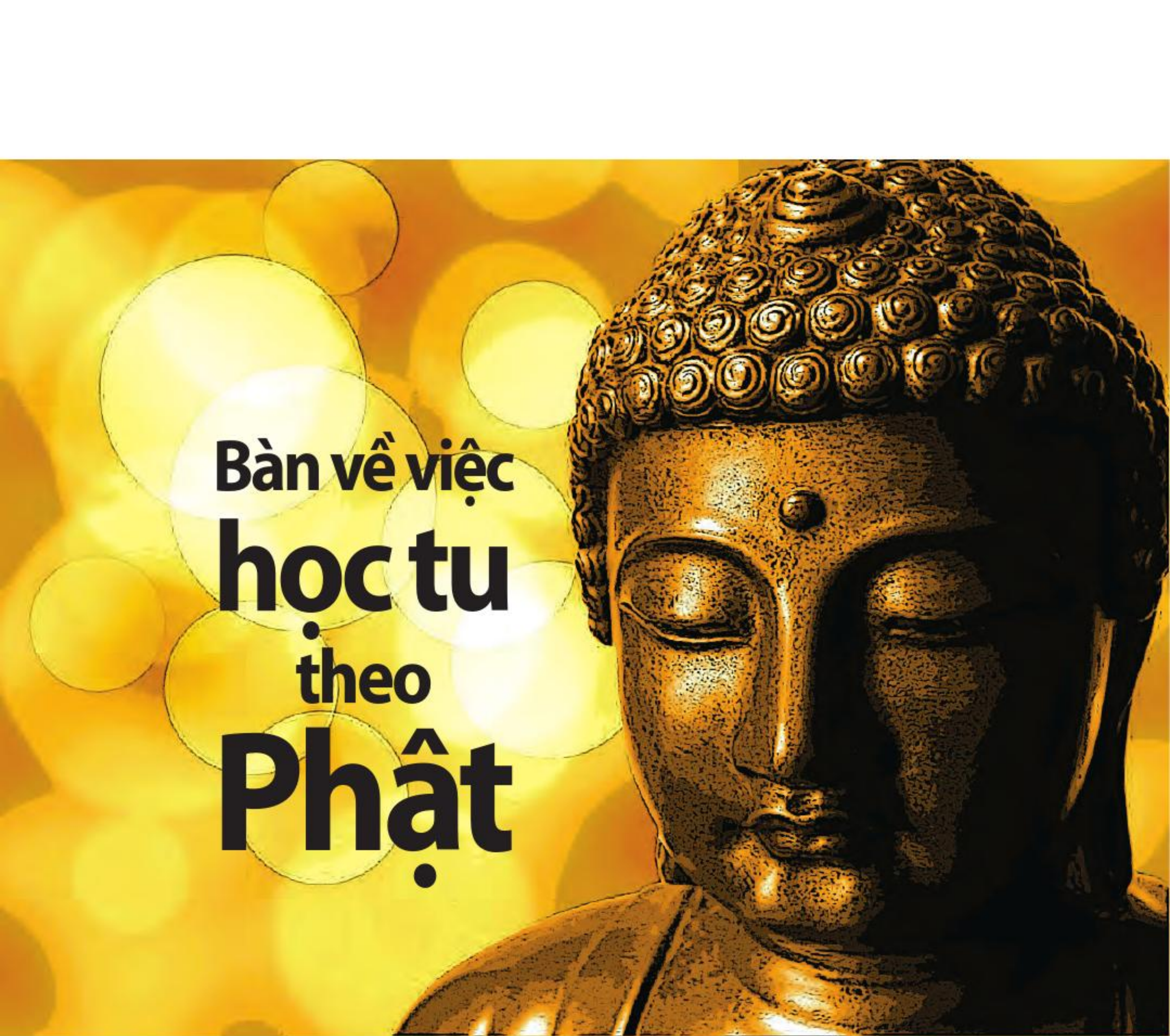
Dòng suối Tào Khê cũng chảy xuống xứ sở Triều Tiên một cách mạnh mẽ, hiện tại tông phái Thiền sâu rộng nhất là Thiền phái Tào Khê (Jogye) được Thiền sư Đạo Nghi (Myeongjeok Doui, 1301-1382), một Tăng sĩ Hàn Quốc nổi tiếng trở về từ Trung Hoa vào năm 1346 và lập nên Thiền phái này trong triều đại Tân La Thống Nhất (Unified Silla). Ngài cho rằng Thiền là một pháp tu tốt nhất để đạt tới giác ngộ. Những bộ kinh căn bản của Thiền phái này là *Kinh Hoa Nghiêm*, *Kinh Bát Nhã*, *Kinh Kim Cang* và *Kinh Pháp Bảo Đàn*. Có khoảng 1.725 ngôi chùa là chi nhánh ở khắp trong và ngoài Triều Tiên; khoảng 10.056 Tăng Ni hành đạo và gần 10 triệu Phật tử quy y theo phái Tào Khê này.

Bên cạnh Triều Tiên, dòng suối Tào Khê cũng chảy qua xứ hoa Anh Đào Nhật Bản vào thế kỷ thứ IX từ Trung Hoa, tại đây hai Thiền phái Lâm Tế và Tào Động đều ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của Lục tổ Huệ Năng. Thứ nhất, Thiền phái Lâm Tế (Rinzai Sect): do công khai sáng của Thiền sư người Nhật Vinh Tây (Eisai, 1141-1215). Ngài xuất gia từ năm mười ba tuổi ở chùa An Dưỡng (Annyo) ở Kibitsu. Ngài đã đến Trung Hoa để học đạo trong hai lần, vào những năm 1168 và 1187. Lần sau cùng Ngài về đến Nhật vào năm 1191 và xây

dựng chùa Shofuku ở Hakata. Ngôi chùa này được xem là ngôi chùa đầu tiên trên đất nước này. Năm 1215, triều đình Nhật xây dựng chùa Kiến Nhân (Kennin-ji) tại Kyoto, ngài được thỉnh về là Chứng minh Đạo sư cho ngôi già-lam này. Ngài cũng được xem là người có công trong văn hóa uống trà của Nhật, đã mang giống trà từ Trung Hoa về trồng ở Nhật. Vị Thiền sư nổi tiếng của Thiền phái này về sau là ngài Bạch Ẩn (Hakui Ekaku, 1685-1786) với những tác phẩm để lại cho đời. Ngày nay ở Nhật có 14 chi phái thuộc dòng Thiền này, tuy không hợp nhất về tổ chức, nhưng vẫn theo đuổi lý tưởng ban đầu của Tổ sư Vinh Tây. Thứ hai, Thiền Tào Động (Soto/Tsao-tung): là một trong năm Thiền phái chính của Trung Hoa và là một trong mười ba tông phái chính của Phật giáo Nhật. Đây là một Thiền phái kiểu mẫu như để so sánh với Thiền Lâm Tế. Nếu Lâm Tế thích ứng với giới thượng lưu trí thức, thì Tào Động lại gần gũi với tầng lớp bình dân. Thiền Tào Động được Thiền sư Đạo Nguyên (Dogen, 1200-1253) khai sáng. Ngài Đạo Nguyên vốn là đệ tử của Tổ Vinh Tây, sau đó ngài sang Trung Hoa du học và trở về Nhật Bản xây dựng Thiền phái này. Người kế thừa và làm lớn mạnh dòng Thiền này là Thiền sư Suzuki Shosan (1579-1653). Hiện nay ngôi già-lam chính của Thiền phái này là chùa Tổng Trì (Soji-ji) ở Yokohama do Thiền sư Hành Cơ (Gyogi, 666-749) tạo dựng năm 1321.

Sự phát xuất của lá trà Tào Khê cũng lung linh kỳ tuyệt, đó là lá trà của Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma. Năm xưa, lúc ngài từ Ấn sang Trung Hoa để truyền đạo, vì chưa đến cơ duyên khai thị cho vua Lương Võ Đế, nên ngài đã vào núi Thiếu Lâm để thiền tọa suốt chín năm, chờ đợi thời cơ; trong lúc thiền tọa, ngài ngủ gật, bực mình, ngài đã đưa tay xé mí mắt của mình vứt xuống đất; ngay tại đó, đã mọc lên một loại cây có lá xanh tươi, lấy lá đó nấu nước uống, tỉnh thức đến lạ kỳ; về sau người ta gọi đó là lá trà. Giờ đây chúng ta uống chén trà này, lá trà lấy từ Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma và lấy nước từ suối Tào Khê của Tổ Huệ Năng, để tạo nên một chén trà tỉnh thức giác ngộ. Đó là một hình ảnh tuyệt mỹ lấp lánh có một không hai trên thế gian này.

Tóm lại, dòng chảy giác ngộ và tỉnh thức kia đã bắt nguồn từ đỉnh Hy-mã-lạp sơn Ấn Độ, rồi chảy xuống Trường An, Lạc Dương, rồi nối kết với dòng suối Tào Khê ở Quảng Châu, rồi chia ra thành 5 nhánh (1. *Lâm Tế*, 2. *Quy Ngưỡng*, 3. *Tào Động*, 4. *Vân Môn*, 5. *Pháp Nhân*), trong đó, có nhánh chảy qua Triều Tiên, Nhật Bản, có nhánh chảy vào Việt Nam, rồi lan truyền đến các quốc gia phương Tây. Dòng suối mát Tào Khê hiện đã chảy vào các vùng đất lạ ở trên toàn cầu như Trung Đông và châu Phi. Dòng suối mát Tào Khê, chảy đến đâu đều mang lại đặc chất mát dịu, ngọt ngào và tỉnh thức đến đây, ai đó có duyên may uống được ngụm trà Tào Khê này lập tức nhận ra đường đi lối về của nhân quả nghiệp báo, để rồi lo tỉnh tu giác ngộ và giải thoát. ■



Bàn về việc học tu theo Phật

THÍCH HẠNH TUỆ

1 Sống theo lời Phật phù hợp với tất cả mọi người

Trước đây, cũng như hiện nay, có rất nhiều Phật tử và những người thích đạo Phật có chung thắc mắc, rằng học tu theo lời dạy của Đức Phật thì hay lý tưởng quá, tuyệt vời quá và hợp chân lý quá; nhưng trong thực tế bon chen kiếm sống hàng ngày thì khó áp dụng vào đời sống thực tế được. Như vậy làm sao mới đúng?

Quả là mới nhìn bề ngoài thì tưởng như lời Phật dạy đi ngược với đời sống bon chen đời thường hàng ngày. Vì chúng ta hay nghe trong kinh dạy, tu hành là đi ngược dòng thế tục, ngược dòng khổ đau, ngược dòng sinh tử mà. Ta hãy quan sát thế này:

- Một là, thói quen sinh sống, cư xử, làm việc, giao tiếp, làm việc của chúng ta luôn trong trạng thái không

tĩnh giác, bị hoàn cảnh và lòng tham dục chi phối, chỉ lấy mục tiêu đạt được cuối cùng là kiếm ra nhiều tiền, thỏa mãn nhu cầu ham muốn, leo lên chức vụ cao, thỏa mãn quyền lực... nhưng chưa hẳn là có được cuộc sống an vui hạnh phúc. Vì cho dù mình thuận lợi đạt được tiền tài danh lợi, nhưng vẫn khổ não với sự ham muốn tham dục, cố chấp không khi nào thỏa mãn của ta. Chỉ nói những tính xấu của ta đủ làm khổ đau cho ta rồi.

- Hai là, mục tiêu mà người học tu theo Phật hướng tới là phát triển đạo đức và trí tuệ, hoàn thiện nhân cách để có cuộc sống an vui hạnh phúc, không chỉ cho riêng mình mà còn vì hạnh phúc của số đông. Sống tỉnh giác chánh niệm trong mọi sinh hoạt, lấy lòng từ bi làm kim chỉ nam cho mọi hành động, không bao giờ có ý niệm tổn hại người, vật và thiên nhiên, một đời sống hướng

thiện, ý nghĩa và tích cực. Niềm vui và hạnh phúc có được là niềm vui cao thượng thanh tịnh an lành.

- Ba là, người học tu theo Phật, lấy việc nâng cao trí tuệ, đạo đức, thành tựu giác ngộ giải thoát, rồi tận tâm tận lực cứu giúp chúng sinh, cứu giúp mọi người còn đang đau khổ làm mục tiêu. Trên lộ trình tu thành Phật quả, dù không mong cầu giàu sang vinh hoa, phú quý, nhưng chắc chắn là đời sống của họ tốt lên về mọi mặt, cả vật chất và tinh thần, được mọi người tôn trọng thương kính. Người xưa nói, có phước có đức mặc sức mà hưởng. Dù đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng cao, nhưng họ không dính mắc, không tham đắm, không ham muốn hưởng thụ, mà chọn cuộc sống đơn giản, đạm bạc, hết lòng cứu giúp chúng sinh. Ví dụ như Thái tử Tất-đạt-đa, Phật hoàng Trần Nhân Tông, Tam tổ Huyền Quang...

- Bốn là, sống theo lời Phật dạy, nhưng không cứng nhắc và cố chấp, ở trong vị trí nào hoàn cảnh nào, khu xử uyển chuyển cho phù hợp với vị trí ấy hoàn cảnh ấy nhưng vẫn thuận theo nguyên lý từ bi bất hại, không gây tổn hại cho người vật và thiên nhiên.

Quan sát kỹ những điều này sẽ thấy, ta sống đẹp sống tốt giữa cuộc đời theo lời Phật dạy, không những không đi ngược với dòng đời mà còn góp thêm những gì tốt đẹp cho cuộc đời một cách thực tế nhất.

2 Vì sao cần phải tu tập?

Ai mong muốn có cuộc sống tốt đẹp an vui hạnh phúc thì cũng cần phải tu tập. Tu tập là tỉnh giác chánh niệm, sáng suốt trong từng giây phút hiện tại, làm chủ thân, miệng, ý, phát triển những đức tính tốt đẹp của mỗi con người như thương người, bao dung, chân thật, siêng năng, từ bi, nhẫn nại, tha thứ, Đồng thời nhận diện, chuyển hóa, dứt trừ những thói hư, tật xấu, tính ác của bản thân như: ích kỷ, tham lam, cố chấp thù hận, ganh ghét, dối trá, độc ác, lừa dối, lường gạt...

Nếu đời sống thể hiện được nhiều tính tốt trong lời nói, hành động, suy nghĩ hướng thiện, từ bi, tích cực... thì đó là đời sống nhiều niềm vui hạnh phúc hướng đến giải thoát Niết-bàn, xa lìa mọi khổ đau, phiền não trói buộc.

Đời sống bộc lộ nhiều điều ác đức, gây tổn hại người, vật và thiên nhiên, trong lòng ôm nhiều sự cố chấp thù ghét, ích kỷ, giận hờn thì sẽ luôn nhuốm đầy đau khổ không vui.

Có thể nói, muốn sống hạnh phúc an vui thì phải có phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Ai có đạo đức tốt, người ấy sống hạnh phúc an vui. Phẩm chất cuộc sống của con người phụ thuộc vào đức tính của người đó. Như vậy, sống an vui hay sống đau khổ là do chính ta lựa chọn.

Tu tập phát triển những đức tính tốt đẹp, tăng trưởng trí tuệ và phước đức là điều vô cùng cần thiết cho cuộc sống hướng đến hạnh phúc mà mỗi con người đều mong muốn.

3 Vì sao người hiền biết tu sống tốt hay bị khổ?

Đây cũng là thắc mắc khá phổ biến của nhiều người, vì chưa thấu rõ tường tận triết lý nhân quả, mà chỉ nhìn một cách phiến diện, bề ngoài của một số trường hợp cụ thể trong đời sống.

Chúng ta hãy nhìn nhận vấn đề này như sau:

- Một là, sống trên đời này, không ai là không khổ; ngoài tám loại khổ mà kinh đã nêu, mỗi người còn có những nỗi khổ khác nhau, cách khổ khác nhau, mức khổ khác nhau từ vật chất đến tinh thần, bất kể giàu nghèo sang hèn. Sự thật về khổ là một trong Tứ diệu đế mà Đức Phật đã chỉ ra.

- Hai là, trong tâm người nào còn tham dục, còn sân hận, còn vô minh, còn ích kỷ, còn ý nghĩ ác, còn ganh ghét, còn nói, làm, suy nghĩ tổn hại chúng sinh thì chắc chắn người đó còn khổ dài dài, kể cả khi họ đang sống giàu sang phú quý.

- Ba là, ta phải hiểu như thật về lý nhân quả, Trước kia, hay hiện nay, khi ta còn gây nhân bất thiện, tổn hại người khác, làm khổ chúng sinh thì ta còn khổ. Chỉ có Phật, Bồ-tát và người giác ngộ thì mới hết khổ.

- Bốn là, ta hay nhìn phiến diện, bề ngoài, hời hợt... để thấy người nào đó là hiền lành, sống tốt; nhưng thực chất thế nào ta khó mà biết được; họ đã và đang tạo bao nhiêu ác nghiệp rồi... ta cũng không biết được.

- Năm là, ta quan sát nhân quả của chính bản thân ta thì ta thấy rõ nhất về sự công bằng bình đẳng của lý nhân quả. Nhân quả là định luật công bằng, minh bạch, không bao giờ sai.

Ai thiếu trí tuệ, thiếu phước đức, thiếu tu hành, thiếu nhẫn nại thì sẽ còn khổ nào dài dài. Chỉ có nỗ lực tu tập theo lời dạy của Đức Phật, dứt hẳn các việc ác hại người, hại vật, siêng làm các việc lành, thường tu phước trí, thanh tịnh thân tâm, nỗ lực thiến định, thành tựu tuệ giác, dứt trừ tham dục, si mê, cố chấp, sẽ dần thoát khổ đau triển miên.

4 Nghịch cảnh thành tựu cho mình!

Khi ta học tu theo lời dạy của Phật, để nâng cao phẩm chất làm người, đi ngược với dòng nghiệp chướng khổ đau thì chắc chắn sẽ gặp không ít chướng ngại nghịch cảnh.

- Con người thường thích, thường cầu cho bản thân và gia đình luôn gặp nhiều may mắn thuận lợi hanh thông.

- Thật ra, những khó khăn, chướng ngại, nghịch cảnh trong cuộc đời cũng có ích lợi và tác dụng rất lớn cho tương lai và mức độ thành tựu của người đó, mà đa phần bị họ nhìn dưới góc nhìn bi quan tiêu cực khi gặp khó khăn.

- Khó khăn là một trong những động lực thúc đẩy chúng ta cố gắng vượt qua, mỗi lần vượt qua là ta đã thăng tiến một bậc.

- Khó khăn trui rèn cho ta sức mạnh của ý chí, sự kiên trì, lòng nhẫn nại.

- Khó khăn nghịch cảnh giúp ta rèn sức định của tâm, tăng trí thức trí tuệ.

- Khó khăn chướng ngại như leo núi, càng leo khó càng lên cao, tầm mắt càng trông rõ, trông xa.

Không có ai trong cuộc đời không vượt qua khó khăn mà thành tựu được gì.

Thái tử Tất-đạt-đa đích thân trải qua muôn vạn khó khăn nguy hiểm chướng ngại khổ cực mới tu hành thành Phật.

Pháp sư Huyền Trang trải qua ngàn vạn gian nan mới thỉnh được chân kinh, thành tựu được công đức hy hữu.

Một người muốn tạo dựng sự nghiệp tâm thường ở thế gian cũng phải ngâm đắng nuốt cay thức khuya dậy sớm, rèn luyện học hành, vượt qua trắc trở mới có hy vọng thành đạt.

Tóm lại, chúng ta quan sát kỹ sẽ thấy sự cần thiết của khó khăn chướng ngại trong cuộc sống của ta và có cái nhìn tích cực vui vẻ nỗ lực vượt qua những chướng ngại tất yếu trong cuộc đời để tạo nên ý nghĩa thật của cuộc sống.

Chính khó khăn mang lại thành tựu cho ta; nên ta hãy công bằng và cảm ơn những nghịch cảnh chướng ngại rồi vui vẻ kiên trì tích cực đối diện và nhẹ nhàng chuyển hóa...

5 Vài hướng quán sát và tu tập cụ thể

Trên lộ trình tu tập thành tựu phước trí viên mãn, hãy trải nghiệm minh triết đạo Phật, để giúp cuộc sống của ta giảm bớt ưu phiền.

Trước hết ta hãy suy nghĩ sâu:

1/ Xác định rõ, cái gì thật sự cần thiết cho đời sống hạnh phúc của ta, tránh chạy theo những xu hướng thời thượng, đẳng cấp thể diện ảo;

2/ Tùy duyên buông xả, tránh thái độ cứng nhắc, cố chấp, không để sự giận hờn thù ghét ích kỷ làm khổ ta;

3/ Nỗ lực phấn đấu sống và làm việc hết mình, nhưng không quá xem trọng, cố chấp sự thành bại, được mất;

4/ Trân quý thời gian, dùng vào việc tu tập, có ích, trân trọng tình thân;

5/ Suy nghĩ theo hướng lạc quan tích cực, ngay cả khi đối diện với nghịch cảnh;

6/ Chú trọng đời sống đạo đức, tâm linh, học Phật, ngồi thiền, niệm Phật, làm thiện, giúp người sẽ giúp cuộc sống thanh tịnh, thư thả và ý nghĩa hơn.

Ta tập quán sát và chuyển hóa:

1/ Tập quán sát, kiểm soát tâm trạng, cảm xúc, tâm lý của ta, thay vì mất kiểm soát, cứ đưng đầu phát đó. Quan sát một cách tỉnh giác, sáng suốt như người giữ nhà canh cửa, không cần phải can thiệp;

2/ Chuyển sân hận nóng nảy thành từ bi nhẫn nại (Tức là dùng từ bi nhẫn nại để chuyển hóa sân hận);

3/ Chuyển tham lam thành bố thí;

4/ Chuyển đồ kỵ thành ngưỡng mộ;

5/ Chuyển ích kỷ thành độ lượng;

6/ Chuyển ương bướng thành nhu hòa;

7/ Chuyển hấp tấp thành điềm đạm;

8/ Chuyển cố chấp thành hỷ xả.

Thật ra, làm người ai cũng muốn được sống tốt, sống vui, sống thiện như vậy, nhưng khó làm lắm? Đúng là có chút khó khăn; nhưng quyết tâm, bền chí thì hoàn toàn có thể làm được và nhiều người đã làm được. Quan sát rõ tính vô thường, vô ngã của mọi sự vật, hiện tượng, con người, thấu rõ nỗi khổ chung của mình và mọi người. Ví như thấy rõ mạng người chỉ ngắn trong một hơi thở thì không phí phạm thời gian để hơn thua giận hờn, đồ kỵ, ích kỷ, cố chấp...

Quan sát sâu tính vô ngã, tính không thật có, tính giả tạm của vạn pháp, của mọi sự vật hiện tượng thì dần dần ta có thể làm được.

Tập bố thí

Quán vô ngã

Tỉnh giác từ bi

Nhẫn hòa hỷ xả

Vui hạnh phúc. ■





Tỳ-kheo tát thuyền này

THIỆN THANH

Kinh *Pháp Cú* xác nhận sự kiện người xuất gia mà thường xuyên nỗ lực tu tập và thanh lọc nội tâm, khiến cho tâm càng ngày càng trở nên trong sáng, thanh tịnh, không còn uesthiễm bởi tham-sân-si, thì mau chóng đạt đến Niết-bàn tịch tịnh, tức vắng bật hoàn toàn tham-sân-si, chấm dứt mọi phiền não khổ đau:

*Tỳ-kheo tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chúng đạt Niết-bàn¹.*

Thuyền này tức là thân ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), là quāng thời gian hiện hữu của con người trên cõi đời. Phàm sinh ra ở đời thì mỗi người đều mang tấm thân ngũ uẩn và đều nương vào thân ngũ uẩn để tồn tại và thực hiện mọi ước mong của mình. Theo quan niệm của đạo Phật thì khổ đau sanh tử hàm tàng trong thân ngũ uẩn mà an lạc giải thoát cũng có sẵn trong thân ngũ uẩn của mỗi người². Chính thân ngũ uẩn mà mỗi người đang mang là con thuyền không bánh lái đưa đẩy người ấy trôi dạt chỗ này chỗ kia trong biển sanh tử luân hồi, nhưng cũng chính thân ngũ uẩn ấy là phương tiện hữu hiệu đưa người ấy ra khỏi luân hồi khổ đau, đạt đến bờ giải thoát, Niết-bàn. Vấn đề là con người biết vận dụng thân ngũ uẩn ấy như thế nào. Nếu thiếu hiểu biết và vận dụng sai lầm

thì thân ngũ uẩn sẽ thành ra chướng ngại, mang lại khổ đau cho đời sống của con người; trái lại, nếu khéo hiểu biết và sử dụng đúng đắn thì chính thân ngũ uẩn ấy trở thành phương tiện thiện xảo giúp con người thành tựu các mục đích cao quý, đưa đến chấm dứt khổ đau. Ý nghĩa và giá trị đích thực của đời người nằm ở chỗ này, tức là biết vận dụng quāng đời ngắn ngủi của kiếp người để thức tỉnh, để ra khỏi mê lầm khổ đau. Chính vì thế mà Đức Phật dạy Tỳ-kheo tát thuyền này, cốt yếu khuyên nhắc người xuất gia cần phải hiểu rõ và vận dụng đúng đắn thân ngũ uẩn hay quāng đời ngắn ngủi của mình để làm phương tiện đi ra khỏi khổ đau, để chứng đạt Niết-bàn.

Thế nào là Tỳ-kheo tát thuyền này? Đó là nỗ lực tát cạn tham-sân-si, bào mòn các bất thiện pháp tiềm tàng trong chính mình, trong mỗi ý nghĩ, lời nói và việc làm của mình. Đó là việc làm chính đáng, hàng ngày, hàng giờ của người xuất gia. Mục đích tu học của người xuất gia là làm sao mau chóng dứt trừ tham-sân-si, đạt đến Niết-bàn tịch tịnh, chấm dứt khổ đau sanh tử luân hồi. Để thực hiện điều đó thì người xuất gia phải tập trung tu học lời Phật dạy, phải chuyên tâm thực hành Giới-Định-Tuệ để chuyển hóa tự thân, làm trong sạch mọi ý nghĩ, lời nói và hành động, vì Niết-bàn là sự vắng mặt hoàn toàn các cấu uế tham-sân-si. Khi vị Tỳ-kheo nỗ lực chuyển hóa bản thân, làm trong sạch mọi ý nghĩ, lời nói và hành động của mình trên nền tảng thực thi Giới-

Định-Tuệ (từ bỏ tà kiến, thực hành Chánh kiến; từ bỏ tà tư duy, thực hành Chánh tư duy; từ bỏ tà ngữ, thực hành Chánh ngữ; từ bỏ tà nghiệp, thực hành Chánh nghiệp; từ bỏ tà mạng, thực hành Chánh mạng; từ bỏ tà tinh tấn, thực hành Chánh tinh tấn; từ bỏ tà niệm, thực hành Chánh niệm; từ bỏ tà định, thực hành Chánh định) thì vị ấy được xem là đang tát cạn con thuyền ngũ uẩn, khiến cho con thuyền ấy trở thành trống không, rỗng không, sạch không, không cấu uế, không còn tham-sân-si, không nặng nề, không chướng ngại, nhẹ nhàng lướt nhanh đến bờ giác ngộ, gọi là đạt đến đích Niết-bàn.

Kinh tạng Pàli gọi một người như vậy là “bậc A-la-hán, đã đoạn trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát”.

Có hai bài kinh do Đức Phật giảng cho các Tỳ-kheo, minh họa ý nghĩa Tỳ-kheo chuyên tâm trì chí tát cạn con thuyền ngũ uẩn, khiến cho con thuyền ấy dần dần trở nên trống không, sạch không, không còn tham-sân-si, quyết chắc đưa vị ấy đạt đến giải thoát các lậu hoặc, thực chứng Niết-bàn. Bài kinh thứ nhất đề cập về một người thợ nề miệt mài lao động hết năm này qua năm khác đến độ đầu vân tay của mình in sâu trên cán búa. Bài kinh thứ hai nói đến người thợ kim hoàn cần mẫn trong các khâu đai lọc và nung nấu quặng vàng để cuối cùng có được loại vàng tinh luyện, có thể tạo ra các sản phẩm theo ý mình muốn.

Nguyên văn lời Phật trong bài kinh thứ nhất:

“Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không chú tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: ‘Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!’ Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ, không có tu tập Bốn chánh cần, không có tu tập Bốn như ý túc, không có tu tập Năm căn, không có tu tập Năm lực, không có tu tập Bảy Bồ-đề phần, không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỳ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách. Dẫu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: ‘Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!’ Tuy vậy, các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!

Vì cớ sao? Này các Tỳ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy không được con gà mái nằm ấp một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dẫu cho có khởi lên ý muốn: ‘Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ!’ tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dẫu cho không khởi lên ước muốn: ‘Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!’ tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần, có tu tập Bốn như ý túc, có tu tập Năm căn, có tu tập Năm lực, có tu tập Bảy Bồ-đề phần, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỳ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm đúng cách, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dẫu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: ‘Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!’ tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn.

Vì cớ sao? Này các Tỳ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống chú tâm tu tập, dẫu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: ‘Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ!’ tuy vậy, tâm vị ấy cũng được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỳ-kheo, một người thợ nề hay thợ nề người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: ‘Hôm nay từng ấy cán búa của ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy’. Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: ‘Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy’. Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc³.

Bài kinh thứ hai:

“Này các Tỳ-kheo, có những uế nhiễm thô tạp của vàng như bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi. Người đai lọc bụi hay đệ tử của người đai lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa.



Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm bậc trung của vàng, như cát đá, sạn tể nhị và các hạt cát thô tạp. Người đãi lọc bụi hay để từ người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm tế nhị, như cát mịn và cát bụi đen. Người đãi lọc bụi, hay để từ người đãi lọc bụi lại rửa sạch nữa, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn. Làm xong như vậy, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng.

Rồi người thợ vàng hay để từ người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò, rồi thụt ống bể, thụt ống bể thêm, thụt ống bể cho đến khi vàng bắt đầu chảy, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ấy được thụt bể, được thụt bể thêm nữa, được thụt bể hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò, chưa được làm xong, chưa sạch các uế nhiễm, chưa có nhu nhuyển, chưa có kham nhậm, chưa có sáng chói. Vàng ấy còn có thể bể vụn và chưa có thể được tác thành tốt đẹp.

Có một thời, này các Tỳ-kheo, người thợ vàng ấy hay để từ người thợ vàng ấy lại thụt bể, thụt bể thêm nữa, thụt bể hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò. Vàng ấy được thụt bể, được thụt bể thêm nữa, được thụt bể hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các uế nhiễm, được nhu nhuyển, được kham nhận và được chói sáng. Vàng ấy không bị bể vụn, và có thể được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn, như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỳ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi lại.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, dục tâm, sân tâm, hại tâm. Tỳ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử tế nhị, như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ, tư tưởng không bị

khinh rẻ. Tỳ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tầm (tư tưởng về pháp).

Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhất tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép. Nhưng đến một thời, này các Tỳ-kheo, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhứt tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép, tùy thuộc theo pháp gì tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ, trỗi lên ngang qua đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Mong rằng với tâm của mình có thể biết được tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của các loài Người khác như sau: Tâm có tham biết là tâm có tham. Tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm có sân biết là tâm có sân. Tâm không sân biết là tâm không sân. Tâm có si biết là tâm có si. Tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm Thiền định. Tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết

là tâm không giải thoát; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh tại đây'. Vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục, đọa xứ. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những vị này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Như vậy, với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta có thể biết rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào"⁴.

Cả hai bài kinh đều nói rõ phương pháp tu tập quyết chắc đưa người xuất gia đạt đến đoạn trừ các lậu hoặc, giải thoát khổ đau sanh tử luân hồi, và đều nhấn mạnh thái độ chuyên tâm trì chí trong việc theo đuổi lời Phật dạy như là điều kiện tất yếu để thành tựu mục đích đoạn tận các lậu hoặc.

Các lậu hoặc (āsava) là thuật ngữ chỉ chung cho các pháp bất thiện, nhiễm ô (tham-sân-si; năm triền cái: tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi ngờ; mười kiết sử: thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân, sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh), làm phát sanh phiền não khổ đau, vốn tiềm tàng trong thân ngũ uẩn của mỗi người. Chúng được tích tập lâu ngày trong cơ thể và tâm thức con người gọi là tập khí sanh tử, có chức năng làm sanh khởi thân ngũ uẩn trong hiện tại và tạo điều kiện cho thân ngũ uẩn tiếp tục sanh khởi ở các đời tiếp theo trong vòng sanh tử luân hồi. Theo quan niệm của đạo

Phật thì ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) là pháp khổ đau, vì chúng chịu sự sanh diệt, là chỗ quy tụ và hiện hành của mọi mê lầm phiền toái; do vậy sự có mặt hay sự tiếp tục sanh khởi của thân ngũ uẩn tức là sự có mặt hay sanh khởi của khổ đau. Nhưng ngũ uẩn sở dĩ có mặt hay tiếp tục sanh khởi là do các lậu hoặc sanh khởi và hiện hữu, tức do tham-sân-si, các triền cái hay các kiết sử sinh khởi mà tạo nên. Vì vậy, để dứt trừ khổ đau, nghĩa là khiến cho ngũ uẩn không tiếp tục sanh khởi, khổ đau không còn hiện hành, thì người xuất gia phải tập trung dứt trừ các lậu hoặc, phải nỗ lực trì chí bào mòn các lậu hoặc mỗi ngày cho đến khi chúng hoàn toàn tiêu trừ; giống như người thợ nề hay người thợ kim hoàn mài và cưa mòn trong công việc của mình vậy. Đây gọi là Tỳ-kheo tát thuyền này, tức là nỗ lực bào mòn các lậu hoặc, kiên trì tát cạn tham-sân-si hay các bất thiện pháp trong chính mình để tâm thức đi đến giác ngộ. Vị ấy được mô tả có thái độ quyết tâm trì chí như vậy:

"Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, Tỳ-kheo khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí"⁵.

Cổ nhiên, như Đức Phật đã dạy, không ai biết chắc mình bào mòn hay làm tiêu trừ được bao nhiêu các pháp ô nhiễm mỗi ngày. Nhưng với sự nỗ lực đều đặn và kinh nghiệm tu tập, người ta có thể quyết chắc và nhận ra sự giảm thiểu của các tập khí tham-sân-si trong đời sống hàng ngày. Đây chính là dấu hiệu của sự tinh cần tát cạn con thuyền ngũ uẩn, một sự tinh cần đúng đắn (Chánh tinh tấn) nhằm loại trừ tám tà đạo và phát huy tám Thánh đạo, khiến cho vị Tỳ-kheo có đủ tin tưởng và kiên trì trong việc nỗ lực bào mòn các lậu hoặc mỗi ngày; tựa như người thợ nề lao động cần cù, tin tưởng nhiều công trình xây dựng hữu ích đã được hoàn thành khi nhận ra dấu vân tay in trên cán búa hoặc như người thợ kim hoàn cần mẫn, quyết chắc các sản phẩm trang sức bằng vàng sẽ được tạo ra như ý muốn khi nhìn thấy các quặng vàng lần lượt được đãi sạch các chất uế tạp, chỉ còn lại các hạt vàng lấp lánh hiện ra vậy. ■

Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú, kệ số 369.
2. Kinh Gánh nặng, Tương Ưng Bộ.
3. Kinh Sự tu tập, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh Kê lọc vàng, Tăng Chi Bộ.
5. Để phân biệt tâm kinh, Trung Bộ.



Từ đất vọt lên

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Kinh *Pháp Hoa* thường dùng những thí dụ, nhất là những ẩn dụ, để nói đến diệu pháp, khiến người bình thường dễ tưởng rằng những điều dị thường, thần thoại ấy xảy ra ngoài chúng ta. Chúng ta chỉ thấy chúng thần thoại, huyền hoặc khi cho rằng đó là những việc xảy ra bên ngoài chúng ta, chẳng liên hệ gì đến chúng ta. Điều cần thiết khi học kinh là tin được Đức Phật dùng những ẩn dụ ấy để nói về chính chúng sanh chúng ta, khai thị cho chúng ta ngộ nhập Phật tánh có sẵn nơi mỗi chúng ta.

Khi các Đại Bồ-tát ở các cõi nước phương khác xin Đức Phật cho giữ gìn, đọc tụng, biên chép, cúng dường để truyền bá kinh *Pháp Hoa* ở cõi Ta-bà này, Đức Phật đã từ chối, “*vì cõi Ta-bà của ta tự có sáu vạn hằng hà sa Đại Bồ-tát, sau khi ta diệt độ có thể hộ trì đọc tụng giảng nói kinh này*”.

“*Lúc Đức Phật nói xong thì thế giới Ta-bà, tam thiên đại thiên quốc độ đất đều rung nứt, ở trong đó có vô lượng ngàn vạn ức Đại Bồ-tát đồng thời vọt ra. Các Bồ-tát ấy thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt, vô lượng ánh sáng, trước đây ở dưới cõi Ta-bà, cõi đó trụ giữa hư không*” (Phẩm Tùng địa dũng xuất, thứ 15).

“*Cõi Ta-bà này tự có sáu vạn hằng hà sa Đại Bồ-tát, thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt, đồng thời từ dưới đất vọt lên*”, ngay tại thế giới này vốn có các Đại Bồ-tát, tức là các con của Phật, do Phật giáo hóa, sanh ra về mặt tâm linh. Các Bồ-tát ấy có *Pháp Hoa* trong tâm, đã thành tựu *Pháp Hoa*, cho nên có thể giữ gìn, giảng nói.

Kinh chỉ rõ chỗ từ đó các vị dũng xuất, vọt lên, đó là từ cõi hư không dưới đất của cõi Ta-bà này. Đất này là đất tâm, tâm địa, tức là nền tảng Như Lai tạng, Phật tánh chung cho tất cả chúng sanh và các bậc giác ngộ. Chúng sanh thì đất tâm ấy còn nhiễm ô, chưa được tịnh hóa, còn Đại Bồ-tát thì đã tịnh hóa đất tâm, là tâm không còn ô nhiễm, là tâm Không: “*cõi đó trụ giữa hư không*”.

Đất tâm hay tâm địa này là nền tảng chung của chúng sanh, thế giới và các bậc giác ngộ, vì thế kinh nói chỉ có một Phật thừa, chỉ có một vị:

*Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có pháp Nhất thừa...
Chỉ một sự thật này
Hai thứ chẳng phải chân.*

(Phẩm Phương tiện, thứ 2)

Nhất thừa ấy chính là Phật thừa:

*Dùng thí dụ này
Thuyết một Phật thừa
Các ông có thể
Tin nhận lời này
Tất cả đều sẽ
Được thành Phật đạo.*

(Phẩm Thí dụ, thứ 3)

Tất cả chỉ có và cùng chung một thừa, một Phật thừa, một vị, một pháp:

*Phật bình đẳng nói
Như mưa một vị*

Thầy thầy ngôn từ
Diễn nói một pháp.
Ta rưới mưa pháp
Đầy khắp thế gian
Pháp chỉ một vị
Tùy sức tu hành.

(Phẩm Dược thảo dụ, thứ 5)

Nhờ tâm địa này, một thửa, một vị này, nhờ Phật
tánh này mà chúng sanh có thể thành Phật:

Muốn cho tất cả chúng
Đồng như ta không khác.

(Phẩm Phương tiện, thứ 2)

Các Đại Bồ-tát đã thành tựu vọt lên mạnh mẽ (dùng
xuất) từ nền tảng Phật tánh này:

“Các Đại Bồ-tát từ lúc dưới đất vọt lên, dùng các cách
tán thán của Bồ-tát mà tán thán Phật và Đa Bảo Như Lai,
thời gian ấy trải qua năm mươi tiểu kiếp mà do thần lực
Phật khiến đại chúng thấy như là nửa ngày. Bấy giờ bốn
chúng cũng nhờ thần lực Phật, thấy các Bồ-tát đầy khắp
vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi nước hư không”.

Đất rung nứt và các Đại Bồ-tát từ đất vọt lên (tùng
địa dùng xuất), sự việc này khiến ranh giới phân chia
chân lý tuyệt đối và chân lý tương đối sụp đổ, cảnh giới
giác ngộ và cảnh giới sanh tử hòa nhập với nhau. Trong
đó không gian và thời gian trở thành vô ngại, nghĩa là
giải thoát, một là nhiều, nhiều là một.

Các Đại Bồ-tát từ đất vọt lên như thế thật hoàn hảo,
đó là những Bồ-tát đã chứng Pháp thân, gọi là Pháp
thân Bồ-tát. Đức Phật xác nhận các Bồ-tát ấy... thường
được Ta giáo hóa, và cũng từng ở nơi chư Phật quá khứ
cung kính tôn trọng trông các thiện căn. Bấy giờ Bồ-tát
Di-lặc và tám ngàn hằng sa các Bồ-tát đều nghĩ rằng:
‘Chúng ta từ xưa đến nay chẳng thấy chẳng nghe các
chúng Đại Bồ-tát như thế, từ đất vọt lên, đứng trước
Thế Tôn, chấp tay cúng dường, thăm hỏi Như Lai’.

Tại sao Đức Phật mới ở đời có mấy mươi năm mà
các đệ tử đã thành Đại Bồ-tát từ lâu như thế? Thế Tôn
thành Phật “mới hơn bốn mươi năm”, làm sao mà có
thể giáo hóa vô lượng chúng Bồ-tát đã thành Bồ-tát
Pháp thân từ lâu như thế? Tại sao có hiện tượng “cha
trẻ con già” như vậy?

Câu hỏi đó đã được Đức Phật giải đáp trong phẩm
tiếp theo, phẩm Như Lai thọ lượng, thứ 16. “Từ Ta thành
Phật tới nay lâu hơn số kiếp nhiều như hạt bụi của tất cả
vũ trụ này, lâu hơn số kiếp đó trăm ngàn muôn ức vô số
vô số kiếp” (Phẩm Như Lai thọ lượng, thứ 16).

Thọ lượng của Như Lai là vô lượng vô biên, vì đó là
Pháp thân không sanh không diệt, không tăng không
giảm, không dơ không sạch vậy.

Cha trẻ là người cha mà mọi người đang thấy trước
mắt đây, đó là Hóa thân Phật của Pháp thân Phật, là
Đức Thích-ca Mâu-ni lịch sử. Nhưng thật ra thọ lượng

và giác ngộ của Phật đã từ rất lâu xa, thọ lượng và giác
ngộ ấy là Pháp thân Phật. Như vậy, sự giáo hóa của
Phật pháp thân đối với các vị Bồ-tát Pháp thân từ đất
vọt lên cũng đã có từ rất lâu.

Pháp thân Phật hay Như Lai thọ lượng hay Phật tánh
không thời gian nào không có, không không gian nào
không có. Thế nên Pháp thân Phật giáo hóa trong tất
cả thời gian tất cả không gian:

Nhân tâm kia mến mộ
Bèn xuất hiện nói pháp
Lực thần thông như vậy
Ở nơi vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thứu
Và các trụ xứ khác.

(Phẩm Như Lai thọ lượng, thứ 16)

Những Đại Bồ-tát từ dưới đất vọt lên chính là những
Hóa thân, những đứa con, của Pháp thân, tức là cha.
Những Hóa thân ấy chính là những hoạt động của
Pháp thân nơi cõi Ta-bà này, bởi thế bốn Đại Bồ-tát
đứng đầu đều có tên là Hạnh, nghĩa là hành động, hoạt
động. Bốn vị ấy là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh
Hạnh và An Lập Hạnh.

Nói cách khác, các Đại Bồ-tát Pháp thân từ đất vọt
lên ấy là Dụng và Pháp thân Phật tánh là Thể. “Chúng
Đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông
Hằng, và mỗi Đại Bồ-tát có sáu muôn số cát sông Hằng
làm quyến thuộc”. Cái dụng ấy có sáu muôn vô số, tức
là vô số hoạt động của sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
ý. Với một bậc giác ngộ tức là hoàn toàn ở trong Pháp
thân, thì sáu căn là cái dụng, là Hóa thân thanh tịnh
của Pháp thân vốn thanh tịnh. Với vị ấy tâm địa là Pháp
thân Phật tánh, và các con Bồ-tát từ dưới đất vọt lên,
tức sáu căn, là các hoạt động thanh tịnh của Phật tánh
để giữ gìn giảng nói kinh *Pháp Hoa* ở đời này.

Hiện giờ chúng ta cũng có Phật tánh ấy. Nhưng ở
nơi chúng ta, Phật tánh bị che mờ vì nhiễm ô, ràng
buộc (Như Lai tạng tại triền). Tất cả Phật giáo là để giải
thoát khỏi mọi nhiễm ô, ràng buộc này (Như Lai tạng
xuất triền). Thế nên, chúng ta phải tịnh hóa mọi nhiễm
ô ràng buộc ở cả cha và con bằng những thực hành
để Phật tánh hiển lộ. Các che chướng được loại bỏ
đến đâu, Phật tánh hiển lộ đến đó, và các diệu dụng,
tức các căn thanh tịnh, hiển bày đến đó. Nếu không,
những tùng địa dùng xuất từ đất vọt lên của chúng ta
chỉ là những phiền não làm nhiễm ô đời sống.

Tịnh hóa được đến một lúc nào, chúng ta sẽ thấy
trực tiếp thế gian này là sự tùng địa dùng xuất của Phật
tánh, là những đứa con Hóa thân thanh tịnh của cha
Pháp thân thanh tịnh. Thế gian là sự tùng địa dùng
xuất thanh tịnh của Phật tánh; nói cách khác, thế gian
là sự hiển bày thanh tịnh của Phật tánh.

Như thế là kinh *Pháp Hoa* được “hộ trì, đọc tụng,
giảng nói” ở đời. ■



Tháp chùa Nhâm Dương (Tào Động)

Thiền phái Tào Động Việt Nam

Du nhập - kế thừa - phát triển

THÍCH THIỆN NHƠN

Lời tòa soạn: Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nguyên là Giảng sư, Giáo thọ sư Phật học trong nhiều năm ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, tác giả của nhiều sách và bài báo Phật học. Chúng tôi đã nhiều lần xin Hòa thượng viết bài cho Văn Hóa Phật Giáo. Nay chúng tôi rất vui được Hòa thượng thuận ý. Xin giới thiệu bài viết sau đây cùng độc giả.

1. Nguồn gốc

Thiền phái Tào Động do Thiền sư Đông Sơn Lương Giới (807-869) đời 38 Thiền Ấn - Hoa sáng lập. Ngài là đệ tử Thiền sư Vân Nham Thanh Đàm đời 37, đệ tôn Tổ Huệ Năng đời thứ 33 Thiền tông Ấn - Hoa, đời thứ nhất tông Tào Động. Bởi lẽ, Tổ Huệ Năng có hai đệ tử xuất sắc là Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư. Trong đó, Thanh Nguyên Hành Tư truyền pháp cho Thạch Đầu Hy Thiên. Thạch Đầu Hy Thiên truyền pháp cho Dược Sơn Duy Nghiễm. Dược Sơn Duy Nghiễm truyền pháp cho Vân Nham Thanh Đàm. Vân Nham Thanh Đàm truyền pháp cho Đông Sơn Lương Giới. Về tông Tào Động thì Đông Sơn Lương Giới là đời thứ nhất truyền cho Tào Sơn Bản Tịch đời thứ hai cho đến Thiền sư Tịnh Chu là đời thứ 34... Đạo tràng của tông Tào Động là Viện Sùng Thọ, núi Tào Sơn tỉnh Giang Tây và đạo tràng thứ hai là Ngọc Hà Sơn - Trung Quốc.

2. Du nhập, truyền thừa, phát triển

2.1 Đàng Ngoài

Tông Tào Động du nhập Đại Việt (Việt Nam) từ nửa thế kỷ XVII, cả hai vùng Đàng Trong và Đàng Ngoài dưới thời vua Lê chúa Trịnh, chúa Nguyễn (Lê Thần Tông, Anh Tông). Về Đàng Ngoài, do Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt (1637-1704), tên đời là Đặng Giáp quê Thanh Triều, Hưng Nhân, Thái Bình (Đạo Nam Sơn), năm 1657 xuất gia tại chùa Hồ Đội, huyện Thụy Anh. Năm 1664, ngài sang Hồ Châu Trung Quốc học đạo với Thiền sư Trí Giáo Nhất Cú đời thứ 35 đệ tử Thiền sư Tịnh Chu đời thứ 34 tông Tào Động tại núi Phụng Hoàng, Hồ Châu - Trung Quốc.

Trong thời gian tu học tại núi Phụng Hoàng, có một hôm Thiền sư Trí Giáo hỏi: *Chỗ an thân lập mạng của Ông là thế nào?*

- Thông Giác đáp: *Trong gió lửa nổi dậy / Trên sông nước an nhiên.*

- Trí Giáo hỏi tiếp: *Đêm ngày Ông giữ nó ra sao?*
 - Thông Giác đáp: *Đúng ngọ trăng sao hiện / Nửa đêm mặt trời hồng.*
 - Trí Giáo nói tiếp: *Chuyện an thân lập mạng như thế được rồi. Còn chuyện mặt mũi của Ông xưa nay như thế nào?*
 - Thông Giác đáp: *Quơ sào trên bóng cỏ / Tên nhon sẽ bay qua.*
 - Trí Giáo khen: *Con rắn hai đầu ấy, đừng để cho nó chạy thoát, hãy xỏ mũi nó, cẩn thận nhé. Người thật là xứng đáng con cháu tông Tào Động, Ta ban cho pháp danh Thông Giác và bài kệ về Đại Việt hoàng hóa tông Tào Động như sau:*

1. *Tịnh trí Thông tông từ tánh hải*
Khoan giác đạo sinh quang chính tâm
Mật hạnh nhân đức xứng lương tuệ
Đăng phổ chiếu hoàng pháp vĩnh trường.
 (Hòa thượng Kim Cương Từ dịch)

Về đoạn đối đáp này, theo Thiên phủ chùa Hồng Phúc Hòe Nhai, HT.Thanh Từ dịch: Một hôm Tổ gọi Thông Giác vào liêu hỏi: *Thấy Tánh chưa?* Thông Giác đáp: *Sáng tròn thường ở giữa hư không. Bởi bị mây che, vọng sinh lỏng. Một phen gió thổi mây tứ tán. Thế giới hà sa sáng chiếu thông.*

Tổ Trí Giáo điểm đầu và ban cho pháp danh Thông Giác Đạo Nam và bài kệ:

2. *Tịnh trí Thông tông*
Từ tánh hải khoan
Giác đạo sinh quang
Chính tâm mật hạnh
Nhân đức vi lương.
Hoàng pháp vĩnh trường.
 (HT.Thích Thanh Từ dịch)

Sau ba năm học đạo tại Trung Quốc, năm 1667 Thiền sư trở về Đại Việt (Việt Nam) lưu trú tại chùa Vọng Lão núi An Sơn, huyện Đông Triều, Hải Dương. Ở Hải Dương, Thiền sư gặp lại pháp hữu là Thiền sư Tuệ Nhân tu ở chùa Đông Sơn (chùa Thượng Long), thế danh Mai Tư Phụng, quê Dương Mông, Kim Thành, Hải Dương, còn gọi là Tổ Muống, được vua Lê sắc phong Đại Thánh Đông Sơn Tuệ Nhân Từ Giác Quốc Sư.

Tổ Thông Giác về trụ núi Thẩm Dương và tái thiết chùa Nhâm Dương (chùa Thánh Quang) núi Thẩm Dương đã có từ thời Trần 1279 và hành đạo tại các chùa Tứ Phúc (Côn Sơn) Hạ Long... Do đó, chùa Nhâm Dương là chốn Tổ thứ nhất tông Tào Động. Từ đây phát triển giai đoạn một là tại chùa Thánh Quang - Nhâm Dương, giai đoạn 2 chùa Hồng Phúc Hòe Nhai (Hà Nội) cho đến ngày nay.

Sau thời gian hóa đạo, công viên quả mãn, Ngài gọi Tông Diễn lại di chúc:

Nước cốt tuôn ra rửa bụi trần
Sạch rồi nước lại trở về Chân
Cho người bát nước Cam lồ quý
Ấn tươi chan hòa độ vạn dân.



Sau đó Ngài hóa thân viên tịch năm 1704, đời vua Lê Huy Tông, thọ 68 tuổi. Môn đồ đệ tử làm lễ Trà tỳ, thu lấy xá-lợi, xây tháp tôn thờ tại chùa Nhâm Dương (núi Thẩm Dương) Hải Dương, chốn Tổ đầu tiên của tông Tào Động. Thiền sư Tông Diễn Chân Dung (1640-1711), sau khi Bổn sư viên tịch, Ngài kế thế trụ trì chùa Nhâm Dương - Thánh Quang.

Trong thời gian Tông Diễn còn học đạo, một hôm Tổ Thông Giác gọi lại hỏi: *Như khi Ta đang nghỉ, đợi đến bao giờ có tin tức?* Tông Diễn đáp: *Đúng ngọ thấy bóng tròn, giờ Dần mặt trời mọc.* Thông Giác hỏi: *Giữ gìn như thế nào?* Tông Diễn đáp:

Cẩn có muôn duyên có
Ứng không tất cả không
Có không hai chẳng lập
Mặt trời hiện lên cao.

(Về đoạn đối đáp này, bản dịch Thiên Phước, Lý Việt Dũng ghi: Hòa thượng Tông Diễn - Chơn Dung ở Đông Sơn nghe tin đồn Hòa thượng Thông Giác đi đến Bắc Kinh mà đắc đạo, sau đó trở về Vọng Lão ở An Sơn, nghỉ ngơi ba ngày, Diễn đều thăm hỏi. Tổ bảo: Ta đang nghỉ, đợi khi nào Ta nghỉ xong hử! Diễn nói: Đúng ngọ bóng sẽ tròn, giờ Dần mặt trời ló lên phân nửa...)

Thông Giác đáp: Tào Động tông có ngũ vị thần, Người khế hợp Tâm Tông đáng kế thừa tông Tào Động, hãy cẩn thận nhé, và cho pháp danh Tông Diễn. Với bài kệ phú pháp như sau:

Tất cả pháp không sanh
Tất cả pháp không diệt
Phật Phật, Tổ Tổ truyền
Uẩn không sen (mọc) đầu lười.

Ngài trụ trì chùa Nhâm Dương (Thánh Quang) và Hạ Long - Hải Dương một thời gian dài để hoàng hóa tông Tào Động, thu nhận đệ tử, tiếp Tăng độ chúng rất đông. Về sau ngài về trụ trì chùa Hồng Phúc Hòe Nhai (Thăng Long - Hà Nội), hóa độ chúng sanh, vào cung vua thuyết pháp, thi hành Phật sự không biết mỗi mội, cảm hóa được vua Lê Hy Tông. Sau một thời gian hóa đạo, thân tứ đại đến hồi tạm bỏ, ngài gọi Tịnh Giác - Hành Nhất húy Từ Sơn đến dặn dò và ban cho bài kệ:

*Xuân đến hoa chớm nở
Thu về lá vàng rơi
Đầu cành sương lóng lánh
Cánh hoa tuyết rạng ngời.
Buổi sáng trời trong rỗng bày vầy
Ngày trưa mây sáng voi hiện hình
Vần cợt tuy thấy một
Bầy phụng thể đoàn đồng
Đạt Ma Tây sang truyền pháp gì?
Cành lau qua biển nổi như phau.*

Ngài tịch năm 1711, đời Vua Lê Dụ Tông, thọ 72 tuổi. Các hàng đệ tử làm lễ trà tỳ, xây tháp thờ ở Nhâm Dương, Hải Dương và Hồng Phúc (Hòe Nhại) Thăng Long - Hà Nội.

Sự kế thừa tông Tào Động theo *Thiền uyển kế đăng lục* của Thiền sư Như Sơn (Tứ Sơn) soạn năm 1734 và thùy danh bắt hủ của Thiền sư Pháp Minh hiệu Thiền Tâm soạn năm 1932 ghi lại theo phả hệ Tổ đình Hồng Phúc (Hòe Nhại) như sau:

Đời thứ 1: Thiền sư Thông Giác - Thủy Nguyệt, đời 36 tông Tào Động.

Đời thứ 2: Thiền sư Tông Diễn - Chân Dung, đời 37.

Đời thứ 3: Thiền sư Từ Sơn (Như Sơn) Tịnh Giác - Hạnh Nhất, đời 38.

Đời thứ 4: Thiền sư Tính Chúc - Thiện Thuận, đời 39.

Đời thứ 5: Thiền sư Hải Điện - Lai Nguyên, đời 40.

Đời thứ 40 tông Tào Động còn có:

- Thiền sư Trí Thiếp, hiệu Hải Tại Lợi Sinh.
- Thiền sư Hải Hoàng tự Tịnh Đức hiệu Như Nhã.
- Thiền sư Khoan Nhân, hiệu Phổ Tế tự Thanh Từ.

Đời thứ 6: Thiền sư Đạo Nguyên hiệu Khoan Dực tự Phổ Chiếu, đời 41 tông Tào Động.

Đời 41 còn có:

- Thiền sư Khoan Giác, tự Như Hòa, hiệu Thiện Cần.
- Thiền sư Khoan Thông, tự Chánh Trí, hiệu Thanh Quang.
- Thiền sư Giác Bản, tự Minh Nam, hiệu Thanh Nguyên.

Đời thứ 7: Thiền sư Thanh Đàm, tự Minh Chánh, hiệu Giác Đạo, đời 42 tông Tào Động.

Đời thứ 7: Thiền sư Giác Lâm, tự Minh Liễu, hiệu Lục Hòa, đời 43 tông Tào Động.

Đời thứ 8: Thiền sư Đạo Sinh, tự Minh Đạt, hiệu Thanh Như, đời 44 tông Tào Động.

Đời thứ 9: Thiền sư Quang Lữ, tự Đường Đường, hiệu Như Như (Hồng Phúc Sa Môn), đời 45 tông Tào Động.

Đời thứ 10: Thiền sư Chính Bình, tự Bình Bình, hiệu Vô Tướng (Hòa Thái Sa Môn), đời thứ 46 tông Tào Động.

Đời thứ 11: Hủy Tâm Nghĩa-Nhân Từ... Thiền sư Tâm Viên.

Đời thứ 12: Thiền sư Tâm Huy, đời 47 tông Tào Động.

Đời thứ 13: Đại lão Hòa thượng Đức Nhuận (Thanh Thiệu)- Viện chủ Tổ đình Quảng Bá (1968), Hồng Phúc (Hòe Nhại) Hà Nội (1980); Viện chủ Tổ đình Đồng Đắc (Kim Liên) Ninh Bình, đời 48 tông Tào Động.

Kế thế đời thứ 14: Hòa thượng Thích Thanh Khánh, Thượng tọa Thích Thanh Trung (Thọ Lạc) v.v... đời 49 tông Tào Động.

Như vậy, Thiền phả truyền thừa tại Tổ đình Nhâm Dương (Thánh Quang) Hải Dương chỉ có thể biết đến:

Sơ tổ: Thiền sư Thông Giác Thủy Nguyệt - Đạo Nam

: Thiền sư Tông Diễn - Chân Dung

: Thiền sư Từ Sơn Tịnh Giác - Hạnh Nhất

: Thiền sư Tính Chúc -> HT. Thích Vô Vi, Ni sư Thích Nữ Đàm Mơ

: Tổ Cáy.

Đại lão Hòa thượng Đức Nhuận là bậc cao tăng thạch đức thạch trụ chốn tông lâm, đã đóng góp nhiều công đức trong sự nghiệp giải phóng quê hương, thống nhất đất nước cũng như xây dựng Đạo pháp, phát triển Đạo vàng, góp phần thống nhất Phật giáo qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử và xã hội. Từ cương vị Giám luật Phật giáo tỉnh Ninh Bình, Ủy viên Thường trực Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thủ đô Hà Nội, Phó Hội trưởng Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, rồi Quyền Hội trưởng Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Tu học Phật pháp Trung ương, Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN, v.v...

Về pháp môn tu tập theo Thiền Tào Động, Hòa thượng y cứ Bộ Kinh Lăng Nghiêm Chính Mạch. Về pháp quán tự tánh nghe của Đức Quán Thế Âm; thành tựu Đạo quả, kết tinh pháp tu bằng bài kệ như sau:

*Một niềm xoay lại đối tánh nghe
Muôn sự buông xuôi chỉ lắng nghe
Nghe lắng cho sâu không nghe cảnh
Cảnh rời, vẫn tánh chính Tánh nghe.*

Hiện nay, các Pháp tử Pháp tôn của Hòa thượng hiện trụ các chùa, chốn Tổ Tào Động khắp nơi tại phía Bắc thuộc GHPGVN như: Chùa Quảng Bá (Hoàng Ân), huyện Từ Liêm; Chùa Trấn Quốc - Tây Hồ, chùa Diên Hựu quận Ba Đình, chùa Thiên Phúc (Mễ Trì - Hà Nội), chùa Yên Phú - Thanh Trì, chùa Đại Bi huyện Đông Anh, chùa Đồng Đắc Kim Sơn, Non Nước Phúc Chính, chùa Bích Động - Ninh Bình, chùa Hàm Long - Bắc Giang v.v... trong lòng GHPGVN, với sự nỗ lực duy trì, phát triển cơ sở, hành trì Chánh pháp theo tinh thần tự do Thiền Tịnh song tu của Hiến chương GHPGVN quy định, càng ngày càng khởi sắc và ổn định trong lòng dân tộc Việt Nam thân yêu và GHPGVN trong hiện tại và tương lai.

2.2 Đàng Trong

Tông Tào Động truyền vào Đàng Trong (Đại Việt) vào thế kỷ XVII, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1691) là Hưng Liên Quả Hoàng đệ tử Thiền sư Thạch Liêm theo thuyền buôn cùng Thiền sư Nguyên Thiều vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Trăn về Trung Quốc thỉnh chư Tăng sang hóa đạo tại Đàng Trong lần thứ nhất.

Khi chúa Nguyễn Phúc Trăn mất, chúa Nguyễn Phúc Chu lên ngôi (1691-1725) đã cho hai người sang Trung Quốc là Sứ Trần Thiêm Quang cùng Ngô Tư Quan, kèm theo thư thỉnh của Quốc sư Hưng Liên Quả Hoàng, thỉnh Hòa thượng Thạch Liêm cùng chư Tăng sang truyền đạo

tại Đàng Trong lần thứ hai. Năm 1695, Hòa thượng cùng 50 đệ tử sang Đàng Trong theo lời thỉnh cầu của chúa Nguyễn Phúc Chu. Hòa thượng đến ngụ tại chùa Thiền Lâm (Thuận Hóa). Sau đó tổ chức Đại giới đàn truyền giới cho hơn 1.500 giới tử. Trong Đại giới đàn này, chúa Nguyễn quy y, thọ Bồ-tát giới, được ban đạo hiệu Hưng Đạo - Thiền Túng đạo nhưn, hết lòng hộ trì Phật pháp.

Thiền sư Thạch Liêm chỉ hành đạo Đàng Trong hơn một năm, 1696 Hòa thượng trở về Trung Quốc, để lại cho Đàng Trong năm người đệ tử là Hưng Triệt, giúp chúa Nguyễn lo việc đạo, thường trú tại chùa Thiền Lâm và Giác Hoàng. Còn Giám Sinh Hoàng Thần giúp chúa lo việc nước và chùa về Hậu đường có Khánh Ngu, Tri khách có Thiên vũ.

Trong khi đó, Thiền sư Hưng Liên Quả Hoàng lo duy trì, phát triển cơ sở chùa Tam Thai Quảng Nam Đà Nẵng. Đồng thời cùng Hưng Triệt bảo quản chung chùa Mỹ An (núi Mỹ An) nay là núi Túy Vân - Thuận Hóa, do chúa Nguyễn Phúc Chu phát tâm xây dựng khi mới lên ngôi năm 1692 và chùa Di Đà Hội An - Quảng Nam.

Đồng thời Thiền sư Thạch Liêm cũng có nhân duyên hóa độ người anh thứ ba của chúa Nguyễn là Dương Thiệu hẫu theo đạo, hiểu đạo và hết lòng phụng sự đạo pháp, phục vụ chúa Nguyễn Phúc Chu trong một thời gian dài, sau khi Thiền sư Thạch Liêm về nước năm 1696.

Vì thời gian hành đạo tại Đàng Trong quá ngắn, đệ tử không nhiều, không có người kế thừa, cho nên sau khi Thiền sư Thạch Liêm về nước, thì tông Tào Động bị Thiền phái Lâm Tế chi phối và phát triển liên tục, mở rộng về phương Nam do ân đức của Tổ sư Nguyên Thiệu nên chỉ còn Thiền phái Lâm Tế hoạt động, hiện hữu khắp Đàng Trong cho đến ngày nay.

Các cơ sở do ảnh hưởng của tông Tào Động thì cũng không nhiều, kể cả sau năm 1954, khi đất nước bị chia đôi, cho đến năm 1975, khi đất nước thống nhất, thì có hơn 10 cơ sở tự viện thuộc tông Tào Động như chùa Thiền Lâm Trúc Lâm, Giác Hoàng, Thiền Mụ, Mỹ An (Huế), Tam Thai Quảng Nam - Đà Nẵng, chùa Pháp Hoa, chùa Trấn Quốc, chùa Giác Hải, chùa Nam Thiên Nhất Trụ, chùa Giác Tâm, chùa Giác Minh, chùa Khuông Việt TP.Hồ Chí Minh... trong lòng GHPGVN ngày nay. Nói khác đi là cơ sở tự viện thuộc GHPGVN quản lý theo Hiến chương, Nội quy Tăng sự Trung ương GHPGVN.

3. Kết luận

Tóm lại, tông Tào Động được truyền vào Việt Nam từ nửa thế kỷ XVII cả hai Đàng - Đàng Ngoài và Đàng Trong

dưới thời Vua Lê (Thần Tông, Anh Tông), chúa Trịnh, chúa Nguyễn. Qua quá trình hoạt động cho thấy tông Tào Động Đàng Ngoài, do người Việt Nam sang Trung Quốc học đạo rồi trở về hành đạo tại Việt Nam, mang tính Việt Nam hoàn toàn trong tiến trình kế thừa. Tông Tào Động tại Đàng Trong, do người Trung Quốc truyền bá, không được phổ cập và không tồn tại lâu dài. Nói khác đi, tông Tào Động tại Đàng Ngoài cho đến ngày nay vẫn còn mang truyền thống và hoạt động theo sơn môn pháp phái. Trái lại, tông Tào Động tại Đàng Trong thì đã mất tích từ lâu.

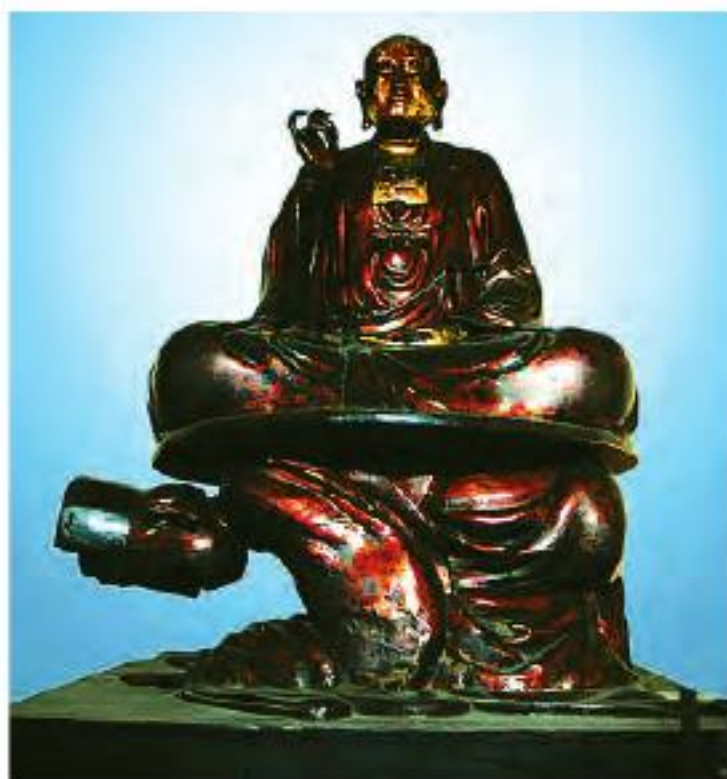
Đối với hai chốn Tổ Tào Động tại Đàng Ngoài, cũng cho thấy rõ: Chốn Tổ thứ nhất là chùa Nhâm Dương (Thánh Quang) Hải Dương, từ năm 1279 - 1400 đời Trần là cơ sở của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Từ năm 1667 Hậu Lê đến nay là chốn Tổ tông Tào Động. Do ảnh hưởng chiến tranh tàn phá, hủy diệt chùa chiền từ năm 1945, do đó bị gián

đoạn một thời gian về mặt kế thừa. Do chiến tranh, nên các Thiền sư Tào Động đã về thành thị để hành đạo, thuận lợi, bình yên hơn. Do đó, chốn Tổ thứ hai là Hồng Phúc (Hòe Nhại) Hà Nội, có sự truyền thừa rõ nét, liên tục từ Sơ tổ Thông Giác, cho đến Hòa thượng Thanh Khánh, Thanh Trung (Thọ Lạc) là 14 đời, theo tông Tào Động là từ đời thứ 36 đến đời thứ 49. Đây là một nét đặc biệt của tông Tào Động Đàng Ngoài, chính là nhờ ân đức gia trì, hộ niệm của các Tổ sư. Ngày nay chốn Tổ Nhâm Dương đang được phục hồi và được Nhà nước công nhận là Di sản Văn hóa cấp quốc gia, là đơn vị cơ sở Phật giáo huyện

Kinh Môn, Tỉnh hội Phật giáo Hải Dương do Ni sư Đàm Mơ trụ trì, kiêm Trưởng ban Trị sự Phật giáo huyện Kinh Môn. Còn chốn Tổ Hồng Phúc (Hòe Nhại) Hà Nội, do Thượng tọa Thanh Trung (Thọ Lạc) trụ trì, sau khi cố Hòa thượng Thích Đức Nhuận - Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN, Viện chủ đời thứ 13, dòng Tào Động thứ 48 viên tịch năm 2003, cả hai đều là thành viên của GHPGVN, hoạt động hữu hiệu, kết quả ổn định, trang nghiêm trong lòng dân tộc, thủ đô và địa phương, ở thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo. ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Thiền uyển kế đăng lục* (Thiền sư Từ Sơn - Như Sơn (1734) bản dịch Thích Thiện Phước, Lý Việt Dũng 2015).
2. *Thiền sư Việt Nam* - HT.Thanh Từ 1992.
3. *Những bài viết của HT. Kim Cương Tử*, Nxb TG 1999.
4. *Việt Nam Phật giáo sử luận* - Nguyễn Lang, Nxb VH 2008.
5. *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam* - Văn Thanh 1974.
6. *Phật giáo xứ Huế* - Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, Nxb TP.HCM 2001.
7. *Phật giáo Đàng Trong* - Nguyễn Hiền Đức, Nxb TP.HCM 1993.
8. *Thiền phái chùa Hồng Phúc*.
9. *Bản tin Hải Dương* - 2015.
10. *Tài liệu Kỷ niệm 30 năm thành lập Phật giáo Hải Dương* (THPG HD 2011).



Tượng cổ “sám hối” chùa Hòe Nhại (Tào Động)



Niềm tin Phật ngày nay: tác động của gia đình và xã hội

THÍCH KHÔNG TÚ

Niềm tin Tam bảo là một trong những khía cạnh tâm lý quan trọng nhất trong đời sống mỗi người Phật tử, tạo nền tảng vững chắc cho việc tu nhân học Phật của tín đồ. Niềm tin này được hình thành tùy theo truyền thống gia đình, những điều kiện kinh tế, chính trị, tập tục văn hóa và môi trường giao tiếp trong cộng đồng xã hội, nên dù cùng sinh hoạt trong một cộng đồng tôn giáo nhưng niềm tin Tam bảo ở mỗi người đều khác nhau. Trong đó, sự tác động của gia đình và xã hội được xem là hai yếu tố quan trọng, đóng vai trò quyết định nhất đến niềm tin Tam bảo của tín đồ.

Tác động của gia đình

Gia đình chính là nơi con người được chăm lo cả về thể chất, trí tuệ, đạo đức, là chiếc nôi nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách đầu tiên tiên của mỗi người. Đồng thời, gia đình cũng là tế bào của xã hội, nơi diễn ra những mối quan hệ xã hội đầu tiên của con người. Cho nên truyền thống, sự giáo dục và quan hệ gia đình là những yếu tố đầu tiên tác động mạnh đến đặc điểm niềm tin Tam bảo trong suốt cả cuộc đời mỗi người.

Ở Việt Nam, Phật giáo là một tôn giáo có chiều dài lịch sử lâu đời nhất (hơn 2.000 năm). Phật giáo cũng là tôn giáo có số lượng tín đồ lớn nhất, hơn một nửa dân số trên danh nghĩa là tín đồ hoặc người có cảm tình với đạo Phật. Với vị thế như vậy, có thể nói hầu hết các gia đình Việt Nam từ xưa đến nay đều có truyền thống Phật giáo hoặc ít nhiều chịu

ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo. Niềm tin vào Phật giáo theo dòng chảy lịch sử đã ngấm ngấm và lan tỏa theo truyền thống gia đình từ thế hệ trước đến thế hệ sau. Niềm tin này được phát triển giữa các thành viên theo chiều ngang của những mối quan hệ vợ chồng, anh em, họ hàng và khi đã cắm rễ được rồi thì phát triển theo cả chiều dọc giữa các thế hệ từ ông bà, cha mẹ đến con cháu.

Các thành viên, những thế hệ con cháu đã noi theo truyền thống của ông bà, cha mẹ hay anh chị mình làm biểu tượng cho sự định hướng và hình thành niềm tin tôn giáo của mình. Thực tế cho thấy, chỉ cần một số người có tầm ảnh hưởng lớn trong gia đình theo đạo thì rất nhiều người trong gia đình, thậm chí cả dòng họ trở thành người có đạo. Điển hình là những đứa trẻ được sinh ra trong gia đình mà cha mẹ có truyền thống Phật giáo, có thờ Phật, có thực hiện các nghi thức tôn giáo trong đời sống sinh hoạt thường nhật thì mặc nhiên đứa trẻ đó sẽ có niềm tin vào Phật giáo và tự nhận mình là tín đồ đạo Phật mặc dù chưa qua buổi lễ quy y nào cả. Dĩ nhiên, cơ chế bắt chước, lây lan này cũng sẽ có tác dụng tương tự khi những người có ảnh hưởng lớn trong gia đình bỏ đạo hay nhát đạo.

Ngoài ra, những biến cố trong cuộc sống gia đình như khó khăn trong nghề nghiệp, sự căng thẳng dai dẳng trong các quan hệ, tình trạng bất ổn về kinh tế gia đình, những mối đe dọa từ bệnh tật, chết chóc, tệ nạn xã hội... đều có thể gây ra những vấn đề ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, vật chất của con người. Trước

những tác động tiêu cực ngoài ý muốn đó, con người thường nảy sinh động cơ tìm đến sự che chở, bảo hộ của ông bà tổ tiên, trời, Phật để mong cầu sự bình yên, hạnh phúc. Không chỉ những biến cố tiêu cực mà ngay cả sự ổn định, thịnh vượng và hạnh phúc của gia đình cũng là điều kiện tác động con người đến với đạo Phật để cảm tạ ơn đức gia hộ, để báo hiếu ông bà tổ tiên, thỏa mãn như cầu hiểu biết tâm linh và thăng hoa đời sống tinh thần của mình. Claude Levi-Strauss (1995) đã đúng khi cho rằng: *"Người ta phải rất ngây thơ và ác ý khi cho rằng, con người chọn các niềm tin tôn giáo của mình mà không phụ thuộc vào hoàn cảnh sống"*¹.

Tác động của xã hội

Xã hội Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập, phát triển và giao lưu trên mọi phương diện. Những biến đổi xã hội trong thời gian qua đã tác động rất nhiều đến tư tưởng, lối sống, đạo đức của toàn bộ người dân trong xã hội. Xã hội hội nhập, thông thương quốc tế bên cạnh những tiến bộ, tích cực cũng kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực như dưới tác động của toàn cầu hoá, sự phát triển của khoa học, kỹ thuật cùng với nâng cao dân trí, thông tin đa chiều, toàn diện kéo theo các mối quan hệ giao tiếp trong xã hội bị chi phối bởi tư duy hàng hóa, quan niệm hàng hóa; khiến con người trở nên thực dụng, đua đòi, ham mê vật chất,... Nói chung, trong buổi giao thời cái cũ có nguy cơ bị phá bỏ, cái mới đang hình thành chưa ổn định sẽ dẫn tới sự rối loạn nhất thời trong xã hội: rối loạn về trật tự xã hội, rối loạn về đạo đức và các hệ giá trị chủ đạo, rối loạn về tâm lý của các thành viên trong xã hội. Đây là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo phát triển, bởi lẽ trong bối cảnh đó con người cần đến tôn giáo để gửi gắm niềm tin, giải tỏa áp lực, nương tựa tinh thần và nuôi dưỡng hy vọng vào một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn cho cá nhân, gia đình.

Trước sự biến đổi tất yếu của thời đại trong đời sống xã hội Việt Nam, niềm tin tôn giáo của tín đồ Phật giáo cũng từng bước điều chỉnh, biến đổi để phù hợp. Điều này thể hiện ở hai khía cạnh. Một mặt, Phật giáo giảm bớt tính linh thiêng, hư ảo, thần thánh trong nhận thức của tín đồ và hướng họ vào niềm tin chân thực trong thực tiễn (phi hóa tôn giáo), bởi vì tính thể tục của xã hội hiện đại có phần đối lập với tính thần thánh của tôn giáo. Những cải cách trong nghi lễ, sự phát triển các lớp giáo lý, sự đa dạng hóa các đạo tràng tu tập, sự phổ biến rộng rãi các chương trình Phật pháp ứng dụng,... là minh chứng cho điều này. Mặt khác, phát huy truyền thống "hộ quốc an dân" từ ngàn năm lịch sử, Phật giáo ngày càng chú tâm tới việc thực hiện hành vi tôn giáo theo xu hướng "thể tục hóa" hay còn gọi là xu hướng "nhập thế", thâm nhập sâu rộng vào đời sống con người để trở thành "Phật giáo nhân gian". Một hình thức nhập thế toàn diện vào đời sống để không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh mà còn cả những nhu cầu thiết thực đời

thường nữa. Cụ thể những năm gần đây Tăng Ni, Phật tử luôn tích cực tham gia vào công tác giáo dục, y tế, từ thiện xã hội làm điều lợi ích cho xã hội, góp phần tích cực làm giảm thiểu mặt trái của xã hội hiện đại. Bình quân hàng năm tổng giá trị từ thiện xã hội giới Phật giáo thực hiện lên đến vài trăm tỷ đồng Việt Nam.

Những điều chỉnh thiết thực, phù hợp trên đã thể hiện được bản lĩnh và vai trò xã hội ngày càng quan trọng của Phật giáo. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng ở Việt Nam, không chỉ có dân chúng ít học đặt niềm tin vào Phật giáo mà ngày nay một bộ phận không nhỏ trong giới trí thức cũng đang gia tăng đức tin vào tôn giáo này.

Tuy nhiên, Phật giáo Việt Nam hiện nay cũng gặp phải không ít những khó khăn, thách thức do hiệu ứng thời đại tạo nên đã ảnh hưởng đến niềm tin của tín đồ. Một số thách thức tiêu biểu có thể kể ra như: Sự phân chia đẳng cấp, tầng lớp xã hội, phân hóa giàu nghèo, vùng miền tạo nên những bất đồng trong tri thức, tư tưởng, kéo theo đó là trình độ nhận thức giáo lý cũng chênh lệch nhau; sự khác biệt giữa hai quan điểm "cũ - mới" bên trong hệ thống tổ chức Phật giáo về chủ trương "nhập thế tích cực" để xây dựng Giáo hội, hướng dẫn Phật tử; ảnh hưởng của văn minh phương Tây và kinh tế thị trường tác động đến một bộ phận Tăng Ni, Phật tử khiến họ sa sút đạo hạnh, suy thoái đạo đức, yếu kém kiến thức Phật học, bỏ quên lý tưởng dẫn thân phục vụ chúng sanh, tìm cầu giác ngộ; sự du nhập của các tôn giáo phương Tây, sự xuất hiện các tôn giáo mới dẫn đến hiện tượng "cải đạo" trong tín đồ hay bị lấn áp trong sinh hoạt... Hiện thực này buộc Phật giáo phải chuyển hóa và có chiến lược tiếp cận hữu hiệu để hoàng pháp, xây dựng niềm tin đúng đắn nơi mọi người; và như thế, không sao tránh khỏi tình trạng lung lay đức tin trong tín đồ cũng như quần chúng. Khắc phục thách thức này *"trách nhiệm mỗi người Phật tử là tích cực học đạo, hành đạo tùy theo từng thời đại, hoàn cảnh với tính đa dạng của nền kinh tế thị trường mà tham gia tích cực đóng góp cho tự thân, gia đình và xã hội"*².

Tóm lại, người theo đạo Phật được hiểu là người có niềm tin đối với Tam bảo, cá nhân không thể trở thành Phật tử nếu thiếu niềm tin vào Tam bảo. Niềm tin này được hình thành và thể hiện thông qua các hoạt động thực tiễn trong sinh hoạt thường ngày của tín đồ. Trong đó, gia đình và xã hội là hai môi trường hoạt động căn bản của con người trong cuộc sống có ảnh hưởng mạnh mẽ đến niềm tin Tam bảo của tín đồ. Vì thế, việc tìm hiểu vai trò tác động của chúng là điều cần thiết để giúp chúng ta có những ứng xử và phương pháp giáo dục tín đồ phù hợp trong thời đại hiện nay. ■

Chú thích:

1. Claude Levi-Strauss (1995), *Tristes Tropiques*, Penguin Edition: 148.
2. Thích Phước Đạt (2007), "Tính năng động của Phật giáo Việt Nam trong quá trình hội nhập", *Nguyệt san Giác Ngộ*, số 130.

Phương pháp giáo dục của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni



ĐOÀN VŨ THỊ HƯỜNG

1. Dẫn nhập

Phần lớn nhân loại kính ngưỡng và có niềm tin đối với Đức Phật vì Ngài là một đấng giác ngộ, là vị giáo chủ khai sáng ra đạo Phật với lòng từ bi và trí tuệ siêu việt, nhưng ít người nhận ra Ngài là người làm nên một triết lý đạo đức, nhân bản và để lại một kho tàng về văn hóa, giáo dục. Ngài là một nhà giáo dục, tất cả những lời dạy của Ngài là những bài học vô giá mà những ai thực hành đều đem lại lợi ích thiết thực cho hiện tại và tương lai. Những cụm từ “định hướng”, “dẫn đường”, hay “dẫn dắt”... thường được sử dụng trong Kinh tạng chính là nói đến vai trò và trách nhiệm của người Thầy dành cho học trò; hay nói đúng hơn đó là chức năng của giáo dục. Điều đặc biệt quan trọng, việc dẫn đường của Đức Phật đem lại hiệu quả nhanh chóng, thiết thực và lợi ích lớn cho học trò trong hiện tại và tương lai chứ không phải đơn thuần chỉ là trao truyền kiến thức. Ngài đã thiết lập nên một hệ thống giáo dục với nội dung, phương pháp cụ thể với những nguyên tắc sư phạm phù hợp mọi thời đại. Đây là điều mà tất cả chúng ta cần quan tâm và có cái nhìn nghiêm túc về hệ thống giáo dục của Đức Phật. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ bàn đến một số phương pháp giáo dục tiêu biểu của đức Phật mà Ngài đã sử dụng để dẫn dắt bao thế hệ học trò và làm nên nền giáo dục Phật giáo.

2. Về phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là “cách thức hoạt động phối hợp thống nhất của nhà giáo dục và người được giáo dục, được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của nhà

giáo dục nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục, phù hợp với mục đích giáo dục”¹. Hay nói cách khác, phương pháp giáo dục là một nhân tố cơ bản của hoạt động giáo dục, nó phản ánh cách thức tổ chức các hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm chuyển hóa những yêu cầu, chuẩn mực do xã hội quy định thành những phẩm chất, hành vi, thói quen của người được giáo dục. Có nhiều phương pháp giáo dục và được phân chia theo nhiều cách khác nhau. Ở đây, chúng ta tạm phân chia chúng thành ba nhóm chính²: Nhóm phương pháp tác động vào ý thức cá nhân: giảng giải, đàm thoại, kể chuyện, nêu gương; nhóm phương pháp giáo dục tổ chức hoạt động để hình thành hành vi và thói quen: giao việc, tập luyện thói quen, rèn luyện; nhóm phương pháp giáo dục kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử: thi đua, khen thưởng, trách phạt.

3. Phương pháp giáo dục của Đức Phật

Có thể nói phương pháp giáo dục của Đức Phật bao gồm những phương pháp giáo dục trên, mặc dù mục tiêu có khác nhau. Mục tiêu giáo dục của Đức Phật là đào tạo con người xã hội và con người chính nó³, nhưng mục đích chính là chuyển hóa con người thành con người có trí tuệ, giác ngộ, hành động chân chánh và đạt tới kết quả hạnh phúc an vui⁴. Đức Phật là một bậc Đạo sư lão luyện, bằng những phương pháp đặc thù, Ngài có thể thuyết phục đối tượng giáo dục thay đổi cách sống, cách suy nghĩ, chấp nhận những giá trị mới và tìm kiếm những mục đích mới bằng những lời thuyết pháp hùng

hồn và sinh động. Ở đây, chúng ta chỉ phân tích một số những phương pháp tiêu biểu mà Ngài thường sử dụng cho việc hoằng pháp lợi sanh.

3.1. Nhóm phương pháp dùng lời

Đây là nhóm phương pháp theo đó Đức Phật sử dụng lời nói để giảng dạy giáo pháp cho hàng đệ tử, bao gồm việc nêu ví dụ cụ thể, việc giảng giải, đàm thoại, kể chuyện v.v...

Phương pháp giảng dạy, nêu thí dụ cụ thể được Đức Thế Tôn sử dụng nhiều nhất. Bởi lẽ, giáo pháp của Đức Phật thậm thâm vi diệu, dành cho “người thấy người biết”⁵, vì vậy, để người nghe dễ dàng nhận ra, hiểu rõ vấn đề, Đức Phật thường nêu những ví dụ cụ thể, người nghe nhân ví dụ mà nắm bắt, thâm nhập và nhận được ý chỉ của Phật. Như kinh *Pháp Hoa* nêu lên ví dụ: “Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có chắc chúng ưa lắm mà bảo rằng: Đây là những món ít có, khó được mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu nay ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây, tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con”⁶.

Ở đoạn kinh này có rất nhiều hình ảnh khó hiểu và nếu như không giải mã, không nêu ví dụ thì người nghe không dễ dàng để hiểu được điều cốt lõi. Đoạn kinh này nằm trong “Ví dụ nhà lửa”⁷, kể về một trưởng giả giàu có. Toà nhà của ông đang bốc cháy, các con ông vẫn không hề hay biết, mãi vui đùa trong đó. “Ngôi nhà lửa” đang bị bốc cháy là dụ cho chúng sanh bị sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não đốt cháy; “Cha” hay “ông trưởng giả” là chỉ cho Đức Phật, bậc đã giác ngộ; “các người con” là chỉ cho tất cả chúng sanh. Những người con đã vì ba xe (xe dê, xe hươu, xe trâu) mà ra khỏi nhà lửa là chỉ cho những bậc Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Nhưng cuối cùng, Phật chỉ đem “cỗ xe lớn”, trang nghiêm nhất để cho chúng sanh, đó chính là Phật thừa.

Tất cả chúng ta cũng đang chìm đắm trong ngũ dục, ấy vậy mà mấy ai tỉnh ngộ? Mấy ai xem đó là những thứ rần rộc đang ở chung với chúng ta? Đức Thế Tôn dùng mười ví dụ để chứng minh các dục là vui ít khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm lại càng nhiều hơn. Các dục, Thế Tôn ví như khúc xương, như miếng thịt, như bó đuốc cỏ khô, như hố than hồng, như cơn mộng, như vật dụng cho mượn, như trái cây, như lò thịt, như gậy nhọn... với mười ví dụ trên, Đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy được sự nguy hiểm của các dục⁸.

Ngoài ra, Ngài còn dùng nhiều ví dụ để nói về ‘ái dục’ và sự nguy hại của nó: “Người say đắm ái dục, Tự lao mình xuống dòng, Như nhện sa vào lưới”⁹.

Sự “yêu thương” hay sự “luyến ái” của con người nhấn chìm con người trong vòng sanh tử luân hồi. Đây là một vấn đề nhạy cảm và rất trừu tượng, khó diễn đạt đã được Đức Phật dùng hình ảnh sinh động “con nhện sa lưới” để diễn tả. Một ví dụ khác:

“Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lút trôi làng ngủ”¹⁰.

‘Người nhặt các hoa’ chính là kẻ say, là người vô minh; ‘các loại hoa’ là ám chỉ cho những dục lạc của con người. Một người tham mê các dục thì luôn đắm say trong đó và bị nó trói buộc. Vì vậy, họ sẽ bị tử thần, tức sự vô thường, già chết vây bắt và kéo lôi. Giống như cơn lút cuốn trôi hết cả làng trong giấc ngủ say mà không ai hay biết.

Một vài trưng dẫn trên cho thấy rằng ngôn ngữ ẩn dụ (một loại hình của ví dụ) là một đặc trưng tiêu biểu và rất phổ quát trong Kinh tạng Phật giáo. Và dĩ nhiên, những ví dụ trên chỉ là một trong vô số trường hợp được trình bày trong kinh, người nghe nhờ những ví dụ này dễ dàng nhận ra ý chỉ của Phật.

Với phương pháp giảng dạy - kể chuyện, Đức Phật cũng thường xuyên sử dụng để dẫn dắt đệ tử mình nhận ra vấn đề một cách nhanh chóng và câu chuyện có thể là lời nhắn nhủ để người nghe nhớ mãi tới bài pháp mỗi khi nhắc đến câu chuyện đó. Điển hình, Đức Phật đã kể hàng nghìn câu chuyện về: chuyện tiền thân của Ngài (Jataka), chuyện Thiên cung sự, ngạ quỷ sự... cũng như các vị Phật, Bồ-tát và mỗi câu chuyện chứa đựng một bài học, một bài pháp nhằm giúp chuyển hóa người nghe. Như câu chuyện nói về quả báo do ngăn cản Phật tử cúng dường thức ăn cho một vị A-la-hán¹¹, chuyện nói về Tôn giả Ananda¹² đã hiến kế sách để vị vua tìm được viên ngọc bị mất cắp... Với những câu chuyện cùng với kỹ năng giao tiếp tốt và nghệ thuật giảng dạy điêu luyện, Đức Phật đã khéo giảng thuyết và dẫn dắt người nghe hiểu rõ vấn đề và có thể giúp họ thay đổi tư duy từ tiêu cực sang tích cực, từ xấu thành tốt. Đặc biệt, lối truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, dễ nắm bắt, kết hợp với việc thấu hiểu tâm lý đối tượng giao tiếp, Đức Phật dễ dàng thuyết phục người nghe, cho dù người ấy có khó tính đến mấy cũng phải cúi đầu kính lễ thán phục Ngài.

Trong các cuộc đàm thoại cá nhân hoặc đàm thoại với những đạo sư của các giáo phái khác, Đức Phật thường sử dụng một vài phương pháp học thuật làm cho cuộc đàm thoại trở nên sinh động và hấp dẫn. Thông thường, Đức Phật không tiến hành cuộc thảo luận nếu như chưa hiểu rõ quan điểm của đối phương. Ngài không bao giờ đưa ra quan điểm của mình mà để đối phương trình bày rõ quan điểm của họ. Sau đó, Đức Phật mới bắt đầu đặt câu hỏi và những câu hỏi được sắp xếp rất cẩn thận, luôn theo một trình tự nhằm chinh phục đối phương, giúp đối phương nhận ra những lý lẽ nguy biến của họ. Điều đáng kính nể là Đức Phật không bao giờ chê bai hay bài bác ý tưởng của đối phương, mà luôn bình thản lắng nghe. Đây là điểm khác biệt giữa Đức Phật và những người khác trong cuộc tranh luận. Nó cũng là một nghệ thuật dẫn dắt và thu phục lòng người. Vì thế, các nhà nghiên cứu nhận định: “Nét độc đáo nhất của Đức Phật là Ngài đã

khéo sắp xếp lại tiến trình suy nghĩ của người tranh luận bằng cách đặt câu hỏi nhanh và liên tục. Phép so sánh và loại suy được sử dụng trong việc làm rõ thêm chi tiết và giải thích những câu hỏi này¹³. Hoặc có những giáo phái thích đi tranh luận, họ là nhóm người chuyên ngụy biện, với kiểu 'biện luận như con lươn', họ càn buống, không biết đúng sai và làm cho mọi thứ rối tung lên, nếu như đối phương thiếu kỹ năng thì sẽ dễ dàng thua cuộc. Với hạng người này, Đức Phật đã chặn đứng họ lại bằng một câu trả lời dứt khoát khiến cho đối phương phải xấu hổ và tự động bỏ đi. Điển hình như trong kinh Mật Hoàn¹⁴, vị Bà-la-môn hỏi Đức Phật "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì?". Câu hỏi này hàm nghĩa đợi chờ câu trả lời về triết lý nhân sinh vũ trụ, sau đó ông ta sẽ tranh luận với Đức Phật về quan điểm này. Nhưng Đức Thế Tôn đã trả lời một cách rõ ràng dứt khoát "không có tranh luận với ai ở đời, các tướng sẽ không ám ảnh một vị Bà-la-môn¹⁵, mà vị ấy không bị dục triển phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi tha hối quá được đoạn diệt, không có tham ái với hữu và phi hữu". Đây là câu trả lời cứng rắn, dứt khoát về quan điểm không tranh luận và đã khiến cho vị này lắc đầu, nhanh chóng ra đi.

Ngoài ra, Ngài còn sử dụng những phương pháp diễn đạt như: diễn dịch, quy nạp hay sử dụng các nghệ thuật của ngôn ngữ như so sánh, ẩn dụ kết hợp với kỹ năng phân tích, tổng hợp.... điều này đã giúp cho việc truyền đạt kiến thức càng hiệu quả, người học tiếp nhận một cách nhanh chóng và đem lại lợi ích thiết thực trong hiện tại và tương lai.

3.2. Nhóm phương pháp tự tỉnh

Đây là một phương pháp đặc biệt mà Đức Phật đã sử dụng giúp cho người khác tự thức tỉnh bằng những câu nói, hành động hoặc một cử chỉ đánh thức. Tuy nhiên, để phương pháp này đạt kết quả tốt và đánh thức được đối phương, đòi hỏi người làm giáo dục phải có nhân cách, được mọi người tôn trọng, cung kính, đồng thời phải nắm bắt được tâm lý đối phương, biết rõ họ đang nghĩ gì, cần gì... Đức Phật hội đủ tất cả các điều kiện cần thiết và Ngài sử dụng rất thành công phương pháp đánh thức này.

Trong thời Đức Phật, bà Kisagotami¹⁶ có một đứa con và đứa con đó đã mang đến cho bà nguồn hạnh phúc vô tận. Niềm vui không trọn, đứa bé khi vừa biết chạy, nó lại xa lìa trần thế. Bà đau xót vô cùng, ôm con đi vào từng nhà để xin thuốc, "Hãy cho con tôi thuốc". Sau đó, bà đi đến tinh xá và cũng xin Đức Phật như vậy. Đức Phật bảo: "Người hãy vào làng xin một nắm hạt cải về đây ta sẽ cứu đứa trẻ sẽ sống lại." Đức Phật còn dặn thêm: "Nhưng người nhớ xin cho được hạt cải ở gia đình nào xưa nay chưa có người chết". Chiều tối người đàn bà mệt là ôm con trở lại, Đức Phật còn chờ ở đấy. Người đàn bà sụt sùi thưa: "Thưa Ngài, con đi khắp xóm làng nhưng không có gia đình nào xưa nay chưa hề có người chết". Phật bảo: "Cả thế gian này có cùng nỗi đau như con". Ngay sau câu nói đó, người đàn bà đã tỉnh ngộ và suy nghĩ: "Đây có thể là bậc Đạo sư dạy khéo cho ta",

nên bà đem con đặt ở nghĩa địa, xin Phật xuất gia và không bao lâu sau chứng quả A-la-hán.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy, Đức Phật đã giúp 'người phụ nữ đau khổ' tự thức tỉnh và nhận ra sự thật của cuộc đời, đó là "ai cũng phải chết". Như vậy, khi một đối tượng đang gặp nỗi đau khổ và nỗi đau ấy đến tột độ, thì chúng ta không nên ngồi ở đó giải thích bất kỳ điều gì, vì dù có nói hay đến mấy, họ cũng không có tâm trạng để lắng nghe. Lúc này, điều có thể làm là chúng ta nên chỉ bảo cho họ làm một việc gì để có thể cứu vớt vấn đề họ đang đau khổ (đứa con chết làm cho Kisagotami đau khổ, vì vậy, việc tìm thuốc để cứu đứa con này là cần thiết). Hơn nữa, vấn đề thứ hai mà chúng ta cần lưu tâm là chúng ta nên chọn một ví dụ nào đó, nhưng nó phải thích hợp với hoàn cảnh mà đối tượng đang gặp (tìm hạt cải ở nhà không có người chết). Quá trình tìm kiếm đã giúp người ấy nhận ra một chân lý của cuộc đời (tất cả con người đều phải chết).

Về sau, phương pháp này được áp dụng nhiều trong nhà thiền, nhất là Thiền tông Trung Hoa, còn được gọi là thiền Công án. Trong các công án thiền, có những câu nói gợi ý ngắn gọn, có những câu hỏi phản vấn, có những câu sử dụng tính mâu thuẫn và cả đến sử dụng cái "vô ngôn" như một cú đánh, một tiếng hét, với gây hèn... nhằm thức tỉnh cái khả năng tự chứng tự nội. Đây là phương pháp hỗ trợ để người học tự phát huy khả năng chứng ngộ của mình, vì khả năng vô hạn ấy có sẵn trong mỗi người, giáo dục không phải áp đặt tri thức từ bên ngoài mà chỉ nhằm khơi dậy cái tri thức vốn có, đánh thức khả năng giác ngộ của mình. Tất cả những công án đó nhằm giúp cho người phản tỉnh, tự nhìn lại mình và tìm ra chân lý.

3.3. Phương pháp giáo dục từ kinh nghiệm thực tế

Dù là thuyết giảng, nêu ví dụ hay tranh luận, Đức Phật đều sử dụng một loạt các phương pháp mang tính kinh nghiệm từ chính tự thân của Ngài. Đức Phật đã trải qua quá trình hỏi đạo, biện chiết với các nhà tư tưởng cũng như thực hành các phương pháp luyện tập của các nhà tu khổ hạnh trước khi quyết tâm thiền định dưới cây Bồ-đề cho đến khi thành chính quả. Bài kinh Tứ Niệm xứ được Đức Phật giảng dạy rất nhiều lần cho hàng đệ tử một cách chi tiết. Đó chính là con đường thực nghiệm mà Ngài đã trải qua các giai đoạn hành thiền, các trạng thái dao động của tâm, sự đau nhức của thân, Ngài đều đã kinh qua. Vì vậy, những bài pháp của Ngài là chính tự Ngài thân chứng, sau đó mới dạy lại cho hàng đệ tử.

Hơn nữa, những gì Ngài nói ra đều mang tính thiết thực, đem lại lợi ích cho đối tượng được nghe, chứ không bao giờ Ngài nói những điều vô ích. Kinh kể lại: Mālunkyaputta hỏi Đức Phật những vấn đề siêu hình như thế giới là thường hay vô thường?... Đức Phật im lặng, không trả lời, sau đó Ngài nói cho anh ta nghe về câu chuyện của người bị mũi tên độc. Vấn đề cấp thiết là nhổ mũi tên độc ra, giải độc và băng bó vết thương chứ không phải đi tìm ai là người bắn mũi tên, họ tên gì, hình

dáng thế nào, xứ sở ở đâu và vì sao bắn? Như vậy, người bị tên sẽ chết trước khi được nghe các câu trả lời. Đó là lý do vì sao Đức Phật không quan tâm giảng giải những vấn đề siêu hình¹⁷.

Suốt quá trình hoàng pháp lợi sanh, những lời dạy của Ngài đều xuất phát từ kinh nghiệm thực chứng và thiết thực cụ thể. Điều đó giúp cho người học tiếp thu một cách hiệu quả và đem lại lợi ích ngay trong hiện tại và tương lai.

3.4. Phương pháp giáo dục bằng thân giáo

Điều kiện căn của một người thầy đúng nghĩa, đó là phải có tri thức và đạo đức. Có tri thức mới có thể sẽ chia tri thức ấy cho người học, có đạo đức mới có thể làm chỗ dựa cho học trò nương tựa và y cứ. Đạo đức là nền tảng mà mọi hạt giống tri thức được gieo trên đó. Nhân cách của người thầy là điều không thể thiếu trong phương pháp giáo dục Phật giáo. Bởi nếu giáo dục chỉ cần ngôn từ để giảng giải thì giáo dục đó sẽ không có hiệu quả. Người xưa có nói: nếu chỉ nói thì đứa bé ba tuổi cũng nói được, nhưng làm thì chưa chắc ông lão tám mươi tuổi đã làm được. Hình ảnh người thầy trong giáo dục Phật giáo bao giờ cũng được quý trọng. Đức Phật không chỉ là người có tri thức, đạo đức mà Ngài là một bậc đại trí tuệ với lòng từ bi vô lượng. Nhân cách đạo đức của Ngài sáng ngời, không ai có thể so sánh được. Chính từ nhân cách đó đã làm cho tất cả những ai gặp Ngài đều phải tôn kính. Thân giáo của Ngài là bài học sống động nhất mà tất cả hàng đệ tử noi theo. Có biết bao người đủ các tầng lớp, giai cấp đã đi theo Ngài bởi nhân cách đạo đức và tấm lòng từ bi, cho đến khi họ tu tập và chứng quả vị đều nhờ thân giáo của Ngài. Có thể nói, chính Ngài đã là ngọn đuốc sáng, là tấm gương cho hàng đệ tử noi theo.

Ngày nay, vai trò thân giáo của người Thầy trong Phật giáo cũng rất cần thiết. Chính vì thế vai trò của chư Tăng được xếp vào hàng Tam bảo. Không những tự thân người thầy là sự thể hiện đầy đủ ý nghĩa, lý tưởng và mục đích của giáo dục mà trong vô hình còn thêm một hiệu quả không nhỏ về mặt giáo dục tình cảm và đạo đức.

4. Kết luận

Qua những gì chúng ta vừa bàn luận, đó chỉ là những bài học rất nhỏ so với Tam tạng kinh điển mà Đức Phật đã để lại, nhưng rõ ràng cũng đủ để chúng ta nhận thấy Ngài là một nhà giáo dục mô phạm với một hệ thống giáo dục hoàn bị. Đức Phật giảng dạy, giáo hóa chúng sanh với những phương pháp thích hợp cho mọi thời đại đem lại lợi ích lớn cho tất cả những ai được học giáo pháp từ Ngài.

Ngoài những phương pháp mà các nền giáo dục hiện đại vẫn đang áp dụng, Đức Phật đặc biệt còn sử dụng những phương pháp mang tính đánh thức, khơi gợi với thân giáo, khẩu giáo và ý giáo một cách linh động phù hợp với từng đối tượng. Quả thật, Đức Phật là bậc Thầy mô phạm; con đường giáo dục của Ngài có giá trị vượt không gian và thời gian. Vì thế, chúng ta cần nghiên cứu

giáo lý Phật giáo một cách nghiêm túc để nhận ra những giá trị mà Phật giáo đã cống hiến cho nhân loại, nhất là về giáo dục. Các nhà giáo dục cần quan tâm nhiều hơn về hệ thống giáo dục Phật giáo và đánh giá một cách chính xác về giá trị mà nền giáo dục này đã mang lại, để có những giải pháp thích hợp đưa giáo dục Phật giáo vào hệ thống giáo dục quốc dân, hoặc ít ra cũng có thể xây dựng một ngành cho việc nghiên cứu, ứng dụng giáo lý Phật giáo trong xã hội hiện đại.

Phương pháp giáo dục Phật giáo là hệ thống các phương pháp không chỉ truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm mà còn điều chỉnh hành vi đạo đức, giúp con người thức tỉnh, tự ngộ và tự hoàn thiện mình mà không bị lệ thuộc bởi bất kỳ một điều kiện hay thế lực nào.

Hiện nay, vai trò thân giáo ngày càng trở nên kém hiệu quả. Đây là một điều rất tế nhị và ai cũng biết nên không cần nói nhiều. Cái khó là chúng ta không làm, không muốn làm hay không làm được. Đây là điều mà tất cả những nhà giáo dục của chúng ta phải ngồi lại để tìm ra phương hướng giải quyết và đặc biệt không nên xem nhẹ “thân giáo” từ người thầy.

Đức Thế Tôn thể hiện tinh thần giáo dục rất thực tiễn, đem lại kết quả một cách thiết thực với mục tiêu cụ thể giúp con người phát triển về mọi mặt và đạt đến mục tiêu cứu cánh nhất đó là trí tuệ giải thoát mà giáo dục hiện đại chưa làm được. Vì vậy, chúng ta phải biết học hỏi và phát huy giá trị đó. ■

Chú thích:

1. Trần Thị Hương (chủ biên, 2009). *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*. HCM: Nxb Đại học Sư phạm, tr.29.
2. Trần Thị Hương (chủ biên, 2009). *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*. HCM: Nxb Đại học Sư phạm, tr.30-42.
3. Thích Chơn Thiện (2006). *Phật học khái luận*. HCM: Nxb Văn Hóa Sài Gòn, tr.74.
4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Giáo dục Phật giáo Việt Nam định hướng và phát triển* (2012). Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.217.
5. *Kinh Trung Bộ* (2003). Tập I. Kinh số 2. [Tài liệu dịch]. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.19.
6. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Thích Trí Tịnh (dịch, 2000). Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.115-116.
7. Xem thêm *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Sđd, tr.99-153.
8. *Kinh Trung Bộ* (2003). Tập I. Kinh số 22 [Tài liệu dịch]. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.295.
9. *Pháp Cú* 347.
10. *Pháp Cú* 47.
11. *Kinh Tiểu Bộ* (2015). Tập IV. Chuyện Trưởng lão Losaka. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.283-298.
12. *Kinh Tiểu Bộ* (2015). Tập IV. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.597-610.
13. Đoàn Minh Huân & Nguyễn Quỳnh Trâm (2001). *Giáo dục minh triết Phật giáo với phát triển bền vững. Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.466.
14. *Kinh Trung Bộ* (2003). Tập I. Kinh số 18 [Tài liệu dịch]. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.247.
15. Bà-la-môn ở đây là chỉ cho một bậc A-la-hán.
16. *Kinh Tiểu Bộ* (2015). Tập IV. Trưởng lão Ni kệ. Kisà Gotamì. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.593.
17. *Kinh Trung Bộ* (2005). Tập II. Tiểu Kinh Malunkya. [Tài liệu dịch]. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tr.198-199.



Tình thương của các vị Bồ-tát

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Ở đây chúng ta cũng nên định nghĩa về hai chữ “tình yêu” (Liebe) và “tình thương” (Barmherzigkeit), xem chúng khác nhau hay giống nhau ở điểm nào. Khi người ta nói đến tình yêu, tức giới hạn giữa con người và con người như nam và nữ yêu nhau hay giữa con người và động vật cũng như cảnh vật chung quanh mình.

Tình yêu luôn có sự chấp ngã và hay bị lụy về đối tượng mình đang yêu; nhưng khi không được yêu và tự ngã của người nam hay người nữ bị tổn thương thì tình yêu ấy không còn là tình yêu nữa, mà đôi khi còn trở nên thù hận với nhau, khi người nam yêu người nữ có nghĩa là người đàn ông ấy muốn chiếm hữu riêng người đàn bà kia về cho mình; còn khuynh hướng của người nữ là khuynh hướng nương tựa; nếu đối tượng



và chư Phật

là người nam mà giới nữ không còn nương tựa được nữa thì tình yêu ấy trở nên xa cách và nguội lạnh dần; không mặn nồng như thuở ban đầu nữa.

Thế nào là tình thương? Tình thương chỉ có và tồn tại nơi những người có tâm hồn vĩ đại, chỉ vì người chứ không phải vì tình yêu vị kỷ cho riêng mình. Người đó có thể là một nhà bác học, hy sinh đời mình, làm việc một cách tận tụy để cứu nhân độ thế, không nề hà đến

đời sống cá nhân của mình như nhà bác học Pasteur, bà Marie Currie, ông Robert Koch... Họ là những người có tầm nhìn xa, muốn cứu nhiều người ra khỏi những cảnh khổ bởi nhiều căn bệnh khó trị của thời đại. Họ cũng có thể là những người thực hành hạnh Bồ-tát, cứu đời quên mình và với lòng từ bi vô lượng là khi nào chúng sanh không còn đau khổ nữa thì các ngài mới nhập Niết-bàn. Từ địa vị Bồ-tát đến quả vị Phật, theo tinh thần Đại thừa, các vị ấy cần rất nhiều thời gian để thành tựu đại nguyện của mình.

Ở đây có thể lấy hai ví dụ của Bồ-tát Quan Thế Âm và Bồ-tát Địa Tạng làm điển hình. Ở Ấn Độ và Tây Tạng, Đức Quan Thế Âm Bồ-tát có hình dạng người nam, có cả ngàn tay ngàn mắt hay nhiều tay nhiều mắt để cứu độ chúng sanh theo 12 lời nguyện và 32 hóa thân của Ngài.

Nhưng khi Phật giáo Đại thừa được truyền đến Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản thì các ngài ở hình tượng của người nữ. Có lẽ với người nữ thì tình thương thể hiện dễ rõ nét hơn người nam chăng? Nên bất cứ đi đâu, tại các quốc gia này chúng ta ít thấy hình dạng của Đức Quan Thế Âm hiện thân là người nam. Do vậy trong kinh *Pháp Hoa* phẩm thứ 25 Phật nói rằng: trong 32 hóa thân ấy, cần thân gì thì Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân tương ứng với điều cần giúp đỡ để thể hiện cho tình thương của mình đối với con người và muôn vật. Điều này cũng tương ứng với danh hiệu "Quán Thế Âm" của Ngài. Có nghĩa là Ngài xem xét, truy cầu tiếng kêu cứu mà đến giúp đỡ. Như vậy ở đây ta phải hiểu là chỉ có tình thương, lòng từ bi mới có thể thể hiện được; còn tình yêu vị kỷ thì không thể nào có một tấm lòng bao dung, độ lượng như vậy.

Ở Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam có tạo dựng 500 hình tượng khác nhau để thể hiện qua việc thiên biến vạn hóa của 1.000 tay và 1.000 con mắt của Đức Bồ-tát Quan Thế Âm. Như vậy khi nghe tiếng kêu cầu bất cứ ở nơi nào trong mười phương vô biên quốc độ, với tình thương cao cả của Ngài không phân biệt nơi đâu, chốn nào hay kẻ kêu cứu ấy thuộc chủng loại gì; với tình thương không phân biệt, Ngài đều hiện thân để cứu khổ.

Với Phật giáo Tây Tạng, sự hóa thân của 14 đời Đạt-lai Lạt-ma; nếu không phải là Đức Quán Thế Âm thì khó có vị Bồ-tát nào có được lòng đại từ đại bi như các Ngài; mặc dầu đi đâu và gặp ai, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 vẫn luôn hay nói rằng: *"Tôi chỉ đơn thuần là một Tăng sĩ Phật giáo"*.

Chữ đơn thuần ấy thể hiện nơi nụ cười, ánh mắt và tấm lòng từ bi của Ngài cho người Tây Tạng nói riêng và nhân loại nói chung trên năm châu bốn biển ngày nay tôn vinh Ngài là một vị Bồ-tát có tấm lòng từ bi vị tha cao cả nhất, đứng trên tất cả những nhà lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo khác, hiện đang có mặt trên thế giới ngày nay. Đây là một chứng minh cụ thể để chúng ta thấy rằng: lòng từ bi, sự vị tha có một giá

trị vô song, mà con người không thể lấy đơn vị vật chất để có thể đo lường được.

Phật giáo Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản có thói quen thờ hình tượng Đức Địa Tạng Vương Bồ-tát và hay tụng kinh *Địa Tạng*. Tương truyền rằng kinh này do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã nói cho Hoàng hậu Ma-gia, thân mẫu của Ngài trên cung trời Đao Lợi, nhân một mùa an cư kiết hạ Ngài vắng mặt nơi cõi trần này, và lúc Ngài về lại thế gian này bằng thần thông thì có vua Ưu Điền mang tượng Phật đến dâng lên Ngài, Ngài Duy-ma-cật đã đến cung nghinh Ngài trước cả vị Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương (theo kinh *Tạp A-hàm*).

Tuy nhiên mỗi dân tộc thờ hình tượng của Ngài Địa Tạng khác nhau, không có nước nào giống như nước nào cả. Nhưng điều giống nhau là trên hai tay của Ngài đều có cầm một hạt minh châu và một cây tích trượng. Hai vật dụng này biểu trưng cho năng lực để cứu thoát những chúng sanh còn bị đọa lạc trầm luân trong các địa ngục. Lời nguyện của Ngài là “khi nào trong địa ngục không còn một chúng sanh nữa, thì Ngài mới thành Phật”. Nương theo lời nguyện này để hiểu, chúng ta thấy lòng từ bi của Ngài cao cả biết là dường bao. Chỉ có tình thương mới có thể hy sinh cuộc đời của mình để cứu giúp cho những chúng sanh khổ đau như thế.

Kinh *Bát Đại Nhân Giác* có nói rằng: “Các vị Bồ-tát thay thế cho tất cả chúng sanh để thọ nhận các khổ báo”. Dẫu cho nghiệp khổ ấy là gì, các Ngài cũng giống như những ông lái đò đưa khách sang sông, còn mình vẫn luôn nổi trôi trên những chuyến đò sanh tử ấy; chỉ mong sao mọi người hết khổ sanh tử, thì mình mới vào Niết-bàn.

Phật cũng có dạy rằng: “Lấy oán báo oán thì oán oán chất chồng; chỉ có lấy ân báo oán thì oán liền tiêu diệt”.

Điều ấy có nghĩa là chỉ có tình thương mới dập tắt được lửa hận thù, nếu đem sự sân hận để đối trị lại với sân hận thì lửa hận thù càng ngày càng chất ngất cao hơn. Do vậy lòng từ bi, tình thương yêu của chư Phật và chư vị Bồ-tát không khác nào những giọt nước thanh lương được bám vào cành dương liễu và Ngài Quan Thế Âm Bồ-tát đã dùng nước thanh tịnh này để rửa sạch không biết bao nhiêu nỗi phiền cho thế gian đầy đau khổ này. Như vậy tình yêu thì có thất vọng, khổ đau và chỉ hạn hẹp trong một hoàn cảnh nào đó; còn tình thương thì không biên giới, không phân biệt màu da, chủng tộc hay loại hình, mà sự ban vui cứu khổ ấy của chư Phật hay của các vị Bồ-tát như Đức Quan Thế Âm và Bồ-tát Địa Tạng là những ví dụ điển hình đã được nêu ra.

Tôi đọc báo “*Tibet và Buddhismus*” từ số đầu tiên cho đến ngày hôm nay và tôi cũng đã hân hạnh gặp Ngài Geshe Thubten Ngawang từ năm 1978 tại Hamburg. Nay thì Ngài đã vãng sanh; nhưng trung tâm Phật giáo Tây Tạng tại Hamburg cũng như trung tâm Semkye

Ling tại Schneverdingen đã thể hiện quá nhiều qua tinh thần từ bi, ban vui cứu khổ này cho người Đức cũng như những người theo Phật giáo, là những hình ảnh thật là tuyệt vời mà trong những năm trước 1970 khó thấy được điều này tại xứ Đức.

Ngoài ra chùa Viên Giác tại Hannover của chúng tôi cũng đã có nhân duyên cung đón Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đến thăm viếng và Ngài đã giảng pháp tại đây hai lần vào ngày 18 tháng 6 năm 1995 và ngày 20 tháng 9 năm 2013 vừa qua là những hình ảnh thật tuyệt vời nhất, thể hiện lòng từ bi của Ngài đối với đồng bào Phật tử Việt Nam nói riêng và người Đức nói chung đang sinh sống tại quốc độ này.

Về phần cá nhân, tôi đã có nhân duyên nhiều lần gặp gỡ Ngài, học hỏi từ Ngài ở Delhi, Ấn Độ, Hamburg, Schneverdingen, Hannover, Frankfurt, Đức quốc và tôi cũng đã đọc được rất nhiều sách của Ngài như quyển “*Nước tôi và dân tôi*”; “*Tự do trong lưu đày*” là những quyển sách do chính tay Ngài biên soạn.

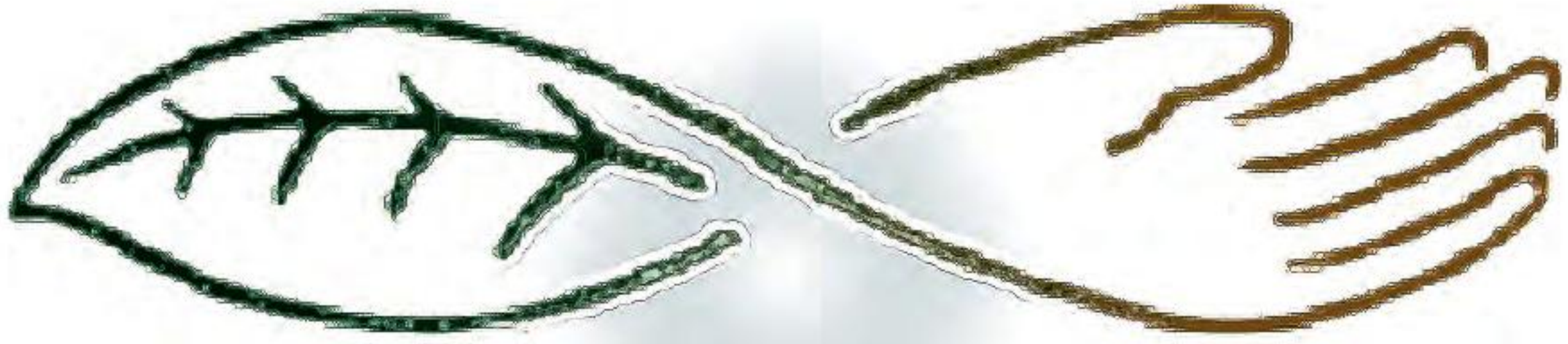
Hay mới đây quyển “*Dạt-lai Lạt-ma thứ 14, người con trai của tôi*” do mẹ Ngài kể lại cho cháu của Ngài viết. Tất cả là những tác phẩm thật tuyệt vời. Những lời dạy chân tình của Ngài đầy lòng từ bi và trí tuệ, khiến cho ai đó nghe thấy hay đọc đến cũng lấy làm ngưỡng mộ, không tiếc lời. Vì trên thế gian này ít ai có được tấm lòng từ bi cao cả như Ngài. Năm 1949 Trung Quốc đưa quân chiếm và giành chủ quyền đất nước Tây Tạng của Ngài và năm 1959 Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đã chính thức chạy sang tỵ nạn tại Dharamsala, Ấn Độ; nhưng với người Trung Quốc, bao giờ Đức Đạt-lai Lạt-ma cũng dùng lòng từ bi để quán chiếu họ; chứ, như chúng ta đã thấy, chưa bao giờ có một lời nói nào mà Ngài dùng sự sân hận để đối xử với người Trung Quốc.

Bởi vậy chúng ta có thể kết luận rằng “*trong cái mất lại luôn có cái được*” và “*trong cái được luôn tồn tại cái mất*” là vậy. Cho nên trong pháp duyên sanh Đức Phật dạy rằng: cái này sinh nên cái kia sinh, cái này diệt nên cái kia diệt. Sanh diệt, diệt sanh là chuyện vô thường trong Tam Pháp Ấn; nhưng dưới nhãn quan và lòng từ bi của Bồ-tát thì đến đi, còn mất, tăng giảm... đều là những sự đối đãi của nhị nguyên.

Chỉ có lòng từ bi mới còn ở lại mãi với đời. Do vậy ca dao xứ Huế, Việt Nam có thơ rằng:

*Trăm năm trước thì ta chẳng có
Trăm năm sau có cũng như không
Cuộc đời sắc sắc không không
Trăm năm còn lại tấm lòng từ bi.*

Chính lòng từ bi đó cũng là tựa đề của tạp chí “*Tibet và Buddhismus*” của kỳ xuất bản này, tôi rất hân hạnh để viết bài này đăng trên tạp chí của quý vị và hy vọng với sự liên hệ càng ngày càng chặt chẽ như thế này, Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Đức và Phật giáo Tây Tạng ở xứ Đức này sẽ có nhiều điểm chung hơn. ■



Phật giáo

trước vấn nạn môi trường

THÍCH THỌ LẠC

Lời tòa soạn: Chúng tôi xin đăng tải bản tham luận của Thượng tọa Thích Thọ Lạc, Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam kiêm Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Ninh Bình, trình bày tại Hội thảo “Phụ nữ các tôn giáo vùng đồng bằng sông Hồng chung tay bảo vệ môi trường” được tổ chức ngày 4/6/2016; như một đóng góp của Phật giáo Ninh Bình cho sinh hoạt văn hóa của tỉnh nhà hưởng ứng Ngày Môi trường 1/6/2016.

Điều gì đã tạo ra sự khác biệt giữa Phật giáo với các tôn giáo khác? Có thể có rất nhiều đặc điểm có thể chỉ ra, như Phật giáo không thừa nhận Đấng sáng thế, Phật giáo đề cao con người trong khả năng có thể thành Phật... Tuy vậy, đặc điểm lớn nhất, cũng có thể nói là ưu việt nhất, mà dù cho khoa học có phát triển đến đâu đi chăng nữa, thì chân lý mà Đức Phật khám phá vẫn còn nguyên giá trị, đó chính là học thuyết Duyên khởi.

Giáo lý Duyên khởi hay Duyên sinh được Đức Phật nói, gói gọn trong câu kệ sau:

*“Do cái này có mặt nên cái kia có mặt,
Do cái này mất đi nên cái kia mất đi”.*

Từ học thuyết Duyên sinh - Duyên khởi đó, ta nhận thấy rằng dưới thế giới quan của Phật giáo, tất cả mọi sự vật hiện tượng không thể độc lập tự sinh, không thể độc lập tự tồn. Mọi sự vật hiện tượng đều phải nương vào nhau mà hình thành và phát triển.

Con người là một pháp trong vạn pháp, theo giáo lý Duyên khởi. Do vậy, cũng không thể độc lập tự sinh hay độc lập tự tồn; ngược lại, loài người nói chung, muốn tồn tại và phát triển, không chỉ nương vào tính loài có tính chất xã hội, mà còn phụ thuộc vào môi trường thiên nhiên.

Đã từng có thời kỳ, do những thành tựu bất ngờ của khoa học kỹ thuật, con người nghĩ rằng có thể làm chủ được thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ cho mục đích của con người. Từ tư duy đó, con người khai thác đến mức cạn kiệt các tài nguyên thiên nhiên, đồng thời thải vào môi trường sống những chất độc hại... Hậu quả là chính con người phải gánh chịu những hậu quả do mình tạo ra, từ những vụ ô nhiễm môi trường sống đến việc biến đổi khí hậu, khí thải nhà kính... dẫn đến hạn hán, lũ lụt, sóng thần... liên tiếp xảy ra. Những bài học nhân tiền đó trở thành một hồi chuông cảnh báo đến các nhà hoạch định chính sách phát triển kinh tế, trở thành một vấn nạn mang tính toàn cầu, mà một quốc gia cũng không thể làm nổi.

Trong phạm vi buổi hội thảo này, đại diện cho giới Phật giáo, chúng tôi xin chia sẻ một số giải pháp, dưới khía cạnh nhân sinh quan và đạo đức học, góp phần cùng các nhà khoa học, các nhà chính trị hoạch định một hướng đi lâu dài, bền vững, vừa để phát triển kinh tế, song song với việc bảo vệ môi trường sống trong lành.

Phần đa mọi người chỉ biết quan tâm đến những lợi ích trước mắt của bản thân họ, chứ ít ai nghĩ đến ảnh hưởng xấu của nó trong lâu dài. Một khi con người chưa nhận thức được mặt trái của cái lợi ích trước mắt và những nguy cơ của nhân loại do nguyên nhân phá hoại môi trường gây ra, thì làm sao có thể để tâm đến

việc bảo vệ môi trường? Do vậy, làm thế nào cho con người nhận thức được Trái đất chỉ có một và sinh thái là nơi nương tựa vững chắc nhất của bất cứ ai đang sống trên nó, hủy hoại nó cũng đồng nghĩa với hủy hoại chính mình, khi đó mọi người mới tự nguyện tự giác bảo vệ nó như bảo vệ chính tự thân, không cần đến sự gò ép bởi bất cứ ai.

Trong đạo Phật, giới luật được coi là sợi dây chỉ dẫn tư duy, lời nói và việc làm của mọi người, vì một mục đích tối hậu là an lạc và giải thoát. Trong ba môn học vô lậu, Giới luật chính là môn học đầu tiên và là môn học căn bản nhất.

Đối với vấn đề trì giới, để đề cao công tác tự vệ và tôn vinh giá trị đạo đức trong cuộc sống, có rất nhiều người đang sống trong xã hội đã tự nguyện tự giác duy trì một số điều giới trong đời sống hàng ngày của họ. Ví dụ như một người nhìn thấy một người khác giới, dù cho người đó hấp dẫn đến chừng nào, cũng không dám tùy tiện xúc phạm. Vì sao? Vì đạo đức không cho phép, pháp luật không cho phép, đối tượng không cho phép, hoàn cảnh không cho phép và bạn bè quyến thuộc hai bên cũng không cho phép... Tất cả những thứ không cho phép đó chính là giới cấm nơi lương tâm mỗi người. Nếu trong một xã hội, đại đa số người không giữ được những điều giới này thì chắc chắn xã hội đó sẽ trở thành một xã hội rối ren không khác gì một địa ngục trần gian.

Sở dĩ số đông mọi người tự nguyện giữ một số giới điều đó chính là vì họ tự ý thức được hậu quả của việc

không giữ giới gây ra và cũng chính vì muốn xa lánh mọi hệ lụy cũng như không muốn đánh mất đi trạng thái tự do mà họ đang có. Chẳng hạn như kết quả của giữ giới là tự tại và an lạc, còn hậu quả của không giữ giới là phiền lụy và bất an. Điều đó cũng chính là khả năng nhận thức được mối quan hệ nhân quả của cộng đồng.

Trong giáo pháp có rất nhiều phương pháp tu hành, nhưng tất cả các pháp môn tu hành đều lấy giới làm cơ sở. Bởi vì, giới là trợ duyên cho tự tại và an lạc, nên nếu không trì giới, dục vọng sẽ hưng khởi, khi dục vọng mạnh mẽ sẽ đẩy lùi tính chất tự tại và an lạc trong con người và các hành vi thiện ác lẫn lộn thật khó có thể kiểm soát, không khéo con người sẽ trở thành nô nê hoặc công cụ cho các dục vọng. Không sát sinh hại vật, không gian tham trộm cắp, không phóng túng dâm dục, không nói dối lừa gạt và không rượu chè say sưa là năm điều giới cấm được ứng dụng trong nếp sống hàng ngày của mỗi người con Phật, làm nền tảng của đạo đức Phật giáo. Trong khi tu hành, nếu chúng ta không nhận thức đúng đắn và ứng dụng một cách nghiêm túc thì chính năm loại hành vi này sẽ dẫn dắt chúng ta theo khuynh hướng ác. Trên thực tế, thông thường thiện quả thì mọi người cùng nhau chia sẻ, nhưng ác quả thì tự tác tự thụ. Do vậy, là người tu hành, khi phát hiện thấy ác cảnh, thì phải ra công giữ giới. Vì tự tại an lạc chỉ bên cạnh những người biết trân trọng gìn giữ giới luật, còn phiền lụy bất an luôn nhòm ngó nơi người phá giới.



Trong Luật tạng Đức Phật dạy: Các chúng sinh phải xa lánh dục, đoạn trừ dục, chấm dứt dục, đó là tư tưởng biện chứng giải thoát cơ bản của Phật giáo; vì tham dục là bất thiện pháp, làm chướng ngại lộ trình giải thoát và giác ngộ. Vì thế, một khi tham dục và các phiền não đã được khống chế, thì tất cả những vấn nạn trong xã hội, cũng như vấn nạn về vấn đề môi trường cũng theo đó mà tan biến. Nếu như chúng đã phát sinh, sẽ tìm cách làm giảm dần và bồi bổ lại. Đó cũng chính là khả năng điều chỉnh của giới luật Phật giáo.

Theo cách nhìn của chúng tôi, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đa phần là do tính tham dục thái quá của nhân loại, nhằm thỏa mãn dục vọng ngày càng tăng của con người. Các phong trào công nghiệp hóa, độc quyền trong tiêu dùng, các thủ đoạn phát triển chiến tranh... làm môi trường sống bị phá hoại nghiêm trọng, làm mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của toàn nhân loại.

Vì chỉ có một trái đất mà toàn thể nhân loại nương nhờ, các tài nguyên thiên nhiên mà Trái đất cung cấp lại chỉ có giới hạn; do đó, bạn hoặc tôi, hoặc bất cứ người nào, đứng ở góc độ nào, cũng phải có trách nhiệm bảo vệ trái đất này. Người viết, đứng trên lập trường của Phật giáo, nghĩ rằng cần phải ứng dụng Giới luật Phật giáo để giải quyết vấn đề bảo vệ môi trường, hy vọng có thể vãn hồi được nguy cơ môi trường bị chuyển biến xấu.

Giới luật Phật giáo có tác dụng hạn chế những ham muốn vô độ, tinh thần của Giới luật là *"dừng điều ác, làm điều thiện"*, các phương tiện sinh hoạt đều giản dị, thiểu dục, tri túc, ăn mặc đơn giản.

Trong kinh Bốn mươi hai chương, phần Đức Phật chỉ bảo các đệ tử có viết: *"Nếu các đệ tử biết nghe lời Ta, mỗi ngày phải trì giới tinh tiến; cho dù Ta có ở cách xa ngàn dặm thì cũng giống như Ta đang ở bên cạnh. Nếu không biết nghe lời Ta mà sống phóng túng, lười biếng, không lo trì giới, sinh hoạt xem nặng vật chất thì tuy có Ta bên cạnh mà cũng giống như ở cách xa ngàn dặm"*. Nếu mọi người đều biết giữ Giới, có tinh thần dừng điều ác, làm điều thiện, theo đúng các Giới của Phật dạy là sống giản dị, thiểu dục (ít ham muốn), biết đủ (tri túc), thực hành đầu đà theo phương thức sinh hoạt thường ngày của Phật giáo thì các loại tử lạnh, máy lạnh, các chế phẩm hoá học... đều không cần thiết. Nếu mọi người sử dụng ít đi thì người sản xuất cũng sẽ phải giảm bớt sản lượng, nhờ đó sự phá hoại của tầng ô-zôn sẽ giảm đi và do đó giảm bớt được các khí thải fluor, chlor từ sản xuất công nghiệp.

Làm sao dùng Giới luật Phật giáo để đối trị vấn đề "chặt phá rừng"? Phật giáo và sinh thái tự nhiên có mối tình cảm và quan hệ mật thiết, trong thời đại Đức Phật tại thế thì cây cối là nhà cửa của tu sĩ. Đức Phật đã quy định là nếu không có lý do chính đáng thì không được tùy tiện phá rừng chặt cây, cần phải

bảo vệ rừng cây, khuyến khích các Phật tử trồng các loại cây xanh ở các chùa và tu viện, làm cho các chùa biến thành rừng cây. Nếu như mọi người đều có quan niệm như vậy và có thể tuân thủ các lời dạy và cách làm của Đức Phật thì các rừng cây không những đã không bị tàn phá mà còn tăng thêm, đồng thời việc này cũng làm giảm đi lượng carbon oxy-hoá trong khí quyển, nhiệt độ của hiệu ứng nhà kính tự động được điều chỉnh hài hòa.

Tục ngữ có câu *"Người không có nhiều dục vọng thì không có thất vọng, người có nhiều dục vọng thì đau khổ càng nhiều"* và còn có câu *"người biết đủ thì tuy nằm trên đất cũng như ở thiên đường; còn người không biết đủ thì dù ở thiên đường vẫn như trong địa ngục"*... những điều này đều là những lời giảng trong Phật giáo, là quy phạm trong sinh hoạt phát xuất từ Giới luật Phật giáo.

Ý nghĩa và tinh thần của Giới luật Phật giáo ngay từ lúc ban sơ đã có công năng dẫn dắt con người sống hài hòa với môi trường tự nhiên. Có thể nói rằng nếu như mọi người đều biết sống theo tinh thần của Giới luật Phật giáo là sống giản dị, ít tham vọng, lấy tiêu chuẩn biết đủ trong sinh hoạt hàng ngày thì vấn đề ô nhiễm môi trường chẳng bao giờ xảy ra.

Tóm lại, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề cấp bách có tính cách toàn cầu, đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại của toàn nhân loại. Bên cạnh những giải pháp có tính trực tiếp nhằm hạn chế các nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường thì vấn đề trì giới nhằm tiết chế các ham muốn và nhu cầu của con người là một trong những giải pháp nền tảng và cơ bản. Các phương pháp khác đưa ra chỉ chữa trị phần ngọn của vấn đề, bởi một khi tham muốn không cùng tận của con người chưa được tiết chế và điều hướng bởi giới luật của Phật giáo thì nguyên nhân căn bản vẫn còn đó, và cho dù có đưa ra bất kỳ một phương án tối ưu nào đi chăng nữa thì trong tương lai, sớm hoặc muộn, con người lại một lần nữa đối diện với sự mất cân bằng sinh thái và khả năng tồn tại của loài người sẽ bị đe dọa nghiêm trọng. Giữ gìn giới luật Phật giáo, tiết chế các ham muốn, sống một đời sống tri túc, đó không chỉ là chìa khóa nhằm xây dựng một cuộc sống thường lạc, mà trên tất cả, đó chính là chìa khóa thiết lập sự cân bằng đời sống nội tâm ở bên trong, nền tảng để xây dựng sự cân bằng môi trường sinh thái ở bên ngoài.

Để hưởng ứng ngày môi trường thế giới cũng như lời hiệu triệu của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong Thông điệp Phật đản Phật lịch 2560 - Dương lịch 2016 về vấn đề bảo vệ môi trường và thông điệp hành động của chúng ta ngày hôm nay: *"Tiếng gọi của thiên nhiên, hành động của chúng ta"*, tôi thiết tha kêu gọi mọi người hãy tự khép mình trong khuôn khổ giới luật, tôn trọng và bảo vệ con người và thiên nhiên, để môi trường sống của chúng ta ngày một xanh hơn, sạch hơn và đẹp hơn. ■



Tiếng ve sầu

LÊ HẢI ĐĂNG

Gần hai mươi lăm năm sống ở thành phố này, chưa năm nào tôi chứng kiến cảnh ve sầu kêu “bức xúc” như năm nay.

Bờ tường ngăn cách chung cư 43 Hồ Văn Huê và Quận khu VII, có lùm cây bao quanh chạy dọc theo con đường, đã trở thành địa

bàn tác nghiệp của ve. Mùa hè hàng năm, ve thường kêu râm ran giữa trưa nóng oi ả, cùng lắm kéo dài tới lúc trời tắt nắng. Riêng năm nay, ngay từ tờ mờ sáng, thậm chí chưa tới giờ gióng tiếng kèn hiệu báo thức bên khu quân đội (lúc 5g15) thì đám ve sầu đã kêu vang rộn rã.

Tiếng ve kêu khác hẳn tiếng gà gáy sáng. Gà gáy đột một vào khoảng 3g00, ban đầu gáy lác đác vài con, đến chừng 5g00 mới rộ lên thành từng khu vực. Còn ve sầu kêu đồng loạt ngay từ điểm khởi phát. Chúng có khả năng làm việc nhóm một cách đáng nể, mở màn với tiết mục đồng ca inh ỏi.

Tiếng ve kêu thống thiết phá tan giấc ngủ chập chờn của những người hay thao thức như tôi. Mức độ hòa quyện của các ca sĩ ve thì khỏi bàn. Cả ngàn con kêu như một, đều tăm tắp, hết như thủ pháp "tutti" (Tề tấu) trong dàn nhạc. Chỉ có ve kim mới hay chơi trội, thỉnh thoảng "chia bè" (division) ra "linh xướng" với âm sắc nhọn, như mũi kim châm thủng bầu trời.

Loài ve thực không ngoa với nghệ danh "dàn đồng ca mùa hạ". Dù bao trọn cả vùng trời rộng lớn, chúng vẫn có khả năng kết hợp với nhau một cách ăn ý, hòa quyện thẩm thiết.

Ong được tiếng là có đầu óc tổ chức, nhưng khi vỡ tổ thì chẳng còn nguyên tắc, thể thống gì nữa, tất cả rối tung hết lên. Còn ve thể hiện tốt phẩm chất cố kết trong quá trình hòa tấu bản giao hưởng "Mùa Hè". Gào thét suốt ngày lẫn đêm mà chẳng có con nào khản tiếng hay viêm họng.

Ngày trước, nghe ca khúc "*Hà Nội đêm trở gió*" của nhạc sĩ Trọng Đài lỡ trách lầm ông về câu: "Tiếng ve kêu râm ran suốt đêm hè". Bây giờ, ở Sài Gòn, ngay giữa trung tâm thành phố (chứ không phải ngoại ô) vào đêm hè cũng có tiếng ve kêu râm ran. "*Hà Nội đêm trở gió*" xưa rồi, nay Sài Gòn cũng đang đỡ dỗi.

Ở miền duyên hải ít thấy có tiếng ve kêu bàng hoàng như đồng bằng châu thổ. Con gái lý giải, vì ở ven biển, ve ra tắm biển thấy thích quá bèn ở lại dưới nước, chẳng thèm leo lên cây thốn thức nữa! Đúng là giọng điệu bị tiêm nhiễm bởi Nobita. Dù sao vẫn phải ghi nhận, ve ở miền duyên hải kêu dịu dàng, đầm thắm, êm ả hơn ve thành phố.

Người Hoa gọi ve là "Tri liễu" (Biết rồi). "Biết rồi" trong trường hợp này là danh từ (chứ không phải động từ) nhằm chỉ "nhà tiên tri". Trong bài thơ "*Chiếc lá đầu tiên*" của nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm cũng viết:

*"Tiếng ve trong veo xé đôi hồ nước.
Con ve tiên tri vô tâm báo trước..."*

Nhiều loài côn trùng, động vật đều có khả năng nắm bắt thời tiết, khí tượng. Sự kêu gọi của chúng không thuần túy tuân theo quy luật muôn đời mà trong "quy tắc" đó đã hàm chứa những điều "bất quy tắc" cho chúng ta kịp nhận ra hiện tượng bất thường trong thiên nhiên.

Nhiều nhà côn trùng học nghiên cứu về bướm đã sớm phát hiện ra mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và độ dày của cánh bướm. Các nhà khí tượng học từng quan sát hiện tượng đóng mở bất thường của cây xấu hổ (còn có tên là hoa trinh nữ, hoa mắc cở) nhằm dự

báo thời tiết. Kết cấu cân đối của những tán lá nhỏ xíu mà nhạc sĩ Trần Thiện Thanh ví như "khép lá ngậy thơ" ấy rất nhạy với biến đổi khí hậu. Cánh lá thay đổi mùi giờ khép mở kể như thời tiết đã có dấu hiệu dị thường.

Câu chuyện biến đổi khí hậu dường như không dừng lại ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hay chỉ là đối tượng của các nhà khí tượng chuyên theo đuổi, tìm hiểu thủy chung về thời tiết mà di chuyển sâu vào lục địa cuộc sống.

Con người thường có thói quen đánh mất rồi mới biết quý trọng. Thời gian qua, nhiều thành phố trưng câu khẩu hiệu: "*Trường Sa - Hoàng Sa là của Việt Nam*", nơi thì "*Chung tay xây dựng biển đảo*"... Khi biển đảo bị xâm lấn, tình yêu biển đảo bỗng dâng trào, thế nhưng, những vùng biển đẹp như mơ, những thành phố chập chùng trên cao nguyên lộng gió, những cánh rừng bạt ngàn, sông ngòi, trung du, châu thổ hay kể cả những đỉnh núi chìm khuất trong sương... vốn là nguồn tài nguyên bất tận của đất nước lại bị tàn phá, từ ngôi nhà tâm hồn con người đến bầu không khí, môi trường văn hóa, xã hội, tất cả đều đã bị ô nhiễm, xuống cấp.

Tư duy "*mất bò mới lo làm chuồng*" đẩy chúng ta vào tình trạng phải chuốc lấy bài học về sự hối tiếc muộn màng. Nhiều quốc gia có bầu không khí trong lành hơn ta rất nhiều mà người dân vẫn đổ ra đường biểu tình, bày tỏ thái độ trước Hội nghị về biến đổi khí hậu toàn cầu. Còn ở ta, cuộc sống với biết bao mối lo toan bề bộn kéo con người mãi miết đi theo những quan tâm khác khiến cho sự thờ ơ, thậm chí lãng quên dành cho bầu không khí. Sự xuống cấp của chất lượng không khí đã phản ánh qua chiếc khẩu trang thường trực trên khuôn mặt người dân. Con người nói chung có thể nhịn ăn vài ngày, chứ nhịn thở hay tắt thở vài phút kể như nguy hiểm đến tính mạng.

Trước khi thông điệp bảo vệ môi trường được phát đi cùng với khẩu hiệu về phát triển bền vững, các loài côn trùng đã kêu gọi thống thiết từ những thay đổi liên quan đến cuộc sống. Chỉ có điều, xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cơ quan thánh giác của chúng ta chẳng chịu tiếp nhận, chú ý lắng nghe và xử lý thông tin. Con người nếu không tự đưa mình vào những giới hạn thì chưa thể hành động, đưa ra quyết định sáng suốt. Lựa chọn lầm khi là một sự lừa phỉnh. Chẳng hạn như lựa chọn tăng trưởng bất chấp sự trả giá bằng bầu khí quyển, khí hậu, sức khỏe... là một ví dụ.

Sau bao năm phát triển theo khuynh hướng tăng trưởng về lượng, ngoảnh đầu nhìn lại, cả vùng trời biển mênh mông, rừng vàng, biển bạc, đất đai, thổ nhưỡng, than quặng, khoáng sản, sông ngòi... đều đã đổi màu, biến dạng. Qua đó mới thấy được phần nào cái giá phải trả cho sự "phát triển".

Tiếng ve sầu giờ đây không chỉ là khúc ca báo hiệu mùa hạ mà còn nhắc nhở chúng ta về những thay đổi đáng báo động trước hậu quả tàn phá thiên nhiên. ■

Cãi và

HOÀNG TÁ THÍCH

Cãi và là chuyện thường xuyên xảy ra giữa mọi người. Bạn bè thân sơ, vợ chồng, cha mẹ con cái... không ai có thể tránh khỏi.

Cãi và không phải lúc nào cũng có nguyên nhân chính đáng mà thường chỉ vì những chuyện không đâu, đôi khi còn không liên hệ với mình, nhưng vẫn xảy ra. Một cặp tình nhân chia tay, không rõ nguyên nhân bên trong thực sự là gì. Cả hai đều là bạn của một cặp vợ chồng khác, nhưng chồng thì đứng về phía người đàn ông và vợ thì nghiêng tình cảm về phía người phụ nữ, thế là có bất đồng ý kiến. Thực chất chỉ là chuyện bàn cãi cho vui, nhưng dần dần thì cả hai vợ chồng đều cho rằng mọi ý kiến nhận xét hoặc bênh vực lỗi phải của cặp tình nhân đó của đối phương chỉ vì muốn biện bác cho chính bản thân mình. Thế là suy luận và xảy ra cãi cọ. Ban đầu cũng là tranh cãi cho vui, nhưng cuối cùng là đi đến cãi cọ thực sự có thể làm cho hai bên đều lớn tiếng.

Thử hỏi có cặp vợ chồng nào dù yêu nhau thâm thiết, hay ngay cả những cặp tình nhân đang sống với nhau trong những ngày thơ mộng lãng mạn, nhưng sau một thời gian gần nhau, không có cuộc cãi và nào không? Chỉ một chuyện cha mẹ đều rất thương con cái, nhưng chỉ một trong hai người có chút thiên vị đối với đứa này đứa kia cũng đã thường đưa đến cãi và giữa hai vợ chồng mỗi khi con cái mắc phải một lỗi lầm nào đó.

Hai người bạn cùng lớp, khi nhận xét về một thầy cô giáo trong trường, mặc dù cả hai đều kính trọng và thương họ, nhưng chỉ vì có quan điểm khác nhau nên cũng không đồng ý về một điểm nào đó và đi đến cãi và.

Dù là "Con cãi cha mẹ trăm đường con hư" nhưng có đứa con nào trong đời không một lần không cãi cha mẹ đâu. Rất nhiều trường hợp vì cha mẹ độc tài, ép buộc con cái mà không cần giáo dục bằng lý lẽ, có thể đưa đến chuyện con cái cãi lại một cách hỗn láo. Bất cứ chuyện gì cũng có thể đưa đến cãi và. Nặng hay nhẹ cũng là cãi và. Không người này người kia thế nào cũng có một người phải cau mày nhăn trán dù chỉ là một cuộc cãi cọ bằng quơ. Bất cứ một điều gì người này nói ra mà không được người nghe chấp nhận đều có thể đi đến chuyện cãi và. Nhắc lại chuyện một người bạn đến thăm hôm qua, vợ bảo là cô ấy mặc áo đen, chồng thì nhớ là cô ấy mặc áo xanh, thế là có thể đi đến cãi nhau vì tuy chuyện không có gì quan trọng, nhưng ai cũng nghĩ là mình đúng.

Cãi có nhiều loại: cãi vã, cãi cọ, cãi lý, cãi lộn, cãi lầy, cãi bừa, cãi chầy cãi cối, cãi bướng, và thanh tao nhất là tranh cãi, có thể gọi cho văn hoa một chút là tranh luận. Sở dĩ nói cãi mà có chút thanh tao, vì tranh cãi thường không phải lý do bằng quơ như cãi lộn, có thể đi đến choảng nhau, giết nhau mà thường thì do có một vấn đề được đặt ra. Cãi bướng của người dưới có thể bị ăn bạt tai của người trên, vì người trên lúc nào cũng cho mình là đúng. Cãi chầy cãi cối có thể qua lại hoài không dứt, nhưng tranh cãi thì thường phải có vấn đề được đặt ra. Hai người cùng đọc một cuốn sách và không đồng ý nhau về quan điểm về một vấn đề tình cảm, xã hội của tác giả, thế là có tranh cãi. Một khi tranh cãi thì ai cũng muốn phần thắng về mình và cố đưa ra ý kiến này nọ thường ít khi được chấp nhận bởi đối phương. Những người tranh cãi nhau về một quan điểm tình cảm hay văn học khởi đầu thì thấy rất "thanh tao", nhưng dần dần cả hai bên đều đưa ra những luận điệu không có tính cách thuyết phục đối phương mà còn bị cho là nguy hiểm nữa là khác, thế là cuộc tranh luận "thanh tao" trở thành một cuộc cãi và có vẻ "trần tục". Thanh tao mà còn thế huống chi những chuyện cãi và không đâu dễ làm cho cả hai bên đều dễ nổi giận. Vậy thì tóm lại, cãi và nào cũng đều là cãi và cả.

Ái cãi nhau cũng muốn phần thắng về mình nên nếu thấy đối phương không phục thì lại càng dễ nổi giận. Giận thì mất khôn, có thể lỡ lời hoặc trở nên dữ tợn một cách không tự chủ được. Nếu một trong hai có thể dừng được thì đúng đó là người thắng cãi, vì đối phương chẳng còn biết cãi với ai. Tuy nhiên, điều đó không phải dễ dàng để ai cũng có thể làm được. Đây là chưa kể, trong khi cuộc cãi và đang hăng say, một người bỗng nhiên dừng lại làm người kia cụt hứng lại có thể càng dễ nổi nóng. Trong xã hội bây giờ, có những cuộc cãi và chẳng có một lý do gì chính đáng cả, nhưng rất dễ xảy ra lớn tiếng đi đến đánh nhau, giết nhau. Không phải vì háo thắng mà chỉ vì dân trí con người thấp, xem mạng người chẳng có quan trọng gì cả, nên hành động không cần suy nghĩ, cứ nổi nóng là hành sự, không cần lý lẽ. Có khi không cần cãi và, nhưng chỉ nhìn thấy không vừa lòng là cũng có thể xảy ra án mạng rồi. Có những người không cần "ra để" để cãi và nên cũng chẳng cần đối phương phản trần lý lẽ gì cả mà chỉ giải quyết bằng con dao hay nắm đấm mà thôi.

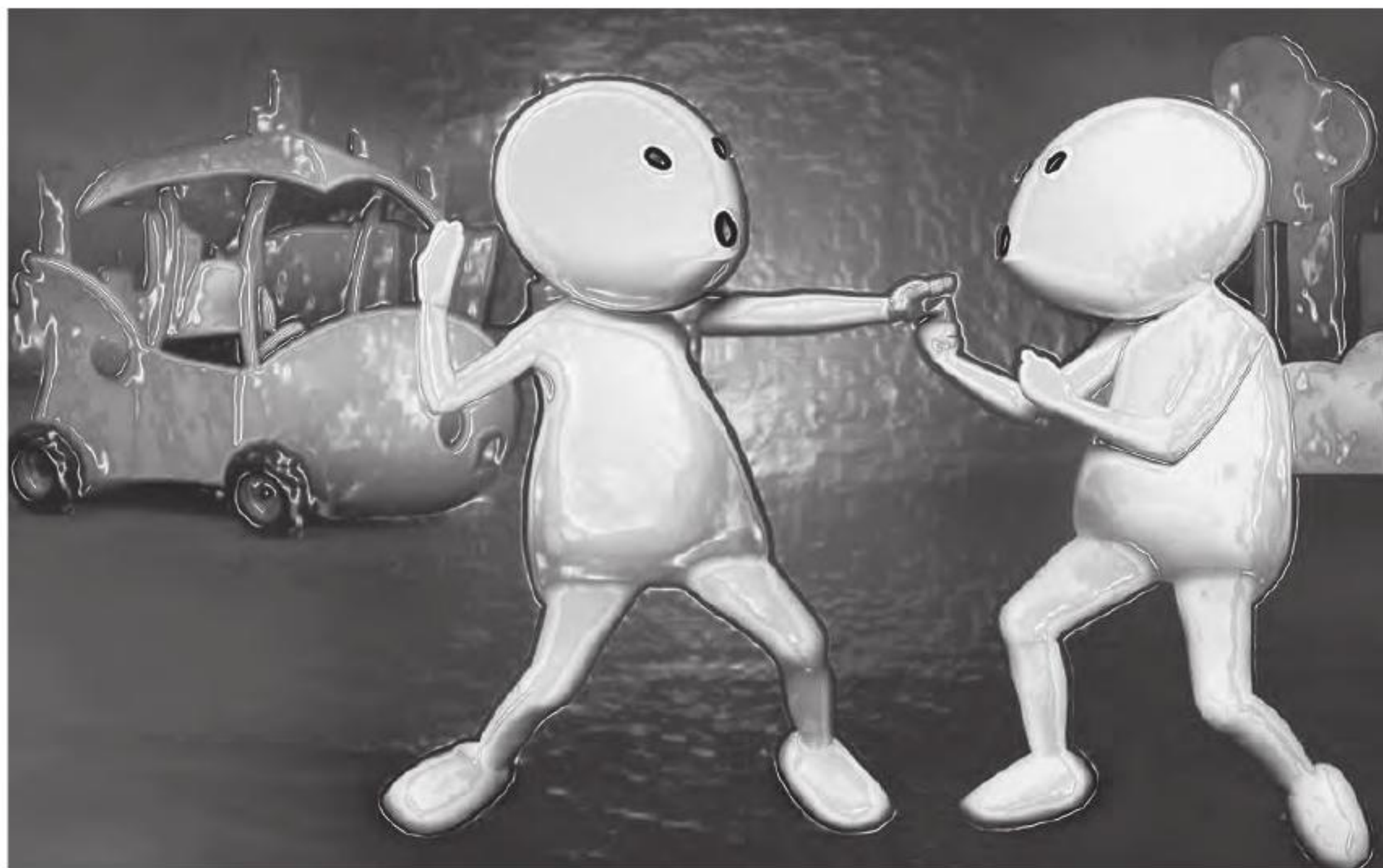
Khi Đức Phật còn tại thế, một lần bị một kẻ ngoại đạo chặn đường gây sự, nói năng không lịch sự. Đức Phật vẫn điềm nhiên không trả lời một câu. Người kia càng tức giận đã chặn Ngài lại và nói: “Tại sao ông không trả lời?”. Đức Phật cười: “Này giờ tôi có nghe ông nói gì đâu, nên nếu có nói thì có lẽ ông nói một mình và cũng tự nghe một mình thôi”. Kẻ ngoại đạo phải cụt hứng không biết nói gì nữa. Không nói lại nghĩa là không phân trần, tranh cãi. Nhưng đó là ngay từ ban đầu, một bên hoàn toàn không lên tiếng thì cuộc cãi vã mới chẳng thành. Thực ra, không phải dễ dàng gì làm được điều đó. Đó là Nhẫn. Vả lại, ngày xưa khác bây giờ, nhất là ở xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, giữa hai người bình thường, một người đưa ra ý kiến về một câu chuyện, đối phương dù không hoàn toàn đồng ý, nhưng để tránh vấn đề đi đến tranh luận, có thể âm ừ cho qua chuyện nếu đề tài đưa ra không có gì quan trọng, không đụng chạm đến ai thì mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Cũng là Nhẫn.

Thường trong lúc cãi vã, không ai có thể giữ được nguyên trạng nét mặt của mình. Ai cũng biết nụ cười làm đẹp cho khuôn mặt chứ không ai nói nét mặt cau có lại làm thêm duyên được, nhưng đã cãi nhau thì chỉ có thể cau có chứ không thể nào vừa cười vừa cãi được. Nhiều phụ nữ bình thường dịu dàng, nhưng khi có chuyện cãi vã, phải lên giọng nghe khó chịu ngay, chưa kể là khi phải đi vào gay gắt, mặt mày đổi sắc, cổ họng lên gân, chẳng còn chút duyên dáng nào cả.

Không nói đến những cuộc cãi vã dung tục giữa bàng quan thiên hạ thường xảy ra, những cuộc cãi vã

của những người tử tế với nhau, giữa những người bạn thân hay giữa hai vợ chồng, thì người dừng lại đầu tiên có thể nói đó là người thắng cuộc. Nhưng điều này cũng không phải dễ làm được, và nếu làm được, thường đôi khi lại cũng bị những hậu quả bất ngờ. Người vợ hay chồng muốn yên ấm gia đình, có thể dừng lại, nhường phần thắng cho đối phương. Bạn bè thân nhau, biết tính nhau nên thấy câu chuyện có thể đi đến cãi vã nặng nề, đã dừng lại để nhường phần thắng cho bạn mình. Dần dần cũng thành thói quen và chỉ một bên luôn luôn chịu lép vế. Nếu đối phương là người biết suy nghĩ thì thôi, còn nếu cứ được “trốn” mà cho rằng mình luôn luôn là kẻ có lý và lên giọng quá đáng cho đến khi người kia nhịn mãi không thể nào nhịn được nữa thì chiến tranh bùng nổ, khó lòng cứu vãn.

Cãi nhau chỉ vì ai cũng muốn phần thắng về mình. Ấy là vì chấp ngã. Ai cũng muốn thỏa mãn cái tôi của mình. Tránh chuyện cãi vã không đâu không phải dễ dàng gì và đó cũng là một sự tu tập bản thân. Phải biết nhẫn nhịn để tránh những cuộc cãi vã không đâu. Cố gắng nghĩ cho được rằng hơn thua chẳng là gì cả. Trong trường hợp đó là một chuyện từ bàn cãi có thể đi đến cãi vã nhưng lại có ý định giáo dục đối phương thì trước khi vào chuyện, phải lấy chữ Nhẫn làm đầu, chỉ giải thích một cách nhẹ nhàng cho đến khi thấy đối phương có vẻ không hoặc chưa chấp nhận thì phải để yên chờ cơ hội khác. Vừa tu tập chính mình mà còn vừa giúp đối phương chế ngự được sự nóng giận có thể kéo đến một cách bất ngờ. ■





Thế giới của một siêu sao bóng đá

CAO HUY HÓA trích dịch

Lời người dịch: Khi bài này đến tay bạn đọc thì mùa Euro 2016 đã đi quá nửa chặng đường và đang làm ngất ngây người hâm mộ bóng đá trên khắp hành tinh. Tạp chí *VHPG* tất nhiên ở ngoài hoạt động này, mà chỉ xin mời bạn đọc “ngắm” một siêu sao bóng đá, cùng với thế giới của siêu sao đó, như là một hiện tượng văn hóa. Đó là *Zlatan Ibrahimovic* đang giữ vai trò thủ quân của đội tuyển Thụy Điển trong kỳ Euro lần này. Đó là một cầu thủ quá nổi tiếng trên thế giới. Anh sinh ngày 3-10-1981 tại Malmö (Thụy Điển), cha mẹ là dân nhập cư vào Thụy Điển: cha vốn là người Bosnia, mẹ vốn là người Croatia. Anh bắt đầu chơi bóng đá chuyên nghiệp tại Malmö, rồi sau đó chơi cho các câu lạc bộ hàng đầu tại châu Âu, như Ajax (Hà Lan), Juventus, AC Milan (Ý), Barcelona (Tây Ban Nha), Paris Saint-Germain (Pháp). Ở đâu, sự nghiệp của anh cũng lừng lẫy, góp phần xứng đáng cho các chức vô địch của các câu lạc bộ. Anh là thành viên không thể thiếu của đội tuyển Thụy Điển, vào các kỳ Euro (2004, 2008, 2016) và World Cup (2002, 2006). Vào tháng 12-2013, anh được tờ

báo danh tiếng *The Guardian* (Anh) xếp vị trí cầu thủ giỏi thứ ba trên thế giới, sau Lionel Messi và Cristiano Ronaldo.

Zlatan Ibrahimovic phô diễn tài năng trên đất Pháp, với vị trí tiền đạo của Câu lạc bộ Paris Saint-Germain. Nhân mùa Euro sôi động sắp diễn ra, anh được tờ báo nổi tiếng *Le Monde* của Pháp phỏng vấn (số báo ngày 7-6-2016) theo kiểu trò chuyện, hỏi đáp nhanh. Không chỉ giỏi đá banh, chàng cầu thủ để tóc đuôi ngựa này lại có cách nói chuyện khá thông minh, đôi khi ngổ ngáo, bốc đồng, vậy mà cũng bộc lộ ít nhiều tài hoa và nhân ái.

Bài phỏng vấn được đăng trang trọng trên hai trang báo, với bức ảnh lớn, có nhan đề:

Zlatan Ibrahimovic: “Quel genre de président est François Hollande? J’aide ce pays plus qu’il ne l’aide”

Một bài dài rất phong phú, rất tiếc, người dịch phải trích để dịch, cho vừa với khuôn khổ tạp chí *VHPG*.

oOo

Nói chuyện tiền nhé?

- OK, nói chuyện tiền. Tiền khiến mọi việc dễ dàng hơn tuy không làm cho hạnh phúc hơn. Ít nhất mọi người nên nghĩ như thế.

Năm 2015, lương của anh là 20 triệu euros...

- Thế thôi à?

Gần gần như vậy...

- Đó là sáu tháng đầu...

Vậy là nhiều không?

- "Nhiều" là gì? Tôi không hiểu thế nào là "nhiều". Đối với tôi, người ta mua cầu thủ trên thị trường mà họ không nên có mặt. Nhưng thị trường quyết định giá cả chứ không phải sự đam mê hay là báo chí. Và "nhiều" hay không, đó không phải là chuyện của tôi. Quan tâm của tôi, là xem thị trường nói thế nào. Thị trường nói: "Đây, giá của anh là thế đấy. Thị trường nói như vậy đấy". Nếu một cầu thủ khác lãnh bấy nhiêu, và tôi giỏi mười lần hơn anh ta, tôi lãnh bao nhiêu? Mười lần hơn thế.

Anh có biết những triệu euros trong bóng đá có thể gây sốc mọi người, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế này?

- Anh có biết tôi trả thuế bao nhiêu không?

Không, nhưng chắc anh sẽ nói cho biết...

- Ông François Hollande là cơ tổng thống như thế nào? Tôi giúp nước này nhiều hơn ông ấy.

Thuế 75% đánh vào thu nhập cực cao đã bị bỏ rồi...

- OK. Anh chắc không? Bởi vì, tôi, tôi tiếp tục trả. Tôi có thể nói chắc với anh như vậy, bởi vì tự tôi khai thuế. Tôi trả thuế. Nước này, tôi giúp nhiều lắm đấy.

Còn Hollande?

- Anh muốn nói ông tổng thống? Bản thân tôi không biết ông. Tôi chẳng biết nói gì về ông.

Anh đến Pháp năm ông ấy thắng cử. Anh thì rất được lòng quần chúng còn ông François Hollande thì rất ít được lòng người. Anh cắt nghĩa thế nào việc một ông tổng thống có thể trở thành ít được lòng dân như thế?

- Tôi cho rằng hoặc là bạn được lòng hoặc là bạn không được lòng. Điều quan trọng là hãy tự mình là mình và tôi là tôi. Nhưng tôi không nói giùm cho ông ấy vì tôi không biết ông. Tuy thế, tôi có thể làm cho ông được lòng người nếu ông muốn. Nhưng tôi không biết tôi có muốn làm không.

Anh gần phe tả hay phe hữu?

- Tôi tự thấy tôi cùng khắp. Vì tôi là người của quần chúng.

Anh nghĩ gì về hoàn cảnh những dân tỵ nạn...

- Tôi nghĩ ta phải có thể giúp đỡ dân chạy loạn đến từ nước ngoài. Tôi ủng hộ hòa bình và tình yêu. Ta phải có thể giúp tất cả các người đó đến tận cùng sức lực. Tôi nhớ khi chiến tranh xảy ra ở Nam Tư cũ, nhiều thành phần trong gia đình tôi chạy qua Thụy Điển. Cha tôi đã tận tình giúp họ. Đây là một thách thức của thế giới.

Anh đã từng đau khổ vì kỳ thị chủng tộc chưa?

- Tôi chưa từng đau khổ nhưng tôi đã từng đối mặt. Tại vì tôi có nguồn gốc khác. Bất cứ tôi ở đâu, tôi cũng phải nghe những câu luận bàn ngu xuẩn.

Anh có lo lắng gì không trước làn sóng cực hữu ở châu Âu?

- Tôi chẳng có gì lo lắng vì chân lý sẽ đến.

Anh đã phản ứng thế nào trước vụ tấn công của khủng bố ngày 13-11?

- Tôi đã rất buồn. Đầu óc tôi ảm đạm. Cái gì đã xảy ra đáng lẽ không nên xảy ra. Không phải chỉ ở Paris, mà khắp mọi nơi trên thế giới. Với tôi, chỉ có "peace and love" (hòa bình và yêu thương). Tôi thương tất cả mọi người bất kỳ họ đến từ đâu. Tôi chơi bóng đá, và tôi, bóng đá, đó là một tôn giáo. Bất cứ ai cũng đều được hoan nghênh cả, chẳng phân biệt nguồn gốc, tín ngưỡng. Bóng đá, đó là thể thao lớn nhất trên thế giới. Nó nối kết mọi người. Tôi may mắn và sung sướng được chơi bóng đá và được nhập vào bóng đá, được có thể làm khác đi và góp phần vào việc thay đổi một cái gì.

Ngày 10-6, Euro bắt đầu...

- Thụy Điển tham dự Euro, và chúng tôi tham dự để thắng. Euro diễn ra tại Pháp và chúng tôi rất sung sướng đá tại Pháp, đặc biệt là tôi. Bởi vì tôi đã ở đây bốn năm và tôi có cơ hội đá cho nước tôi tại Pháp. Tôi có hai quần chúng: quần chúng Thụy Điển sẽ ủng hộ chúng tôi, và quần chúng Pháp cũng sẽ ủng hộ chúng tôi. Thụy Điển, đó là quê hương tôi, nơi tôi sinh ra và lớn lên. Tôi là người Thụy Điển.

Vậy mà anh nói, khi anh xuất bản tự truyện tại Pháp, cách đây 3 năm, anh không tự xem như một người "Thụy Điển điển hình"...

- Không, tôi không phải là một người Thụy Điển điển hình bởi vì tôi khác. Anh không thể tìm ra nhiều người Thụy Điển như tôi. Bởi vì luôn luôn chỉ có một Zlatan duy nhất.

Nếu tôi nói "vàng"...

- Zlatan có nghĩa là "vàng" trong ngôn ngữ Nam Tư cũ. Đó là thương hiệu của tôi. Và đó cũng là màu chính mà chúng tôi đã chọn cho thương hiệu áo quần của tôi. Màu đó là tên của tôi, và đó là màu mà tôi yêu. Nhưng để có vàng không phải là mục tiêu của tôi. Vàng chẳng đem đến cái gì cả. Tôi cho rằng chính những con người mới phải là vàng chứ không phải đồ vật.

Bây giờ, nếu tôi nói "sân vận động"...

- Cái đó gợi cho tôi một chiến trường, một đấu trường, một Colisée (đấu trường thời cổ La Mã). Đó là nơi tôi thuộc vào, nơi quê quán, và đó cũng là nơi tôi chinh phục quần chúng. Đó là mảnh đất trên đó tôi đạt chiến thắng trong tiếng hò reo vang dội của quần chúng khi tôi làm giỏi.

Đó là sân khấu hay là phản ánh của xã hội?

- Sân khấu? Tôi không làm kịch, tôi đánh trận. Đó là chiến trường, nơi đó tôi chiến thắng.



Dù bị xem như một *bad boy*, một thằng con trai hư...

- Tôi thích vậy! Nói thế nào nhỉ? Tôi không từ chối điều đó. Nếu anh nghĩ rằng tôi là một *bad boy*, thì tôi là một *bad boy*. Tôi chẳng thấy có vấn đề gì cả. Tôi không giả vờ là thế này hay thế kia. Có rất nhiều cầu thủ chơi theo một tính cách và giả vờ làm theo cách khác mà họ không như thế. Tôi, tôi là chính tôi, từ A đến Z. Và tôi không nghĩ là tôi xúc phạm các cầu thủ khác khi nói như vậy. Các cầu thủ khác hiểu khác.

Cái tóc đuôi ngựa, đó cũng là phần đặc biệt trong tính cách của anh?

- Anh có biết "thần" Samson? Quyền lực của thần ấy nằm ở đâu? Nằm ở tóc. Tóc càng dài, thần càng mạnh. Như vậy đó, tôi cảm thấy tôi như vậy đó. Tóc tôi càng dài, tôi càng cảm thấy mạnh.

Xăm mình cũng phục vụ mục đích đó?

Mỗi hình xăm là một chương trong đời tôi. Mỗi hình xăm có một lịch sử. Như một cái gì khẳng định mình. Chẳng hề tiếc nuối. Tôi yêu chúng. Và tôi yêu cái đau khổ phải chịu đựng khi xăm mình.

Anh kể chuyện gì khi xăm "Chỉ Thượng đế mới có thể phán đoán tôi"?

- Anh cứ đọc và khắc hiểu. Tôi không cắt nghĩa được cho anh. Bởi vì nếu anh không hiểu "Chỉ Thượng đế mới có thể phán đoán tôi" thì ai có thể phán đoán anh?

Anh muốn để lại dấu vết gì?

- Ngày nào mà tôi ngừng bóng đá, tôi muốn phải đạt đỉnh. Tôi muốn làm một cái gì chưa được từng thấy. Người ta sẽ đặt nhiều câu hỏi và sẽ nhớ. Như vậy đó, sẽ phải là như vậy.

Thời trang cũng sẽ là như vậy?

- Thời trang không phải là đam mê của tôi. Nhưng tôi cần phải phát triển thiết bị đào tạo. Tôi biết những gì cần để đào tạo. Và tôi cũng biết rằng quần áo không làm bạn tốt hơn. Tôi là người có óc thực tế.

Anh cũng tự xem mình là thần tượng của thời trang?

- Đúng, tôi tự xem mình là một thần tượng nhưng trong những thế giới khác nhau. Trong thể thao và bóng đá, tôi có thương hiệu áo quần của tôi, tôi có mùi nước hoa của tôi. Với thương hiệu của tôi, tôi cũng là thần tượng. Và tôi hạnh phúc như thế.

Và làm sao người ta trở thành thần tượng?

- Tôi nghĩ rằng người ta trở thành thần tượng một cách tự nhiên. Tự động như thế, chứ không phải cái gì người ta chọn lựa để trở thành. Và tôi cảm thấy rằng tôi là thần tượng của quần chúng, đặc biệt trong nước tôi. Anh vừa mới nói đến ông Tổng thống Hollande, bởi vì ta đang ở Pháp, nhưng, đối với tôi, Thụy Điển là quan trọng hơn vì tôi tượng trưng cho Thụy Điển bất kỳ ở đâu tôi đi. Đó là lãnh địa của tôi. Bất cứ đi đâu, tôi cũng trở về với Thụy Điển. Đó là nhà của tôi.

Chính vậy, chân dung của anh được vẽ trên các cao ốc ở Stockholm và ở Paris.

- Tôi còn phải có trên tháp Eiffel nữa. Người ta chưa thay đổi tháp ấy.

Và anh có những mẫu người lý tưởng nào không?

- Có vài người tôi thích. Tôi yêu Mohamed Ali. Ông ấy nói, ông ấy làm, và chẳng ai có thể nói gì được cả. Đó là cách mà tôi thích người ta như thế. Khác, và làm ra cái khác.

Bruce Lee (Lý Tiểu Long) thì sao?

- Bruce Lee điểm tĩnh, *cool*, nhưng mà lâu rồi.

Còn Jurka...

- Đó là mẹ tôi. Có cái gì đặc biệt nơi mẹ. Mẹ tôi thể hiện nhiều điều tốt. Không có bà, tôi không có mặt ở đây. Bà có một đời sống khó khăn. Bà đã làm việc rất nhiều. Bà làm việc khổ cực, cũng như tôi. Bà có năm con. Bà là một phụ nữ rất mạnh. Bà đã làm cho tôi mạnh hơn.

Anh có nuôi một ước mơ gì không?

- Có ước mơ là tốt, nhưng tốt hơn là nên thực tế. Bởi vì ước mơ có thể hủy hoại anh.

Sắp tới, va-li của anh sẽ đặt ở đâu?

- Va-li của tôi đã đâu vào đấy. Sẵn sàng cho ngày nghỉ. Tôi rất thích du lịch. Tôi thích nhìn thế giới. Và tôi thích gia đình tôi tiếp thu kinh nghiệm và học hỏi trong khi du lịch quanh trái đất.

Malmö, Amsterdam, Turin, Milan, Barcelone, Paris... Sự nghiệp của anh là một cuộc du lịch dài...

- Sự nghiệp của tôi là một cuộc phiêu lưu lớn.

Anh thích thành phố nào nhất?

- Paris. Không thể so sánh được với thành phố nào khác. Paris có một cái gì thu hút.

Zlatan là ai?

- Zlatan là Zlatan. Chừng đó là đủ. Zlatan là đại diện cho Zlatan.

Zlatan là nhân vật có vẻ hư cấu?

- Không. Tôi tự xem tôi là bình thường, đơn giản và trầm tĩnh. ■

Nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer

DANH LUNG

A. Cư dân và đời sống sinh hoạt

Người Khmer Nam Bộ có mặt sớm hơn các dân tộc khác trên mảnh đất Nam Bộ, nơi phần đông diện tích là vùng nước ngập, đất phù sa bồi đắp quanh năm, có nhiều sông rạch, nhiều cây cối, thú rừng... do thiên nhiên ưu đãi. Để tồn tại và phát triển, họ phải khai phá rừng, làm ruộng trồng lúa nước, làm rẫy, đóng bè hoặc ghe, xuống đi săn bắn, chở hàng làm phương tiện đi lại hàng ngày như hình ảnh chiếc ghe ngo còn tồn tại và đưa ghe ngo trở thành môn thể thao đến hôm nay và sau này... Trong cuộc chinh phục thiên nhiên vì sinh tồn, mặc dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng họ cũng gặp trở ngại bởi thú rừng, thiên tai. Những gì vượt quá khả năng của họ thì họ phải nhờ đến đấng thiêng liêng, những vị thần linh, cầu trời cho mưa thuận gió hòa, được mùa màng, cuộc sống được yên bình... Từ đó, họ thờ các vị thần như: trồng trọt thờ thần Nông; chăn nuôi, chặt đốn rừng thờ cúng thần Rừng Mrinh Vel (Mục đồng); cầu mong cho phum sóc được yên vui, họ thờ cúng Nă-ta Phum Sróc (Thần đất đai, thổ trạch); lên núi rừng họ thờ cúng thần Nă-ta Phonum (Sơn thần)... Đời sống tinh thần, những nét văn hóa cư dân Khmer Nam Bộ cũng bắt nguồn từ đó. Về sau, dân số đô thị ngày một đông, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, lao động sản xuất cũng phát triển theo, việc giao lưu trao đổi hàng hóa với các nước vùng lân cận cũng được mở rộng, trong đó có việc giao lưu với người Ấn Bà-la-môn giáo nên người Khmer cũng tiếp thu những tinh hoa văn hóa Bà-la-môn giáo, những văn hóa đó vẫn tồn tại cho đến ngày hôm nay như: Thờ Linga Yoni (Ngọc dương Sơn môn), Brah Bussnuka (Thần xây dựng), Krong Piali (Thần hoàng bốn cảnh) trong cưới gả, làm lễ hội...

Đến Phật lịch 218 (thế kỷ III trước Tây lịch), cũng theo Con đường tơ lụa, từ cảng sông Hằng và một số cảng khác, người Ấn Phật tử Thevarada khi trên đường đi buôn bán, tìm kiếm khai thác mỏ vàng ở các núi đảo hay đất liền, vùng Suvannabhumi - Kim Biên Thành (vùng Đông Nam Á), họ thỉnh tượng Phật và chư Tăng, theo đoàn buôn để ban phước lành, tránh những điều rủi ro. Thương nhân Ấn ghé vào cảng Okeo (nay thường gọi trại đi là Ốc Eo, tỉnh An Giang) để trao đổi buôn bán, tìm kiếm khai thác mỏ vàng, vì vùng cảng này có nhiều vàng, ngọc và trao đổi buôn bán nên người Khmer gọi là cảng Okeo. Hai vị Thánh tăng Theravada là Sontthera và Uttara Thera làm trưởng đoàn truyền bá giáo pháp, dưới sự bảo trợ của vua Akosa (A Dục) cùng với sự hộ tống của người Ấn thương gia và thợ mỏ. Quý ngài cùng ghé truyền giáo pháp tại đây rồi truyền sâu

tận Đố Sơn - Hải Phòng... Khi có nhiều người giác ngộ Phật pháp, quý ngài trở lại vùng Okeo - những núi đảo nơi đặt chân đầu tiên truyền giáo pháp để gặp lại chư Tăng, Phật tử rồi mới trở về Ấn Độ, nên vùng này có một cái núi gọi là Bather (Ba Thê). Sơ lược về cư dân và đời sống sinh hoạt người Khmer Nam Bộ trên đây sẽ giúp cho ta có cơ sở tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer Nam Bộ, là một trong những văn hóa cùng tồn tại và phát triển chung trong dòng chảy văn hóa Việt Nam, góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thêm đa sắc màu.

Như chúng ta đã biết, người Khmer Nam Bộ chịu ảnh hưởng chung của ba luồng văn hóa là: tôn giáo dân gian, Bà-la-môn giáo và Phật giáo. Ba yếu tố văn hóa này là trụ dựa tinh thần, nó luôn luôn tồn tại, giao hòa với nhau như những dòng nước sông suối và chi phối đời sống tinh thần người Khmer Nam Bộ. Vượt qua không gian và thời gian, cùng với đầu óc không ngừng sáng tạo, bàn tay khéo léo tài ba của nghệ nhân đã sản sinh ra một nền văn hóa đặc sắc đậm chất Khmer Nam bộ. Điều này ta sẽ thấy rõ trong nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer Nam Bộ.

B. Kiến trúc Aram hay Wat (chùa)

Về Nam Bộ, chúng ta thường thấy có nhiều Wat Khmer cùng tồn tại trong lòng phum sóc đồng bào Khmer, nhiều nhất là các tỉnh miền Tây Nam Bộ, thường thì cứ có từ 100 đến 120 ngôi chùa Khmer thì có một ngôi chùa uy nghi, trang nghiêm, lộng lẫy nhưng cũng rất thanh tịnh và yên lặng.

Đến vùng phum sóc Khmer, nhìn xa xa chúng ta sẽ thấy một đền núi, uy nghi, đồ sộ mọc cao vút lên trời, xen kẽ giữa cây cổ thụ xum xuê giữa phum sóc, xung quanh là một ngôi chùa Khmer. Nó uy nghi, đồ sộ bởi những không gian kiến trúc rộng lớn và quy mô của các công trình được xếp đặt theo quy hoạch cụ thể. Ta tưởng như một tượng đài phòng thủ các thú dữ, thiên tai hay giặc ngoại xâm và cũng như đài chắn tên lửa để che chở tinh thần Phật tử. Khi đến gần hoặc vào bên trong, chúng ta lần lượt tắm mình trong sự uy nghi, trang nghiêm và thanh tịnh của ngôi chùa, trước tiên là những cổng chùa, hàng rào lối lôm nhưng rất tráng lệ bởi những bức phù điêu trang trí: có chùa là những chuyện diễn ra trong cuộc sống thường ngày, có chùa là *Túc sanh truyện* kể về cuộc đời quá khứ của Đức Phật và cũng có chùa trang trí bằng hoa lá cây rừng... Hàng rào tuy che chở bảo toàn cũng như ngăn cách giữa đời với đạo, giữa người với trời, nhưng lại rất gần gũi như không hề tách biệt mà còn quyến rũ, sẵn sàng chuyên chở, cứu độ tất cả chúng sanh, đưa đến cõi an lạc, bởi sự khéo



tay trang trí của các nghệ nhân cùng với cổng chùa lớn, rộng mở. Mỗi chùa thường có một hoặc hai cổng: cổng chính và cổng phụ. Tùy theo từng chùa từng địa phương, có những cổng chùa có một ngọn tháp, có những cổng chùa có ba ngọn tháp và cũng có cổng chùa lên đến năm ngọn tháp. Điều này được hiểu như sau: đối với cổng chùa chỉ có một ngôi tháp hoặc lớp mái chùa nhiều lớp chồng lên nhau, hai bên thường có hai vị thần bảo hộ (Tuya Răbal) hoặc sư tử hay xuất hiện trước đầu thần rắn Naga trong truyền thuyết “biển sữa nổi sóng” uốn lượn trên tường rào đầu góc lên trời, tất cả nhằm canh giữ những báu vật quý giá ở bên trong. Những ngôi tháp phía trên thường là hình búp sen hoặc hình chuông được cách điệu từ hình ảnh bát úp đặt trên bậc tam cấp tượng trưng cho ba cõi Đức Phật từng thọ sanh trong suốt bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp để tạo duyên lành để thành đạo, là hình ảnh bình bát cuối cùng để gắn chặt với thân thể và sự nghiệp 45 năm hoàng dương Chánh pháp của Đức Phật, nói lên tinh thần giản dị, cuộc sống đơn sơ của bậc Toàn giác, đặt lợi ích chung, cứu độ chúng sanh là trên hết. Trên bát úp là cột trụ cao thẳng lên trời có gắn ba hoặc năm đĩa tròn tượng trưng cho Tam bảo hoặc năm vị Phật sẽ thành đạo trong kiếp trái đất này và trên cùng là cội Niết-bàn.

Đối với những chùa có ba ngôi tháp, phần dưới trang trí gần giống nhau, còn ba ngôi tháp tượng trưng cho Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), tháp giữa lớn hơn tượng trưng cho Đức Phật. Ba ngôi tháp là hình búp sen cách điệu, là những loại hoa gắn liền với Đức Bồ-tát đản sanh trong Lâm-tì-ni (vườn thượng uyển) ngày Rằm tháng Vesak (tháng Tư) năm Tuất, ngôi tháp chia thành cấp bởi những hoa lá trang trí sống động tượng trưng cho Bát chánh đạo và đỉnh cuối cùng là Niết-bàn.

Đối với những ngôi chùa có điều kiện hơn, cổng chùa được làm bằng năm ngôi tháp hình búp sen, phần dưới

cũng có trang trí gần giống nhau. Năm ngôi tháp liên kết với nhau bởi một ngôi tháp lớn ở chính giữa, cao hơn hẳn bốn tháp còn lại. Điều quan trọng là sự xuất hiện cổng năm ngọn tháp được đồng hóa với núi Meru (núi Tudi) huyền thoại, nơi những vị thần thường an ngự theo học thuyết Bà-la-môn giáo. Đây cũng là ý tưởng chủ đạo trong lối kiến trúc đền-núi mà ta thường gặp không chỉ đối với người Khmer mà còn một số dân tộc khác của vùng Đông Nam Á. Vươn xa hơn đó là ý tưởng truyền tải từ thế giới học Phật giáo, theo thuyết của Ngài ghi trong phần Kappakatha (sự hình thành và hủy diệt của trái đất), là một phần trong bộ *Thanh tịnh đạo*, năm ngọn tháp tượng trưng cho năm vị Phật sẽ thành đạo trong kiếp trái đất này, đỉnh cao nhất cũng là cội Niết-bàn.

Nghệ thuật kiến trúc tường rào, cổng chùa Khmer tỏ rõ sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa Bà-la-môn giáo với văn hóa Phật giáo. Cổng chùa luôn là một trong những tâm điểm thu hút sự quan tâm của mọi người, nó đã thể hiện khái quát nội dung bên trong với chủ đề chính là Tam bảo, làm cho người ta phải thích thú tìm hiểu.

Ba cảnh kỷ niệm của cuộc đời và thân thể của Đức Phật. Đó là cảnh Đản sanh ở giữa thành Ka-tỳ-la-vệ và thành Devadaha cảnh trong rừng Lâm-tỳ-ni, dưới cây Sala (Vô ưu), Đức Phật thành đạo dưới cội cây bồ-đề gần bờ sông Neranjarà (sông Niên) và cảnh Ngài nhập Niết-bàn dưới Song Long Thọ (cây Sala). Đồng thời, tinh thần đó cũng đúng với từ người Khmer hay gọi là Wat-Arama (Chùa - Công viên, tức xem chùa như là công viên) hay như ghi trong Luật tạng: Arama nghĩa là Công viên.

Những quần thể kiến trúc thường bố trí theo phương pháp ngũ điểm, vì người Khmer quan niệm những gì lớn nhất, trân trọng nhất phải được đặt ở trung tâm. Điển hình, có hai cách bố trí mặt bằng tổng thể:

Một là, chánh điện nằm ở trục giữa hai bên đường thẳng vuông góc với nhau, nhưng lệch tâm hẳn về phía hướng Đông. Ở ba bên chánh điện là Đông, Bắc và Nam bố trí các tháp thờ cốt của những người quá cố. Ở góc hướng Đông bắc của nền chùa thường bố trí đền Năk-ta hay lò thiêu. Ở phần đất phía Tây trục Nam - Bắc thường bố trí Sala (Lễ đường) nằm cùng trục Đông - Tây với chánh điện nhưng hơi lệch về hướng Nam, còn lại là Tăng xá, phòng khách, phòng trụ trì, trường học... Đây là cách bố trí mở, có phần động và phần tịnh, phần quá khứ và hiện tại tương đối rõ ràng, và luôn dành phần đất hướng Đông đặt những công trình thờ những bậc linh thiêng, những vật quý báu nhất, bởi lẽ, theo quan điểm dân gian cho rằng hướng Đông là hướng sinh sôi nảy nở, họ mong sao ông bà của mình sẽ tái sinh nơi Cực lạc.

Hai là, cách bố trí khép kín. Cách này cũng giống như bố trí mở, chỉ khác ở chỗ Sala và trường học song song với nhau, phòng trụ trì nằm cùng trục với chánh điện. Các Tăng xá nằm hai bên phòng trụ trì tạo sân hình vuông hoặc hình chữ nhật để diễn ra các lễ hội. Cách bố trí này tạo không gian thoáng mát bên trong làm cho các công trình xung

quanh vừa có đầy đủ ánh sáng, vừa mát mẻ, mặt khác cũng tạo nên sự kín đáo cho người tu hành...

Chánh điện là những công trình chính luôn đặt ở phần hướng Đông, trên nền cao tượng trưng cho núi Meru. Ba bên: hướng Đông, Nam, Bắc, ngoài hàng rào chánh điện là những ngôi tháp lớn nhỏ, cao thấp, nhiều kiểu kiến trúc khác nhau để thờ hài cốt ông bà thân nhân của Phật tử, tượng trưng cho các núi nhỏ bao bọc núi Meru. Chánh điện xây trên hai lớp nền nhằm tránh ngập nước của vùng đất Nam Bộ. Lớp ngoài được bao bọc bởi hàng rào xung quanh, trang trí bằng các phù điêu trong truyện dân gian hoặc hoa lá thiên nhiên, một mặt là để bảo vệ và có ranh giới rõ ràng như nhà dân Khmer xưa kia của Nam Bộ, mặt khác tượng trưng cho bộ xương bao bọc thân thể. Ba cổng ra vào, một cổng lớn ở hướng Đông và hai cổng nhỏ ở hướng Tây, tượng trưng cho ba cửa mà mọi người khi làm bất cứ việc gì, thiện hay ác cũng qua ba cửa này là: thân, khẩu và ý. Thân có ba chi, khẩu có bốn chi và ý có ba chi. Hai bên cổng có hai con sư tử hoặc Asura, Tuya-ra-bal (Thần Gác cửa) canh gác, cột cổng trang trí bằng hoa lá đắp chìm, nổi hay cách điệu thêm Bát chánh đạo. Cũng có những chùa cách điệu tượng chư thiên chấp tay xá hòa với hoa lá thiên nhiên, như chào đón thiện nam tín nữ hay du khách thập phương bằng cả thân, khẩu, ý hiển từ. Chống đỡ mái cổng là tượng cây Nor vừa khoe sắc uyển chuyển vừa khoe sức lực phi thường. quay mặt ra ngoài, đôi mắt nhìn xuống như muốn nói với mọi người rằng: sức mạnh, vẻ đẹp của trần gian tuy không bằng cõi trời nhưng đủ sức thu hút làm cho kẻ thiếu sự kiên định mất khuynh hướng, sẽ không đi đến mục đích như cây Nor có vẻ đẹp duyên dáng, nụ cười hồn nhiên nhưng chỉ chống đỡ mái cổng rồi quay mặt ra ngoài, chư Tăng, Phật tử nếu dễ mê muội với sắc đẹp, đường tu sẽ không đến thành công. Mái cổng có khi là tháp hình búp sen cách điệu trang trí bằng hoa lá, có khi là thân rắn Naga, thân uốn lượn chống lên nhau tạo thành mái cong cho cổng, đầu quay xuống góc lên, đuôi cuốn vào nhau như cố tình khuấy động biển sôi tìm thần được sinh tồn bất tử, hình ảnh góc đầu lên như gặp sự cản trở lớn đó là ý "tất cả đều vô thường, khổ não và vô ngã".

Cách cổng hàng rào mỗi bên khoảng năm, sáu mét là chánh điện, đặt trên nền thường cao từ 0,9 đến 1,2m. Có ba lối đi lên, nếu ba lối vào thì tương ứng, chánh điện cũng có ba cửa vào (tượng trưng nghiệp quả từ thân, khẩu, ý). Lại cũng có chánh điện có bốn đường đi lên, tương ứng đó cũng có bốn cửa vào trong, tượng trưng cho bốn đường Đạo và bốn Quả. Thay cho tay vịn cầu thang đi lên là thân rắn Naga uốn lượn theo độ cao của nền chánh điện, có ba hoặc năm đầu góc lên hướng ra ngoài, canh giữ những người xấu ác và đây cũng đồng nghĩa với cầu vồng mỗi khi trời chuyển mưa, dân gian Khmer xem đó như như sự ban phước cho dân chúng có nước làm mùa. Chánh điện chùa Khmer thường bố cục mặt bằng theo hệ số lẻ, cụ thể như rộng ba gian, dài năm hay bảy gian, hoặc rộng

năm gian dài chín gian. Cách bố trí như vậy căn cứ theo phương pháp ngũ điểm mở rộng, vừa dễ tạo điểm nhấn thể hiện rõ công năng sử dụng bên trong là thờ Phật, Pháp, Tăng mà Đức Phật là tâm điểm. Cả những số lẻ trên cũng tượng trưng cho giáo pháp. Có ba lớp mái dốc chống lên nhau, mái trên cùng cao hẳn lên trời tạo thành hình tam giác cân hai bên gọi là Ho-o-cheng (cánh én), góc trên luôn nhỏ hơn hai góc nằm còn lại, đỉnh mái hai bên luôn nhô ra ngoài và trên đó có gắn Chô-ve uốn cong như đuôi rồng cao vút lên trời tạo sự nhẹ nhàng cho mái chùa hay xem như là tính âm-dương trong nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer. Kết thúc từng lớp mái có trang trí hoa văn cao thấp, đầy, thưa bao quanh cả bốn cạnh, kết hợp với điểm mái từng lớp bằng thân rắn Rắn Naga như bò từ trên trời xuống rồi góc đầu lên, vừa tạo vẻ nhẹ nhàng cho mái, vừa là viên gạch kết nối giữa ba lớp mái tượng trưng cho ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tạo thành một khối như biệt lập, cách xa với tháp nhỏ đặt giữa đỉnh mái tượng trưng cho Niết-bàn cao xa vời vợi. Thế nhưng, nó đã kết nối bằng Bayaka (như vảy rồng), rồi nó cũng rất gần gũi với trần gian hơn nữa bởi sự kết nối liên tiếp bằng thân Rắn cách điệu thành Ê-ra (Rồng con) uốn cong, hay bằng tượng cây Nor mềm mại uyển chuyển, đứng ở phần gần đầu cột, tựa lưng vào cột, thân uốn cong duyên dáng. Khoảng thập niên 30 của thế kỷ XX, cũng có những chánh điện có mái khác hơn chánh điện cất trước đây. Các nghệ nhân hay thợ xây dựng Khmer thêm vào đó bằng một ngọn tháp hay ba ngọn tháp như búp sen cách điệu hoặc tháp chuông cách điệu từ ý tưởng Bát úp, theo truyền thuyết kể rằng: Lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn thì có vị Tăng hỏi Ngài sau này nên làm bàn thờ như thế nào. Đức Phật không trả lời mà chỉ xếp y lại thành bốn mảng, lấy bát úp trên y, lấy cây gậy chống thẳng đứng trên bát. Hình ảnh này trở thành sức hấp dẫn cho nghệ nhân hay thợ xây, sáng tác nhiều tác phẩm nghệ thuật kiến trúc đặc sắc của Phật giáo sau này, và cũng từ ý này nên nền chánh điện luôn đặt trên nền hình vuông hay hình chữ nhật. Sự thay đổi cấu trúc, mô hình trong kiến trúc chùa Khmer sau này vừa nói lên kinh tế phát triển của Phật tử, vật liệu xây dựng phong phú, mặt khác vừa nói lên sự kế thừa, nghiên cứu tìm tòi của Phật pháp của các nghệ nhân hay thợ xây dựng Khmer đạt một trình độ phát triển nhất định. Đây là một cuộc cách mạng trong kiến trúc Phật giáo. Họ cố gắng thổi tâm hồn Phật pháp vào tác phẩm của mình, như hình ảnh một ngôi tháp chia tám cấp đặt trên ba lớp mái, tượng trưng cho Niết-bàn cao hơn cõi còn lại, đây là đỉnh cao cuối cùng trong Vũ trụ học Phật giáo, cõi vô sanh bất diệt, không còn đau khổ, không còn phiền não. Muốn vậy, chúng sanh phải trải qua nhiều cấp, nhiều bậc tu luyện hoàn thiện bản thân như tám cấp của ngôi tháp tượng trưng cho Bát chánh đạo. Hay như ba ngôi tháp tượng trưng cho ba ngôi Tam bảo, đây là cơ cấu trong Phật giáo và luôn có ảnh hưởng đến cả ba cõi, tháp cũng được chia thành tám cấp và đỉnh cao nhất là Niết-bàn.

Đặc biệt hơn nữa, chánh điện chùa Khmer luôn đặt

hướng chính về hướng Đông, mái chánh điện luôn có ba lớp chồng lên nhau, đây là một sự khác biệt hẳn đối với mái chùa. Tuy cùng chung là Phật giáo mà ta chỉ tìm thấy trong nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer. Bố cục như vậy không chỉ theo quan điểm dân gian xem hướng đông là hướng tốt, hướng sinh sôi nảy nở, hướng trời ban mai không khí trong lành, nắng ban mai sẽ làm cho dễ chịu hơn lúc nào hết như khoa học đã chứng minh, mà nó còn thể hiện được ý tưởng chủ đạo trong nghệ thuật bố cục không gian kiến trúc chùa Khmer. Hướng Đông được xem như hướng thiêng liêng nhất trong suốt quá trình tìm đạo bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp của Đức Phật, hướng đã xóa đi những bóng tối mịt mù của nhân loại như mặt trời mọc lên xóa tan đi những bầu trời đen tối, đem lại ánh sáng cho loài người và vạn vật. Ý tưởng này lấy từ hình ảnh Đức Phật nhập thiền định dưới cội bồ-đề tựa lưng vào gốc cây, khi quay mặt về hướng kia trong hai canh đêm Rằm tháng Vesak không đắc đạo quả; đến canh thứ ba canh cuối đêm Rằm, trời hừng sáng, Ngài quay mặt về hướng Đông, đạo quả toàn giác đã phát sinh đến Ngài, ánh sáng của tám muôn bốn ngàn pháp môn đã chiếu sáng ba cõi, rồi còn sâu tận A-tỳ địa ngục. Chính từ đó, mặc dù địa hình khó khăn đến đâu, hướng chánh điện chùa Khmer lúc nào cũng quay về hướng Đông.

Vào trong chánh điện, ta như đang vào trong thư viện bách khoa toàn thư về thế giới Phật học, bởi những hình ảnh trang trí màu sắc rực rỡ của cỏ cây hoa lá, động sinh vật, cảnh sinh hoạt của Đức Phật cùng những nhân vật có liên quan từ kiếp quá khứ đến kiếp hiện tại, được các nghệ nhân trang trí trên vách, trên trần hết sức phong phú và sinh động. Bồ đoàn Đức Phật đặt ở hướng Tây trong chánh điện, trong đó có thờ Phật trong tư thế thiền định, trì bình cứu nhân độ thế, thuyết giảng thập nhị nhân duyên, hay tượng Phật nhập Niết-bàn. Cũng có những chùa cổ có tượng ngài Quán Thế Âm, tượng Đại đức A-nan-da, Tôn giả Mục-kiền-liên... như thuật lại năm Phật sự lúc Ngài còn tại thế, với đôi mắt nửa mở nửa khép, gương mặt hồng hào đầy lòng từ bi hỷ xả của Đức Phật, kèm theo nghệ thuật lấy ánh sáng từ khe cửa nửa mở nửa sáng chiếu lọt vào làm cho hồn ta đang ngủ say trong lời ru của kim ngôn Đức Phật, đang du ngoạn trong thiên đường, giúp ta cảm nhận được sự an nhàn, thanh bình thực tế trong cuộc sống.

Saladàna gọi tắt là Sala (lễ đường), nơi diễn ra các lễ cúng tứ sự, trai tăng lớn nhỏ... thường chiếm một diện tích rất lớn theo mật độ Phật tử bốn tự. Sala xây trên nền cao nhưng không cao hơn chánh điện và cũng không có hàng rào, mặt bằng bố cục không giống như chánh điện: chiều rộng ba gian, năm gian, chiều dài tùy theo nhu cầu từ năm đến sáu gian hoặc từ tám đến chín gian, nhưng khẩu độ mỗi nhịp cột rất lớn. Có chùa làm hai tầng, một trệt một lầu, tận dụng lầu cho chư Tăng ở hoặc làm phòng học, phòng họp nội bộ... Và cũng có chùa làm Sala đôi. Cột trong, cột ngoài thường dùng nghệ thuật vẽ hay đắp chìm, nổi hoa văn cây lá thiên nhiên, cách điệu ngọn lửa

hay đầu chim thần Garuda. Chân và cột đắp cao và dày những hoa lá tạo sự bề thế cho chân cột. Gần đầu hàng cột ngoài có chim thần Garuda hay cây Nor tựa lưng vào cột, tay giơ cao chống đỡ mái, đôi mắt nhìn xuống, miệng chim thần ngậm viên ngọc hoặc há miệng thật to, tạo sự uy nghi, hoành tráng cho Sala, nhưng cũng không kém phần tráng lệ, hiền hậu hút hồn người bởi nụ cười duyên dáng, thân mềm mại quyến rũ. Hai khối mái khổng lồ chồng lên nhau cao vút lên trời rồi tựa vào bàn tay nhỏ nhắn của chim thần Garuda hay tựa trên bàn tay mềm mại của mỹ nhân cây Nor, làm cho ta có cảm giác nhẹ nhàng, không có một chút nặng nề hay mệt mỏi. Xung quanh phần dưới của các mái trang trí hoa văn đắp nổi tạo thành máng nước dẫn đến nơi thoát tùy ý. Tiếp giáp hai mặt chiều dài của mái trên đưa cao hẳn lên trời, hai mặt còn lại của hai bên tự tạo ra hai Cánh én, có cạnh đáy là cạnh trên của mái dưới, đỉnh mái nhô ra, tạo độ sâu cho Cánh én để che mưa tạt và cấu trúc bên trong. Các nghệ nhân thêm vào đó bằng điểm mái thân thần Rắn Naga thả thân xuống dưới, đầu ngóc lên trời theo từng khối mái, đuôi cuốn vào nhau uốn cong đưa ra ngoài theo chiều dài của mái tăng thêm nét đặc sắc, thanh thoát nhẹ nhàng trong kiến trúc mái chùa, đồng thời cũng không kém phần ý nghĩa cao siêu trong triết lý Phật giáo. Đó là mái Sala chỉ có hai lớp biểu tượng cho hai cõi Dục giới và Sắc giới, bởi lẽ công năng sử dụng trong đó chỉ cúng dường vật thí tứ sự, trai tăng chứ không thiền định, không hành tăng sự, làm lễ phát lồ hay làm lễ đại giới đàn như chánh điện. Bên trong mặt bằng, gian giữa có bồ đoàn to cao thờ kim thân Đức Phật, từ trong nhìn ra theo chiều dài, gian bên phải là Tăng đoàn để chư Tăng ngồi thường nâng cao khoảng bốn năm tấc, vị trụ trì, vị cao hạ ngồi bên trong rồi lần lượt ra ngoài theo hạ lạp, phần còn lại là thiện nam tín nữ ngồi. Vách và trần trang trí bằng tranh vẽ hoặc tranh đắp, thuật theo *Túc sanh truyện* hay *Pháp Cú kinh*, làm cho người vào đó cứ như được vào trong giảng đường Phật học và sẽ hiểu được nghiệp mình tạo, quả mình hưởng trong tam thế: quá khứ, hiện tại và vị lai.

Những điều khác biệt giữa Sala với chánh điện chùa Khmer nữa là: cách bố trí hướng chính và quy định các chiều hình học làm hướng chính. Ở đây ta tìm thấy trong nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer phần này chưa bắt buộc, còn dễ dàng cho thợ hay nghệ nhân, mặt chính có khi là chiều dài, có khi lại là chiều vuông, hướng chính có thể là hướng Nam, hướng Bắc cũng có khi là hướng Đông, nhưng không có hướng Tây. Điều này mới đầu ta có thể nói chỉ vì vị trí địa hình không cho phép, trình độ thợ hay nghệ nhân Khmer chưa cao, chưa tìm ra nguyên tắc bố cục mặt bằng tổng thể nhất định tối ưu, hoặc bố trí như vậy là để quần thể kiến trúc không cứng rắn... Nói thế là chưa đủ, chưa phải lắm, vì nó còn tuyệt đối không xa ba lớp mái, không chọn hướng chính ở hướng Tây hoặc Sala chỉ để trang trí tranh vẽ, tranh đắp dựa theo *Túc sanh truyện*, kinh *Pháp Cú* mà không thuật lại sự nghiệp và cuộc đời của Đức Phật (lịch sử Đức Phật kiếp này như trong chánh

điện). Ta đặt vấn đề này trong thế giới Phật học, tìm hồn kiến trúc Phật giáo tức là tìm tâm hồn Phật giáo hòa hợp với tâm hồn chúng sanh tiềm ẩn trong kiến trúc theo từng dân tộc. Như vậy, chúng ta sẽ dễ thấy rõ, nhất là nhờ dựa vào hình ảnh năm điều mộng của Đức Phật trước lúc thành Phật, hoặc hình ảnh Đức Phật đi khát thực, thọ nhận từng miếng cơm, muỗng canh; tâm hồn bền bỉ không bị dao động theo chạy hay mặn tùy lòng, tùy hỷ của các tầng lớp chúng sanh cúng dường, không phân biệt giàu nghèo, vua chúa hay quan quyền... Cũng vậy, nghệ thuật xây dựng Sala ở đây cũng nói lên điều đó, vừa dễ dàng bố cục không gian, vừa dễ tạo hình thức kiến trúc, vừa gắn gũi, thuận lợi cho các tầng lớp thiện nam, tín nữ đến làm lễ cúng dường, nhưng cũng không kém tính quyết đoán. Triết lý Phật giáo sâu thẳm giáo dục mọi tầng lớp chúng sanh không vì thế mà tuyệt vọng, tuy chưa đạt đến đỉnh cao là Niết-bàn như chánh điện, nhưng nó cũng được hưởng quả người, quả trời, như hình ảnh hai lớp mái và không thể bị đọa đầy xuống địa ngục như không thể quay về hướng Tây, chỉ cần thân, khẩu và ý ta trong sạch.

Phòng trụ trì là nơi lãnh đạo mọi sinh hoạt tu học trong chùa, là trụ cột tinh thần của bốn tự, nền phòng thường đặt nơi dễ quan sát toàn bộ khu vực chùa, quy mô lớn nhỏ tùy theo nhu cầu, nhưng tối thiểu chiều dài cũng ba gian, năm gian và gian giữa thường lớn hơn gian còn lại. Phía trước nối dài với gian giữa là tiền sảnh, nó không chỉ là đầu mối tiếp đón khách bình thường mà còn là một điểm nhấn trong mô hình kiến trúc, đồng thời nó thể hiện được chức năng nhiệm vụ của vị trụ trì là tập trung, điều phối mọi sinh hoạt trong chùa. Cách trang trí tạo mái cũng giống như Sala, chỉ có một số ít là mái bánh ú, mái bằng.

Sala riển (trường học) được bố trí song song với Saladàna, có khi bố trí ở một khu vực tương đối biệt lập cần sự yên tĩnh. Trường được xây dựng trên nền cao, hướng chọn ánh sáng thuận lợi, thoáng mát, chiều dài mặt bằng thường năm gian, gian giữa là phòng nghỉ giải lao của giảng sư, phòng lưu giữ hồ sơ hay phòng của Hội đồng điều hành, mỗi bên của hai gian còn lại là phòng học, có những chùa có bốn tự đông, nhu cầu học tập cao thì xây dựng một trệt, một lầu... Điều thu hút cho ta cần quan tâm nghiên cứu ở đây không phải ở chỗ phòng nhiều hay ít, một trệt hay một lầu, mà là nghệ thuật sáng tạo dáng mái và mỹ thuật trang trí: có khi là mái dốc hai khối chồng lên nhau như mái Saladàna, dạng mái này kết hợp với tường, trần để trơn, không trang trí tranh vẽ hay đắp, thuật lại *Túc sanh truyện*, nhưng không đề cập gì đến chuyện cúng dường hay thọ tứ sự. Có lẽ ta có thể hiểu làm như vậy để cho học sinh, Tăng sinh dễ tiếp thu bài giảng? Nếu vậy ta bổ sung thêm nhiều tranh minh họa có phải hay hơn không và nếu thế còn hai lớp mái thì sao? Nhưng không, ta thử tìm hiểu nội dung giảng dạy, hệ thống giáo dục trong phum sóc Khmer và hệ quả của nó ta sẽ thấy rõ: Trường chùa Khmer không thuần túy dạy một mặt về Phật học, chuyên dẫn dắt con người đi lên thiên đường

như một vị hiền nông cày thô thiển trước đây và xem tôn giáo như một dạng thuốc gây mê, mà đúng hơn là nó kết hợp đào tạo song song, vừa thế học vừa Phật học, vừa siêu hình vừa khoa học kỹ thuật, nó tiếp nhận đào tạo cả tu sĩ, cả con em người dân tộc trong phum sóc. Sự kết hợp hài hòa, sự tác động qua lại và sự hỗ trợ mật thiết không thể tách rời giữa đạo với đời, giữa dân tộc với tín ngưỡng như cá với nước, rừng với môi đã thể hiện rất đậm nét qua tác phẩm nghệ thuật tạo hai khối mái chồng lên nhau, liên kết với nhau chặt chẽ bởi thân Rắn Naga hay hoa văn trang trí. Cho nên, từ trước đến nay, cũng chính từ mái trường chùa, đa số con em đồng bào dân tộc Khmer xuất gia hay tại gia đã trở thành nhà trí thức, thành thợ hay nghệ nhân, thành cán bộ vừa có đạo đức vừa có trình độ đã và đang giúp ích cho xã hội không kém là bao so với nền giáo dục khác.

Đi tìm sâu thêm nữa ta lại phát hiện từ khoảng thập niên 40 của thế kỷ XX, có một ngôi tháp hình chuông hay búp sen đặt trên mái dốc của trường, điều này làm cho một phần nào ý nghĩa trên đường như thiếu trung thực, tâm hồn kiến trúc trường chưa hề được khám phá ra hay chưa có công cụ tiên tiến để đánh giá đúng mức? Có lẽ không phải vậy, vì nhà khoa học trên thế giới cũng như ta đều công nhận: *Kiến trúc là một nghệ thuật tạo hình tượng trưng, dùng hình khối thay cho lời ca tiếng hát, họa tiết trang trí thay cho nốt nhạc, nó thể hiện đời sống sinh hoạt hàng ngày và sự tiến bộ của loài người, nó kế thừa, sàng lọc tỉ mỉ và không ngừng sáng tạo...* Từ câu nói này, ta không thấy ngạc nhiên bởi sự có mặt của ngôi tháp trên mái trường và ý nghĩa trước đó phản ánh thật đúng với khúc nhạc kiến trúc Phật giáo. Sự xuất hiện ngôi tháp đã chứng minh rõ thêm sự tiến bộ nghiên cứu pháp môn và thể hiện hồn Phật pháp vào trong kiến trúc chùa càng rõ nét, sự mộ đạo của các tầng lớp cũng được nâng lên tầm cao mới, lập trường cũng nhất quán vượt qua không gian và thời gian...

C. Kết luận

Qua bước đầu tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc một số công trình tiêu biểu trong quần thể kiến trúc Khmer, tuy chưa đầy đủ, lời lý giải chưa logic và sắc nét đúng theo tầm cỡ của nó, nhưng cũng đủ để cho ta mấy điều kết luận sau đây: Nghệ thuật kiến trúc chùa Khmer rất phong phú đa dạng, rất đặc sắc về hình lẫn hồn; mỗi hình khối, mỗi họa tiết trang trí đều toát lên triết lý Phật giáo, Bà-la-môn giáo cùng kết hợp hài hòa với dân gian, rõ nhất là nó liên kết mật thiết giữa đạo với đời nhưng không hề đối lập, mỹ thuật trang trí không chỉ làm cho đẹp để chiêm ngưỡng, hình khối không chỉ tạo ra không gian, công năng sử dụng mà nó còn là một minh chứng lịch sử minh chứng sự tiến hóa của đồng bào Khmer, là một nền giáo dục hoàn thiện, trường tồn hữu hiệu không hề tụt hậu trong tâm hồn dân tộc, là một kho tàng văn hóa đặc sắc vượt qua không gian và thời gian, chỉ cần chúng ta ra sức bảo tồn, phát huy và đưa nó đi vào phục vụ thiết thực trong cuộc sống, sẽ góp phần làm nên hình ảnh rực rỡ, sống động trong đời sống xã hội Việt Nam. ■



Tìm cây trà rừng

Bài & ảnh: TRỊNH CHU

Duyên khởi

Đà Lạt, một ngày hè nóng hơn lệ thường, tôi như bết được đôi chút mệt mỏi sau chặng đường dài từ Bảo Lộc về Đà Lạt khi trông thấy ấm trà Thái (Nguyên) đã pha bông rẫy. Có điều thay vì ngồi thong thả uống trà như mọi khi, thì lần này nhà văn Chu Bá Nam lại tỏ ra khá... bí ẩn: *"Hôm nay, hơi khác thường một chút!"*. Thế rồi, ông đi vào bếp, mang theo chiếc bình thủy, rót đầy hai ly và đẩy về phía tôi: *"Uống thử xem nó là loại gì!"*.

Thực tế thì thứ nước màu nâu ngăm ngăm vừa được nhà văn Chu Bá Nam rót ra từ chiếc bình thủy, tôi đã uống một đôi lần, nhưng vì thấy ông có vẻ hơi nghiêm trang, nên cũng dậm ra lửng khùng. Chưa trả lời vội, tôi ngồi dậm dậm nhìn ly nước nghi ngời. *"Đây! Nó là thứ này!"*, vừa nói nhà văn Chu Bá Nam vừa giở đúng trang 193 của cuốn sách *Đỉnh cao để quốc Đà Lạt và sự hưng vong của Đông Dương thuộc Pháp* của Eric Thomas Jennings do Nxb Hồng Đức ấn hành năm 2015 ra đặt trước mặt tôi.

Tính ông vốn vậy! Cẩn trọng, chu đáo và rạch ròi. Tôi ngó qua, trang sách có logo quảng cáo nhãn hiệu Thé des Plateaux Mois (Trà Mọi Cao Nguyên), vẽ hình

một phụ nữ người dân tộc thiểu số điệu con bên hông, vai mang gùi, miệng ngậm tẩu thuốc, hai tay đang làm động tác hái trà trên núi. *"Nếu kiếm được thứ này thì bán cho ta 10kg. Ta mua với giá gấp ba giá thị trường"*, nhà văn Chu Bá Nam đề nghị.

Tôi bảo cứ để thử xem rồi hẵng tính chuyện mua bán. Tuy nhiên, nếu có kiếm được, tôi cũng chỉ bán theo giá thị trường.

Hành trình tìm kiếm trà rừng

Thé des Plateaux Mois là cách gọi của người Pháp, còn dân bản địa (K'Ho và Mạ) gọi là ce bri. Cánh rừng đầu tiên tôi tiếp cận thuộc địa phận xã Phú Hội (huyện Đức Trọng).

Y hèn, ông Hoàng Hình, người có đất vườn tại đây, đã đợi sẵn dẫn đường. Gửi xe máy ở nhà dân gần đó, tôi linh kinh ba lô, máy ảnh, sẵn sàng cho hành trình tìm kiếm cây trà rừng. Thế nhưng, sự hí hửng của tôi nhanh chóng bị dập tắt bởi câu nói như ra lệnh của ông bạn dẫn đường (chắc đã có kinh nghiệm từ trước): *"Gửi hết đồ đạc ở đây luôn đi!"*. Dứt lời, ông ta chỉ tay lên đỉnh núi: *"Trên kia mới có!"*.



Có thứ trà nào mà sống được ở trên đây? Tuy vậy, tôi đành phải nghe theo lệnh của người dẫn đường là gửi lại ba lô, máy ảnh để tiếp tục hành trình. Sau khi vượt qua rẫy cà phê, chúng tôi gặp một con suối cạn. Tiếp tục đi một quãng xa, lại gặp một con suối. Cả hai phải vịn cành cây, đu người mới qua được con suối. Trèo qua con dốc dựng đứng, lại băng thêm một quãng đường rừng nữa, trước mặt chúng tôi mới hiện ra một khoảnh đất, lộ nhô những tảng đá hoa cương. *"Thứ này chỉ mọc ở những nơi đất có nhiều đá. Kìa, nó mọc ở cuối hòn đá kia kìa"*, ông Hoàng Hình nói. Theo hướng chỉ tay của người dẫn đường, tôi thấy một cây thân gỗ to bằng cổ chân, cao hai, ba mét, mọc ở rìa tảng đá hoa cương. Tiến lại gần hơn, tôi thấy có một cành bị chặt đổ xuống. Chắc trước đó đã có người đến lấy lá. Ông Hoàng Hình bảo: *"Nên lấy cả cành con. Bởi cành uống ngon hơn lá"*. Chúng tôi thi nhau tuốt lá và cả cành con mang về.

Trà rừng sau khi phơi khô, đem gói trong bao nilon. Thỉnh thoảng tưới ít nước ở bên ngoài làm ẩm. Mỗi lần sử dụng, lấy một ít lá trà đun với nước, hoặc cũng có thể hãm với nước sôi như hãm nước vối. Nước trà

rừng màu nâu ngăm ngăm và sẫm màu hơn khi để qua hôm sau. Trà rừng uống ngọt và thơm, vị nửa trà nửa vối. Nếu thêm đá uống càng dễ chịu. Bà Ka Phê (thôn Bộ Bê, xã Gia Bắc, huyện Di Linh) chia sẻ: *"Phụ nữ dân tộc K'Ho sau khi để có thể lên nương rẫy được ngay là nhờ uống thứ trà này"*. Theo bà Ka Phê, từ trăm năm nay, người K'Ho đã dùng trà rừng làm thức uống hằng ngày. Uống trà rừng mùi vị nhẹ nhàng, dễ chịu, ít bị kích ứng, nhất là ăn được nhiều cơm, đêm ngủ ngon giấc. Ngoài ra, trà rừng còn có công dụng mát gan, giải độc cơ thể... Ông Hoàng Hình thì cho rằng, nhờ uống đều đặn trà rừng mà ông đã khỏi bệnh đau dạ dày.

Chuyến tìm trà rừng ở địa phận Đức Trọng kết thúc. Nhưng số lượng lá trà mà chúng tôi kiếm được không đáng kể, chỉ đủ pha một vài ấm uống thử và một ít thì gửi chỗ ông Nguyễn Duy Chính, giảng viên Khoa Sinh học Trường Đại học Đà Lạt, để nhờ xác định tên khoa học của trà rừng.

Tạm kết

Gọi điện thoại cho ông Nguyễn Duy Chính, tôi được biết: Trà rừng tên khoa học là *Cratoxylum* sp., thuộc chi Thành ngạnh, nhưng chưa rõ loài. Quả trà rừng hình tứ diện (kim tự tháp), to bằng đầu đũa, khi tách ra có 3 mảnh vỏ. Hạt màu nâu nhạt, to hơn hạt kê. Cây sinh sản bằng hạt. Cành mọc ngang thân và lá thì mọc đối xứng. Thân trà rừng có nhiều gai, gần giống gai bồ kết. Chỉ khác ở chỗ gai trà rừng thì mọc đơn, gai bồ kết lại mọc thành chùm. Gai trà rừng cũng tù hơn và cứng hơn gai bồ kết.

Từ thông tin trên, tôi hí hửng rủ thêm anh Trần Thanh Giang (thôn 8, xã Hòa Bắc, huyện Di Linh) tiếp tục quần thảo ở vùng núi Hòa Bắc, rồi lại theo chân người địa phương xã Lộc Bảo (huyện Bảo Lâm) đập rừng tìm kiếm trà rừng tại địa phận Lộc Bắc và Lộc Bảo. Rong rã tìm mấy ngày trời, thế mà số trà kiếm được vẫn chưa đầy 0,5kg. Thấy khó nhằn quá, tôi bèn gọi điện thoại nhờ một người bên họ đăng vợ (người K'Ho) kiếm giúp và hứa sẽ mua với giá 150.000 đồng cho mỗi kg lá trà khô. Trước mắt, cứ kiếm khoảng 10kg.

Tới ngày nhận trà, tôi tá hỏa khi phát hiện đó chỉ là trà... ở rừng, chứ không phải trà rừng. Thực chất, nó là thân của cây trà dây, hoàn toàn khác với loại trà rừng mà tôi yêu cầu. Nhưng nghĩ đến cái cảnh mới sớm mở mắt người ta đã phải lọ mọ chạy xe từ Gia Bắc về Đình Trang Hòa (khoảng 46 cây số) để giao hàng cho tôi còn kịp đi Đà Lạt, chẳng lẽ lại từ chối? Tôi không nỡ làm thế!

Đặt túi trà dây lên chiếc cân bàn, kim của chiếc cân chỉ đúng con số 8, đồng nghĩa với số tiền 1.200.000 đồng. Tôi trả đủ số tiền, rồi mang theo 8kg trà dây ngược hướng Quốc lộ 20 thẳng tiến về Đà Lạt. Tất nhiên, nhà văn Chu Bá Nam đã thẳng thừng từ chối 8kg trà dây kia. ■



Ngày còn nhỏ, mỗi năm đến dịp hè, hoa phượng nở rực rỡ giữa trời xanh, được nghỉ học suốt ba tháng, là tôi lại được bố mẹ cho về quê sống với ông bà nội. Quê tôi nằm cách không xa trung tâm thành phố là mấy, nhưng vì trong khoảng thời gian của năm học, chẳng mấy khi được nghỉ dài ngày nên tôi không có nhiều dịp về quê, mà chỉ thỉnh thoảng nhân ngày có Tết nhất cổ bàn... mới được theo bố mẹ về quê.

Sống ở thành phố đông vui, nhộn nhịp thật đấy, nhưng cuộc sống cũng không kém phần ngọt ngào và chật chội, vì vậy khi được về quê sống cùng ông bà trong những tháng ngày hè oi ả, tôi thường được vùng vẫy thỏa thích trong một khoảng không gian rộng mở, đó là cánh đồng, bờ bãi, con đê, dòng sông...

Nếu như ở cùng bố mẹ tôi luôn phải chịu sự "quản lý" về lịch trình giờ giấc ăn, học, ngủ nghỉ, đi chơi đến... nghệt thở, thì sống với ông bà nội tôi như một con chim non xổng chuồng, được thỏa thích bay nhảy tung tăng. Nói thế không có nghĩa là ông bà tôi không quản; mà cách quản lý, trông nom tôi của ông bà luôn thoải mái hơn, "mở" hơn, vì dẫu sao ông bà cũng yêu chiều tôi hơn, bởi lâu lâu mới được sống với thằng cháu đích

tôn cả một khoảng thời gian dài đến thế trong suốt một năm đợi chờ.

Kỷ niệm với những dịp nghỉ hè nơi quê nội dấu yêu của tôi luôn thật tuyệt vời. Năm nào cũng vậy, tôi vừa mới về tới là bọn trẻ cùng trang lứa trong xóm lại tíu tít chạy sang sân để huyền thuyên hỏi chuyện. Chúng hỏi bao nhiêu là chuyện ở thành phố, nào chuyện học hành, chuyện phố xá, chuyện vườn thú, công viên...

Khi tôi ngồi kể chuyện thì đứa nào đứa nấy cũng im lặng lắng nghe, có lúc miệng há hốc ra ồ lên ngạc nhiên. Vì tôi là người... thành phố, nên những đứa trẻ quê lem luốc, lam lũ đều rất chân tình quý mến. Có đứa còn dành những phần quà là củ khoai, bắp ngô luộc mang sang cho tôi ăn, vì chúng bảo: "*Ở thành phố bạn không hay được ăn!*".

Những đứa khác thì mang cả bỏng gạo rang từ thóc, cả đậu đỗ rang sang mời tôi ăn. Ôi, những món quà quê bình dị sao mà ngon đến thế. Tôi ăn đến no nê, căng cả bụng nên lúc đến bữa cơm nội hay la mắng vì mới chỉ vừa ngồi xuống mâm cơm đã vội đứng lên vì không ăn được nữa...

Thích và nhớ nhất trong những ngày ở quê dịp hè của những ngày xưa ấy có lẽ là tôi được cùng lũ trẻ



trong xóm đi ra đồng chăn trâu, cắt cỏ và chơi những trò chơi dân gian như: à ập, nhảy lò cò, cày xươg, ô ăn quan, dùng cỏ chơi gà, thả diều..., mà chỉ trẻ quê mới có. Trò tát mương bắt cá, bới trạch, hầu như không năm nào tôi không tham gia vài ba lần trong dịp hè. Trò này mệt và lấm bết bùn đất từ đỉnh đầu xuống tới chân, khi phải trắm mình xuống mương, nhưng mà vui ghê, và nhất là là bắt được cá, cua, trạch, ốc... mang về để giúp nội cải thiện cho bữa cơm của gia đình thêm tươi mát.

Dẫu đã tham gia trò tát mương suốt những năm tiểu học, thậm chí là sang cả những năm cấp hai rồi vậy mà tôi vẫn không rút ra được bài học kinh nghiệm, khi để cho cua cắn đến chảy máu cả ngón tay. Mỗi lần bị cua cắn như thế, bọn bạn lại xuyết xoa, dứa lau rửa tay cho tôi, dứa xé vạt áo rách của chúng để băng bó vết thương. Nghĩ lại những chuyện như vậy thật cảm động và thấy đáng quý lũ bạn trẻ nơi quê nhà thuở ấy...

Có lẽ, thích hơn cả và sướng nhất trong dịp nghỉ hè ở quê với tôi là những buổi trốn nội cùng bọn trẻ trong xóm đi tắm, đi bơi vào những trưa hè oi ả ở con sông đào cách làng chừng hơn một cây số. Sở dĩ nói trốn vì với trò gì ông không cấm, nhưng riêng trò đi

bơi ở sông là nội cấm tệt vì sợ tôi đuối nước chết chìm. Chẳng vậy mà trưa nào muốn đi tắm sông, đợi lúc nội ngủ say là lén trở giấc mở cửa nhẹ nhàng rồi cùng bọn trẻ chạy thật nhanh ra sông tắm.

Con sông rộng chừng hơn hai chục thước, nước trong xanh biêng biếc mát mẻ, và chúng tôi thi nhau lao ủa xuống dòng nước mát sau khi đã lột hết quần áo để ở trên bờ. Tôi biết bơi cũng từ dòng sông đào ấy khi năm học lớp bốn, trong một lần đi tắm, bọn trẻ trong xóm đã dạy tôi bơi, mà thủ thuật đầu tiên đến giờ tôi vẫn nhớ như in, đó là chúng bắt một con chuồn chuồn ớt đỏ chon chót cho cắn vào rốn, vì chúng bảo để nhanh biết bơi. Và thế là chỉ sau có vài buổi tập tôi đã có thể bơi thành thục, thậm chí là cả kiểu lặn ngụp xuống đáy dòng sông sâu tới hơn hai mét rồi lại nhào lên... Những lần đi tắm chúng tôi toàn tắm truồng hết, phần vì sợ quần áo bị ướt, phần nữa cho nó dễ bơi vì không bị quần áo sùng nước làm cản trở. Hình ảnh cởi truồng tắm sông ngày ấy giờ nghĩ lại sao mà đẹp, thơ mộng đến thế, vì trẻ con bây giờ mới chỉ lên ba, lên năm chúng đã biết xấu hổ; thế mà hồi ấy tôi đã vào lớp năm.

Tôi nhớ nhất là cái lần lúc cả hội đang tắm, nội tôi lò dò ra đến bờ sông, và sau khi kêu tôi lên bờ, ông đã cầm roi đánh đòn làm tôi đau đớn, hằn đỏ cả mông. Tôi khóc ré lên, vội mặc quần áo và chạy về nhà. Tối đó, sau giờ cơm xong nội ôn tồn bảo: *"Ông đánh cháu ông thấy thương lắm, nhưng không thể làm khác được, bởi nhớ cháu tắm sông chết chìm thì ông sẽ là người có tội lớn lắm với bố cháu, với cháu vì đã không dạy bảo, chăm lo cho cháu..."*. Tôi im lặng một hồi rồi hứa với ông lần sau không tái phạm nữa...

Thấm thoát, gần ba tháng hè qua nhanh. Đến độ cuối tháng Tám dương lịch là bao giờ bố mẹ tôi cũng về quê đón tôi trở lại thành phố để chuẩn bị cho lễ khai giảng năm học mới vào đầu tháng Chín, thời điểm hoa phượng rụng, trái đỏ trên các lối đi. Những ai tiếc mùa hè, tiếc hoa phượng rực rỡ trên cây, có lẽ cũng gợn buồn khi nhìn xác hoa tươi tắn trên mặt đường. Tôi cũng vậy, tiếc thương mùa hè đã qua, tiếc thương những xác hoa phượng đỏ...

Khi tôi chuẩn bị chia xa ông bà nội, các cô, các chú, thì bao giờ tối hôm trước bọn nhỏ trong xóm lại tề tựu đầy sân nhà để tiễn biệt tôi. Đứa nào cũng búi ngùi, lặng im, gương mặt buồn buồn như không muốn chia tay. Lúc này, tôi lại nhận được bao nhiêu là quà làm kỷ niệm của bọn trẻ; đứa thì cho tôi cái diều giấy nhỏ tự dán lấy, đứa tặng cái con quay gỗ tự đẽo, hay chùm dây thun đến cả trăm cái (ngày đó trẻ thường chơi trò gảy dây thun)...

Những ngày hè tuổi thơ tôi nơi quê nhà với đầy ắp biết bao là kỷ niệm ấy, mới vậy mà đã xa dần tới hơn chục năm có lẽ, và bây giờ mỗi khi trở về vào dịp mùa hè, những luồng ký ức đẹp đẽ và thân thương của tuổi học trò ấy luôn hiện ra đủ đầy, tươi rói như chỉ vừa mới xảy ra hôm qua... ■



Đất nước nhìn từ hôm nay

PHAN THÀNH MINH

Tự bao giờ đất nước đã sang trang
Ta đã lớn hơn bao giờ ta lớn
Hạnh phúc ấm no sánh vai cuộc sống
Tiếng của mình từng bước cũng giàu sang

Bát ngát mênh mông biển bạc rừng vàng
Ngày của lúa là tiếng cười khanh khách
No ấm sang giàu phủ xanh mặt đất
Em đến trường quàng mơ ước trên vai

Máu đỏ xương phơi
Biển rộng sông dài
Ơn tiên tổ chẳng bao giờ trả được
Bất khuất kiên cường noi gương người trước
Đảo nổi đảo chìm núp ruột mẹ thương yêu

Chẳng phải quanh co
Chẳng nói chi nhiều
Đời lính chiến nằng sừng dầu dãi
Chiến trường đi mây ai trở lại
Trời biên cương xanh ngắt nhớ thương

Mưa gió thì thâm gọi mãi tên anh
Những cái tên đã hoá thành bất tử
Những cái tên đã đi vào sách sử
Nức lòng bao thế hệ muôn sau

Giữ yên đất này thôi phải bẻ dâu
Con đứng gác để cha nằm yên nghỉ
Tình máu mủ thấm thêm tình đồng chí
Đất nước mạnh giàu nợ sống thuở gian lao.

Tâm tạo

TÁNH THIỆN

Biết rằng đồng sàng dị mộng
Sống rồi cũng phải tuý duyên
Cuộc đời qua đêm rồi sáng
Đó là quy luật tự nhiên

Cảm thông thương nhau mà sống
Tháng ngày chia sẻ niềm vui
Dù ai đái bôi châm biếm
Ta cười im lặng mãi thôi

Từ sanh tuy hai mà một
Đạo đời tuy một mà hai
Tất cả do tâm mình tạo
Muôn đời chư Phật không sai.

Ngày bình thường

TRÀ KIM LONG

Ngày bình thường như những ngày bình thường
Sáng đón nắng lên chiều nhìn mưa đổ
Lụy thân theo buổi trái trời trở gió
Nên buồn vui cũng bất chợt ngang xương.

Ngày bình thường như những ngày bình thường
Lúc viết lãng nhãng khi ngồi tán gẫu
Nhớ lại ngày xưa thương hồi thơ ấu
Nghe tiếng thời gian khi chậm khi nhanh.

Ngày bình thường như những ngày bình thường
Đêm giọt cà-phê ngồi trì quán nhỏ
Nghe tiếng thị phi thấy điều các có
Quên tóc trên đầu đã trắng như sương.

Ngày bình thường như những ngày bình thường
Vẫn ngủ vẫn ăn vẫn cười vẫn nói
Không nghĩ cao danh chẳng tìm mối lợi
Thản nhiên trôi theo hơi thở thời gian.

Quê cát

BÙI HUYỀN TƯƠNG

Em biết đây, đất quê mình toàn cát
Dấu mưa dầm cũng chẳng thấm vào đâu
Nắng lưng lửng đã làm chân bông rớt
Nhưng trĩu lòng nặng nghĩa với tình sâu

Em biết đây, đất quê mình toàn cát
Còi cọc sẵn khoai ngược đọi nước trời
Nhìn mẹ thở dài nghiêng bờ giáp hạt
Trưa nhạt nhòa, riu riu gió chơi vơi...

Quê mình đây, mùa theo mùa vẫn thế
Trăng khuyết tròn theo nhịp vực gàu dai
Vẫn ấm áp bóng quê, bóng mẹ
Bóng ao làng vương mãi chẳng hề phai

Tìm đâu được dáng mẹ hiền thuở ấy
Gánh ruộng đồng nghiêng phía ánh trăng buông
Tựa bóng quê rung rung lòng đến vậy
Chênh chao chiều luênh loánh thừa trầm luân.

Cửa đời - cửa đạo

THANH PHÁP

Trời mưa lất phất trời mưa
Đội mưa to vẫn về chùa sáng nay
Một bên tôi, một bên thầy
Cùng chung ghế đá có hai người ngồi.

Ngoài trời vừa dứt mưa rơi
Trong phòng điện cúp tự hồi nào xa
Áo lam cùng với áo đà
Tụng kinh lễ Phật đã qua mấy tuần.

Chuyện đời chuyện đạo chuyện văn
Tâm đầu ý hợp luận bàn say sưa
Chợt nhìn trời đã sắp trưa
Ra về đến lúc còn chưa thỏa lòng.

Cửa đời cùng với cửa Không
Tình thương chung đứng song song một đường.

Tùy duyên

TƯỜNG VÂN

Tùy duyên không phải cho qua
Tùy duyên là để tránh xa hứa liều
Tùy duyên hai chữ đáng yêu
Tùy duyên điều kiện bấy nhiêu hiểu rồi
Tùy duyên khỏi nói lời thôi
Tùy duyên xem lại hạ hồi giải phân
Tùy duyên là có nghĩa nhân
Tùy duyên để khỏi đổi thân thành thù
Tùy duyên là biết hòa nhu
Tùy duyên lặng lẽ thiên thu không hèn
Tùy duyên chấp nhận cho quen
Tùy duyên không phải đợi khen mới làm
Tùy duyên là biết không kham
Tùy duyên hạn chế sự ham muốn nhiều
Tùy duyên là một tuyệt chiêu
Tùy duyên có thể làm xiêu lòng người
Tùy duyên chỉ biết mỉm cười
Tùy duyên ai nở cứ khươi lại hoài
Tùy duyên đâu có gì sai
Tùy duyên giữ được lâu dài tình thâm
Tùy duyên phải tự hiểu thâm
Tùy duyên có nghĩa nhờ ngấm cảm thông
Tùy duyên chớ có bận lòng
Tùy duyên cho nhẹ đừng trông đừng chờ
Tùy duyên không phải thờ ơ
Tùy duyên là để bắt ngờ đó thôi
Tùy duyên chưa hẳn xa xôi
Tùy duyên có thể nói rồi làm ngay
Tùy duyên tùy việc hằng ngày
Tùy duyên tự tại từ nay nhẹ nhàng.

Tản mạn chiều

KIM HOA

Đong đưa sợi nắng nghiêng chiều
Hoàng hôn ngả tím dịu hui phố buồn
Rong rêu màu mắt đối hồn
Thăm nghe rụng tiếng cô đơn trước thềm.

Mênh mông trời mỗi cánh chim
Bốn mùa chờ nặng nỗi niềm riêng tư
Vi vu gió hát vi vu
Ngày ru tình lỡ đêm ru mộng hời.

Chìm trong khoảng lặng cung đời
Nghe dư hương cũ xa xôi chợt về...
Tay tròn mười ngón mân mê
Tìm xưa một thuở... ngộ nghệ tình hồng.

Mùi Cơm Cháy

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Hôm nay cúp điện. Vợ vắng nhà. Tôi nấu cơm bằng bếp ga. Không biết cách nấu cơm cạn, tôi nấu chắt nước. Đứa con gái, học lớp chín, hỏi tôi:

- Được hông ba? Để con nấu cho?

Tôi cười, nhướn mày tự tin:

- Chuyện nhỏ! Ba biết nấu hồi chín mười tuổi lận con.

- Ai dạy ba vậy?

- Bà nội!

Hai tiếng "bà nội" phát ra từ miệng tôi theo quán tính chứ thật ra má tôi không có dạy mà do tôi tự học lóm thôi. Cơm sôi, chờ cho hạt gạo nở đều, tôi chắt nước vào

tô và vớt nhỏ
lửa. Cơm
chín, tôi
giờ nắp

nổi ra xối cho cơm tươi xốp; mùi cơm cháy bay lên thơm nức mũi. Đã lâu lắm rồi tôi không ngửi được cái mùi ngọt ngào thân thiết này và đã quên mất nó đi nhưng nay nó chợt đến; lại còn mang về cho tôi hình ảnh quê nhà và người mẹ thân yêu của mấy mươi năm trước.

Lúc bấy giờ ở nông thôn chưa có điện, người giàu có khá giả mới dùng bếp ga còn đa số bà con đều dùng củi nấu nướng ngày hai bữa sáng chiều. Để có củi chụm giáp năm, vào mùa nắng má tôi ra vườn quơ bất cứ thứ gì chụm được. Róc từng tàu dừa lấy lá nhúm lửa, cọng chẻ ra làm củi, lượm dừa chuột bỏ nhỏ phơi đặng đặng đê đê ngoài sân. Củi khô, má chắt thành cự ngoài vách hè nhà, nếu không chuẩn bị sẵn, đến mùa mưa dầm không có củi phải "đút ống giò vô chụm", má tôi hay nói đùa như thế.

Củi cháy sanh ra lửa và khói. Lửa làm chín cơm, khói bám vào nồi biến thành lọ nghẹ đen thui, phần còn lại bay lên, len lỏi qua mái nhà, kê lá, vòm cây rồi lan tỏa vào không gian thành khói lam chiều.

Hình ảnh mộc mạc thân thương này đã đi vào lòng người, trở thành biểu tượng của làng quê thôn dã. Nó còn là nguồn cảm hứng tuyệt vời của văn nghệ sĩ, được họ thể hiện qua văn thơ nhạc họa bằng tình cảm, xúc cảm chân thành.



*Lòng quê dờn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

(Trường giang - thơ Huy Cận)

Người lớn và trẻ con nông thôn không có thói quen ăn sáng. Đúng hơn là hồi đó rất ít người bán hàng rong và quán tiệm như bây giờ. Vào mùa vụ thì ăn cơm khuya, ngày thường thì bảy tám giờ ăn cơm sáng, mười ba mười bốn giờ ăn cơm chiều, dân gian gọi là “cơm đắp đầu gối”. Tối có xót ruột, đói bụng thì lục cơm nguội.

Trường học cách nhà tôi khoảng ba ngàn thước. Mỗi ngày má tôi thức dậy từ bốn năm giờ sáng, nấu cơm, hâm cá cho anh chị em tôi ăn “dần bụng” trước khi đi học, khỏi tốn tiền quà lại được no lâu. Má nấu cơm rất khéo; chặt nước xong, má rút bớt củi để lửa cháy liu liu cho khô nước, hạt cơm sẽ son ráo, tươi xốp. Sau đó, má gạt than ra chung quanh đáy nồi cho cơm cháy vàng đều, nếu không, cơm cháy sẽ khét đen chính giữa. Bữa ăn nào cũng có tô nước cơm màu trắng đục, thơm thơm, ngọt ngọt, béo béo... húp hoặc chế vào cơm ăn, dù có hay không có canh. Nhất là giế cơm cháy vàng tươi, thơm lừng, giòn rụm, nhai nghe rào rào thú vị làm sao. Tôi uống nước cơm và ăn cháy riết, đam ghiền. Biết ý con, bữa nào má tôi cũng chặt nước cơm và đun lửa cho có cháy.

Cái hương vị thơm ngon và cảm giác khoái khẩu đó đã ở lại quê nhà khi tôi lên thành phố học và đi làm. Ăn cơm tiệm, cơm hộp suốt làm gì có nước cơm và cơm cháy? Tuy nhiên, tôi vẫn còn thỉnh thoảng gặp lại nó trong những lần về thăm cha mẹ.

Tôi chỉ thật sự quên nó sau khi lập gia đình, ở luôn trên thành phố. Hơn nữa, thời gian sau này em trai tôi cũng đã sắm bếp ga, nồi cơm điện; và má đã già, việc bếp núc do con dâu đảm trách nên tôi chỉ có một lần duy nhất cách nay gần hai năm được thưởng thức mùi nước cơm và cơm cháy do chính tay má nấu.

Hôm đó, nhân nghỉ lễ hai ngày tiếp theo thứ Bảy Chủ nhật, tôi cùng vợ con về thăm cha mẹ. Em dâu tôi đi chợ mua thức ăn về có mua bạch cơm cháy làm quà cho con nó. Má kêu thằng bé đem bạch cơm cháy lại cho bà coi:

- Sang! Đem lại cho bà nội coi, coi con?

Thằng bé đem lại đưa bà. Má tôi lật qua lật lại xem một hồi rồi đưa lên mũi ngửi, nói trống:

- Cái này mà là cơm cháy đây sao? Dày cui lại không có mùi vị gì hết trơn hết trọi?

Tôi giải thích:

- Đây là cơm sấy khô trộn với gia vị ép thành khuôn chớ không phải cơm cháy trong nồi.

Má ngược nhìn tôi, hỏi:

- Có ngon hơn của mình không?

Tôi biết má muốn so sánh với cơm cháy má làm nên vỗ vỗ vai má, cười nói:

- Dĩ nhiên là không rồi! Cơm cháy má làm là nhứt, có ai bằng?

Má cười móm sọm, kêu em dâu tôi, nói:

- Vợ thằng Hải nấu cơm chưa, con? Bà hỏi vậy vì biết em dâu tôi chỉ biết nấu cơm nổi điện.

- Dạ chưa! Chi vậy má? Em dâu tôi đáp.

- Nếu chưa thì đừng nấu để má nấu cơm củi chặt nước có cơm cháy cho anh Ba con ăn. Hồi nhỏ nó ưa lắm, bữa nào hổng có hoặc hết cơm cháy cái mặt quạu đeo.

Nghe má nói, vợ con và em dâu nhìn tôi cười ồ. Tôi rưng rưng muốn khóc, muốn sà vào lòng má phụng phịu như thuở nào. Trời ơi! Đã mấy mươi năm rồi mà má vẫn không quên sở thích còn con của tôi. Trong mắt má, tôi luôn luôn là thằng con nít háu ăn, xấu tính và hay hờn mát.

- Con làm tiếp má.

Tôi vui vẻ nói rồi đi lấy nồi xúc gạo đem vo. Má lui cui nhóm lửa và ngồi kế bếp canh chừng đến khi cơm chín. Củi khô cháy tốt, chỉ vài làn khói xanh lam mỏng mảnh nhẹ tênh bay lên mái nhà, chưa kịp lan tỏa trong không gian thì bị gió thổi tan loãng vào hư vô. Đó là lần cuối cùng tôi được uống nước cơm và ăn cơm cháy do tự tay má nấu!

Trước khi dọn cơm ăn, tôi làm chén mỡ hành có thêm chút đường chút muối để ăn với cơm cháy. Con gái tôi bới cơm ra chén, ăn vài miếng, ngược nhìn tôi, khen:

- Cơm nấu chặt nước ngon hơn cơm nấu nổi điện hén ba?

Tôi gạt đầu, nói:

- Vẫn chưa ngon bằng cơm nấu củi đầu con. Ba còn một món nữa ngon lắm.

- Món gì vậy ba?

Tôi cạy cơm cháy, thoa mỡ hành rồi đưa cho con. Nó ăn ngon lành và hỏi ai đã dạy tôi làm, tôi nói bà nội dạy. Nó mỉm cười thích thú:

- Bà nội khéo tay quá hén ba? Con sẽ đề nghị với má từ nay về sau nấu cơm chặt nước để có nước cơm uống và cơm cháy ăn như bà nội ngày xưa làm cho ba ăn uống vậy?

- Dễ gì?

Tôi lại trả lời theo quán tính. Trước khi trở thành thị dân tôi sinh ra và lớn lên ở nông thôn. Vậy mà cuộc sống hiện đại đã khiến tôi quên mất cội nguồn xuất xứ của mình, trong khi hình ảnh bà mẹ quê đã sống lại trong lòng con gái tôi và nó còn muốn khôi phục những việc làm của bà nội nó ngày xưa ngày xưa. Tôi cảm thấy xấu hổ với con. Nó nhắc nhở tôi cái tô đá mẻ miệng và cái nồi dính lọ nghe đen thui của má tôi cũng là biểu tượng “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình”.

Nếu những hình ảnh đơn sơ mộc mạc của “chùm khế ngọt, cây cầu tre nhỏ” là biểu tượng của quê hương thì tô nước cơm màu trắng đục ngọt ngào và giế cơm cháy vàng ươm, giòn rụm, thơm phức của cha con tôi cũng như vậy. ■

Điêu khắc gia Lê Thành Nhơn

Vũ điệu miền tâm linh

Bài & ảnh: LÊ HUỲNH LÂM

Nghệ thuật khởi lên từ tâm thức của người nghệ sĩ. Tâm thức một nghệ sĩ lớn bao trùm cả xã hội ở thời đại của họ, có khả năng cho ra đời tác phẩm xứng tầm thời đại đó. Trong văn chương nghệ thuật có những trường hợp như Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Lê Phổ, Nguyễn Gia Trí, Bùi Xuân Phái, Điềm Phùng Thị, Lê Bá Đảng, Lê Thành Nhơn, Bửu Chỉ... trong âm nhạc có Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Văn Cao... Và cả những trường hợp vượt lên cao hơn nữa để lan tỏa suốt dòng thời gian bất tận này, thường là không nhiều.

Với nhà điêu khắc Lê Thành Nhơn (1940-2002), có thể nói rằng qua những tác phẩm của ông, người thưởng ngoạn như cảm nhận được dòng tâm của tác giả khi sáng tạo đã đồng cảm với tâm thức xã hội qua các thời đoạn, như tác phẩm tượng bán thân nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu là cả một sự trầm tư, suy tưởng về vận nước. Cái tài của người nghệ sĩ là nhập vào dòng chảy của lịch sử để sáng tạo lại nhân vật. Tầm vóc của nhân vật lịch sử lớn thì sự biểu hiện của người nghệ sĩ càng thấu đạt. Chỉ với tác phẩm tượng bán thân cụ Phan Bội Châu cũng đủ để khẳng định một tài năng lớn của nhà điêu khắc Lê Thành Nhơn. Phong cách diễn đạt tác phẩm Phan Bội Châu thể hiện một tầm vóc lớn không kém gì các tác phẩm điêu khắc nghệ thuật đồ sộ của thế giới như tượng "Nhân sư" ở Ai Cập. Lấy cảm hứng từ những nhân vật lịch sử, bên cạnh Phan Bội Châu, nhà

điêu khắc Lê Thành Nhơn đã cho ra đời các tác phẩm mô tả thần thái các nhà yêu nước như Phan Thanh Giản, Nguyễn Trung Trực... cùng nhiều danh nhân khác cả trong và ngoài nước. Đó là loạt tượng về danh nhân mà ông đã dày công thể nghiệm thông qua tư liệu lịch sử để cảm nhận được cuộc đời và tâm thức của các nhân vật ấy, từ đó Lê Thành Nhơn đã truyền năng lực và cảm xúc của mình vào chất liệu, đất đá với cố gắng tạo ra những giá trị văn hóa, phô diễn được nội hàm của các nhân vật lịch sử với người xem qua tác phẩm của mình. Trở lại với bức tượng bán thân cụ Phan Bội Châu, nếu quan sát kỹ sẽ thấy cái chau mày chỉ bằng hai nét gợn, để tôn vinh đôi mắt đang khép lại, để bật lên cái nhìn thấu suốt vào bên trong của con người kỳ vĩ đang đau cùng vận mệnh dân tộc; phần mông khối ở miệng và cằm khoằm lại càng tạo nên nét uy dũng của một tâm hồn lớn. Ngoài phần chính là khuôn mặt cụ Phan, thì các yếu tố phụ với sự lồi lõm, gồ ghề rất tự nhiên được tác giả diễn đạt các hình tượng rất sinh động về hoàn cảnh của dân tộc ta vào thời điểm đó, để làm nổi bật hơn nữa vóc dáng suy tưởng của một gương mặt yêu nước là phần chính của tác phẩm. Với bức tượng Quán Thế Âm, người viết chợt liên tưởng đến hình ảnh các vị tù trưởng của bộ tộc da đỏ xuất hiện trong điện ảnh, đây là phong cách lạ về tượng tôn giáo, phỏng theo sự hóa thân kỳ ảo của Bồ-tát Quán Thế Âm.

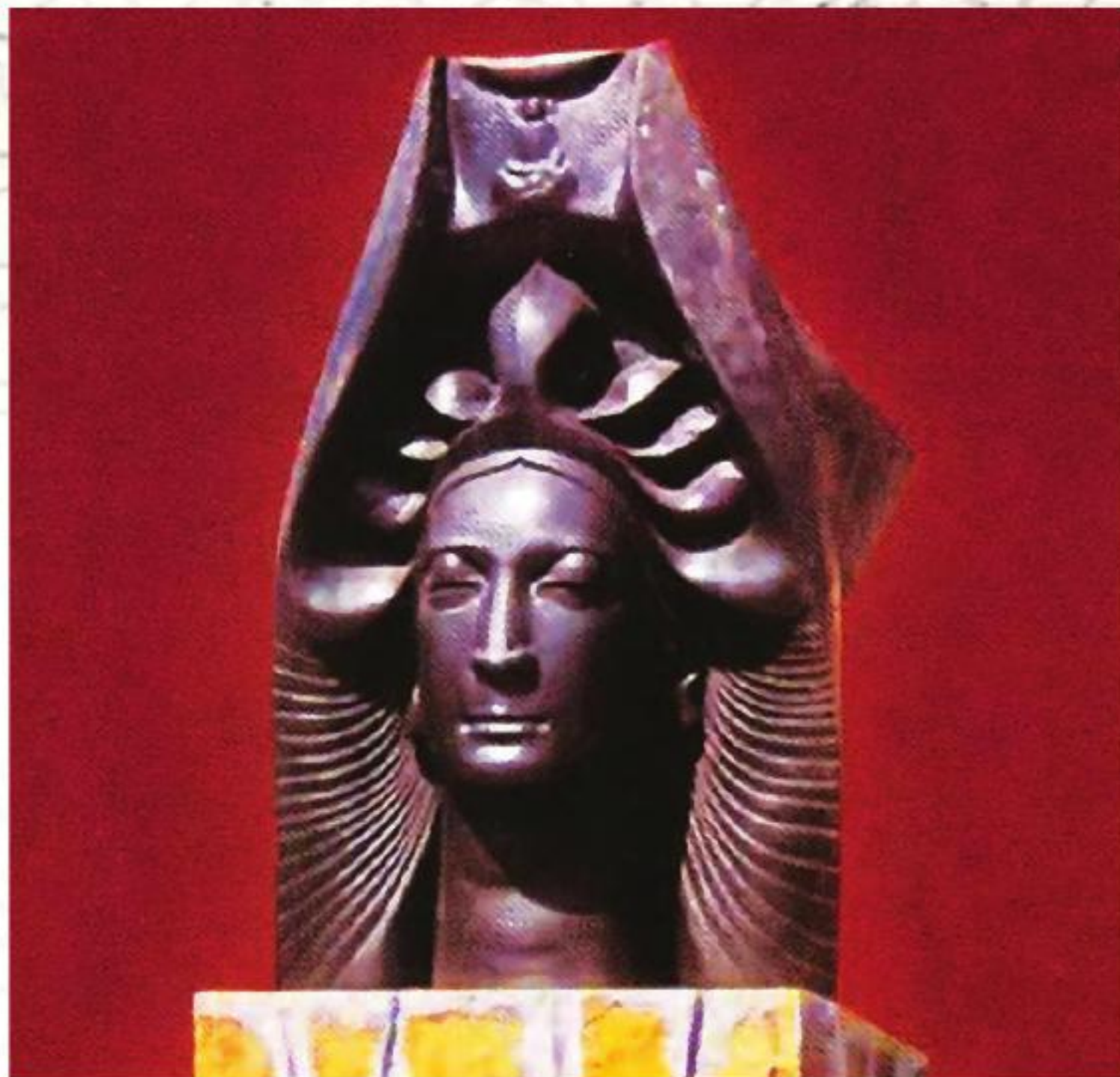
Ngoài điêu khắc, hội họa của Lê Thành Nhơn được diễn đạt bằng bút lực mạnh để đưa người xem đến



với thế giới trừu tượng biểu hiện. Tuy hội họa của Lê Thành Nhơn ít người biết đến so với điêu khắc, nhưng để đạt đến tâm thức thăng hoa của hội họa trừu tượng, tức là đem vẻ đẹp hương vào nội tâm người xem để cùng khám phá thế giới của chính mình; thì, trong cách nhìn đó, chúng ta có thể thấy được những đóa hoa như đang nở trong sắc màu của nhà điêu khắc tài danh này. Như loạt tác phẩm “Đất”, “Nước”, “Gió” và “Lửa” với kích cỡ rất lớn, cao 2 mét và dài 6 mét (riêng bức Gió dài 6,5 mét) trong bộ Tứ Đại. Ông còn thể hiện hàng loạt bức tranh minh họa cho *Truyện Kiều* của Nguyễn Du bằng bút chì trên giấy: “Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm” nói về đoạn Thúy Kiều đàn cho Hoạn Thư và Thúc Sinh, bức “Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay” tả về đoạn Thúy Kiều đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe. Bức “Trong như tiếng hạc bay qua” và bức “Phím đàn diu dặt tay tiên” kể về đoạn Thúy Kiều đàn cho Kim Trọng nghe lần đầu và trong ngày đoàn viên. Loạt tác phẩm “Kiều ở lầu xanh” được diễn đạt bằng bút pháp biểu hiện, diễn đạt cơn truy hoan của dục tính trong sự co quắp của cơ thể để gợi lên sự đau đớn tinh thần của thân phận Kiều.

Càng về cuối đời, ông như chiêm nghiệm được quy luật của tạo hóa. Trong sự trầm mặc, suy tư về cuộc đời, ông càng thấu hiểu ý nghĩa cuộc sống qua các tôn giáo. Với tư cách là một nghệ sĩ, ông đã thể hiện tác phẩm với sự sáng tạo đầy nhân bản, dẫn đưa người xem cùng thể nhập cảnh giới mà ông đã trầm mặc, thấu đạt.

Hãy nhìn vào tác phẩm *Sanh*, *Lão*, *Bệnh*, *Tử* để thấy được sự tài năng của người nghệ sĩ. Cho thấy không chỉ có giới tu sĩ mới có thể diễn đạt Phật pháp qua lời nói, hành động mà bất kỳ người nào khi đã hòa vào dòng sống Phật pháp, thì tất cả phương tiện đều trở thành công cụ để truyền pháp đến mọi đối tượng. Tác phẩm “*Sanh*” được diễn tả bằng sự phồn thực nhưng thanh khiết của nghệ thuật, tác phẩm gợi nhắc về một người nữ với đôi bầu vú căng đầy và khối tròn như được bảo bọc bởi đôi cánh chứa đựng mọi vật. Tác phẩm “*Lão*” là sự diễn bày một con người khòm lưng được giữ thẳng bằng cây gậy đang vươn về phía không gian tối. Tác phẩm “*Bệnh*” là những chiếc xương sườn bật lên trên một dáng người đang hướng cái nhìn về phía trời cao, như đang mong đợi sự cứu rỗi. Tác phẩm “*Tử*” được thể hiện bởi một người thiếu phụ ngửa mặt, trong một tư thế cuộn tròn, chân chạm đầu như chuẩn bị cho một sự tiếp nối khác trong cuộc chuyển hóa của vòng luân hồi. Trong khi đó, tác phẩm “*Hân hoan*” lại diễn đạt niềm hoan lạc thanh thoát, như hai người đang thể nhập vào một giai điệu với những tư thế khiêu vũ hoàn hảo. Nhìn lại các tác phẩm của Lê Thành Nhơn, người thưởng ngoạn đều thấy bóng dáng của những vũ điệu đang hiện hữu trên tác phẩm của ông, vũ điệu đó chính là tâm thức của một nghệ sĩ đầy nội lực và luôn hướng về phía chân trời thiện mỹ.



Theo họa sĩ Đinh Cường, Lê Thành Nhơn là người thích làm những việc đội đá vá trời. Cũng theo Đinh Cường, người thầy có tác động nhiều đến Lê Thành Nhơn chính là điêu khắc gia Lê Ngọc Huệ, tốt nghiệp điêu khắc ở Đại học Mỹ thuật Montpellier, Pháp và có về tham gia giảng dạy ở Việt Nam đầu những năm 60; chính vì vậy, Lê Thành Nhơn có khuynh hướng thực hiện các tác phẩm hiện đại có thể đặt nơi công cộng. Trước năm 1975, Lê Thành Nhơn từng giảng dạy tại Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn - Gia Định, được mời thỉnh giảng tại Cao đẳng Mỹ thuật Huế và Đại học Cộng đồng Duyên hải Nha Trang. Năm 1987, Lê Thành Nhơn được mời dạy kiến trúc tại Đại học RMIT, Melbourne, Úc.

Lê Thành Nhơn còn để lại nhiều tác phẩm đặc sắc như: Phật Thích-ca, Phật A-di-đà, Phật tọa thiền, Đức Mẹ, Mẹ Việt Nam... với phong cách tinh tế, hiện đại, nhưng vẫn đọng lại tinh thần Việt và truyền cảm xúc mạnh đến người xem. Lê Thành Nhơn đã để lại cho cuộc đời những tác phẩm lớn; trong đó, bức tượng Phan Bội Châu của ông được xem như một bộ phận trong quần thể di sản văn hóa cần được bảo tồn tại Huế dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc.

Thành phố Huế có may mắn được sở hữu những tác phẩm lớn của nhà điêu khắc Lê Thành Nhơn. Đó là những bức tượng “Phan Bội Châu”, “Quán Thế Âm” và “Cô gái Việt Nam”, cùng đặt trên con đường Lê Lợi để tăng thêm vẻ cao sang cho dòng Hương thơ mộng và gợi nhắc đến công chúng về một cố đô ẩn chứa nhiều lớp trầm tích văn hóa. ■



Bài & ảnh: TÔN THẤT THỌ

Ấm áp chợ làng quê

Ở nông thôn Việt Nam, mỗi xã hoặc một vài làng liền kề nhau có một cái chợ. Chợ của làng nào, xã nào thì gọi theo tên của làng ấy; đó là loại chợ quê.

Nhiều tài liệu lịch sử ghi lại cho biết chợ quê đã hình thành từ rất sớm. Trong cuốn *An Nam tức sự*, Trần Phu - một sứ giả của nhà Nguyên sang Việt Nam vào cuối thế kỷ XIII - đã quan sát và ghi lại về cảnh sinh hoạt xã hội Việt Nam vào năm 1293 như sau: *"Trong các xóm làng thường có chợ, cứ hai ngày họp một phiên, hàng trăm thứ hàng la liệt. Hễ cách năm dặm dựng một ngôi nhà ba gian, bốn phía đặt chông để họp chợ..."*.

Trong sử cũ, lệ lập chợ dưới thời vua Lê Thánh Tông (1470-1497) đã được ghi: *"Nơi nào muốn mở chợ mới để tiện mua bán thì quan phủ, huyện, châu khám xét quả thực tiện lợi cho dân thì tâu lên (...) trong dân gian hễ có dân thì có chợ (...) một xã đã lập chợ thì không được cản trở sự thành lập các chợ mới khác. Miễn là các phiên họp của chợ mới không được họp chung với chợ đã có trước, hoặc lại họp trước ngày phiên của chợ đó để tranh khách"*.

Có thể nói chợ quê là một phần đời sống của người dân quê Việt Nam. Ngoài ý nghĩa trao đổi mua bán, chợ còn là nơi mọi người gặp gỡ thăm hỏi; nói chuyện gia đình, làm ăn sản xuất...

Chợ quê thường nhóm từ sớm tinh mơ đến chín, mười giờ sáng. Từ sáng sớm, trên các nẻo đường làng đã nhộn nhịp người gồng người gánh, tay xách nách mang đi về phía chợ. Địa điểm họp chợ có thể là sân đình làng, cạnh một cái quán, một cây cầu, hoặc trên mặt đê. Có khi chợ họp dưới bóng râm của cây đa cây đề cổ thụ, dưới những mái che tranh tre nứa lá.

Chợ quê của mỗi làng đều mang tính tự cung tự cấp. Người dân trong làng đem bán mớ tôm, mớ tép, mớ rau vườn nhà; con gà con vịt mới nuôi hay các loại hoa quả; cũng có khi thêm ít hàng xén như cây kim sợi chỉ. Chợ lớn hơn thì luôn có các mặt hàng quan trọng là nông cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp: cày, bừa, móng, cuốc, dao, liềm,... Bên cạnh chợ bao giờ cũng có cái lò rèn, người đi chợ có thể mua những sản phẩm bán sẵn của lò rèn, hay đặt hàng theo yêu cầu riêng, hoặc cũng có thể sửa chữa, chuyển đổi đồ cũ đang sử dụng.

Hàng hóa thì lúc ít lúc nhiều, nhưng hàng quà thì không lúc nào thiếu; bánh tét bánh chưng, bánh giò, bánh cuốn... vừa ngon vừa rẻ, hợp với túi tiền của mọi người, ai cũng thấy dễ mua làm quà, dễ sà xuống để ăn. Mua thiếu cũng không sao vì tất cả đều coi trọng tình làng nghĩa xóm.

Các bà mẹ đi chợ bao giờ cũng có quà mang về cho lũ trẻ ở nhà. Quà chợ của mẹ mộc mạc và đơn sơ, khi thì gói cốm, trái bắp, lúc thì quả na, trái ổi... nhưng luôn là những thứ mong đợi của con trẻ. Bởi việc mua quà khi đi chợ đã thành "cái lệ" nên khi mẹ bắt đầu đi chợ là con ở nhà cũng bắt đầu mong; "mong như mong mẹ về chợ!".

Đa số dân làng quê có tính tự cung tự cấp cao, thóc lúa trong bồ, lợn trong chuồng, rau ngoài vườn, cá dưới ao, gà ngoài sân... Có thể cả năm không cần ra ngoài mà vẫn sống khỏe. Cái thiết yếu nhất từ chợ đối với người dân quê có lẽ là muối và mắm. Phần lớn trong thúng của các bà đi chợ về luôn có một dúm muối, một dúm mắm đựng bằng lá chuối khô và buộc bằng một sợi rơm.

Hình như người dân quê ai cũng thích đi chợ, không mua gì vẫn cứ đi ngắm, đi chơi. Đông người nhất thường là ở quán nước chè đầu chợ. Mọi người gặp nhau, vừa uống nước chè vừa hỏi thăm nhau đủ thứ chuyện trên đời. Đến chợ là biết đủ mọi chuyện trong họ ngoài làng; vừa mua bán, vừa trao đổi thông tin về cuộc sống gia đình, cuộc sống đời thường.

Ngày trước, chợ quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ có nghệ nhân hành nghề hát xẩm rất độc đáo và hấp dẫn, chẳng khác gì phiên chợ ở các tỉnh miền núi có biểu diễn nhạc cụ dân tộc. Ngoài việc trao đổi và mua sắm hàng hóa, chợ quê còn là nơi giao lưu, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nó gắn kết và là một phần không thể thiếu của văn hóa làng xã ở Việt Nam.

Chợ quê lại có hai loại; chợ phiên và chợ hôm. Chợ phiên có phiên chính và phiên phụ, họp vào những ngày theo một chu kỳ nhất định. Khi nói chợ họp ngày ba và ngày tám, có nghĩa là phiên chợ họp vào những ngày mồng ba, mồng tám, mười ba, mười tám, hai ba, hai tám mỗi tháng (theo âm lịch). Phiên chợ chính bao giờ cũng đông người, hàng hóa cũng phong phú hơn. Ngoài những sản phẩm địa phương, chợ còn có nhiều mặt hàng thủ công, hàng tiêu dùng... Vào những dịp phiên, chợ đông vui hẳn, không khí thân mật, hiền hòa bởi phần đông là người quen với nhau, hay bạn bè cùng rủ nhau ra vui chơi. Đi từ đầu đến cuối chợ toàn là người quen, tạo cho phiên chợ không khí ấm áp, gần gũi.

Chợ phiên thường họp sớm và tan muộn hơn ngày thường. Ngoài là nơi sinh hoạt văn hóa, chợ cũng là nơi chốn hẹn hò, không hiếm những cặp trai gái nên vợ, nên chồng cũng bắt đầu từ những phiên chợ quê.

Ở chợ hôm, người mua người bán ít hơn, mỗi ngày

chỉ họp vài tiếng đồng hồ. Họ trao đổi những thứ cần thiết như hoa quả, dầu, muối, rau, tôm cá, trứng... Có nơi nhóm họp vào buổi chiều nên còn gọi là *chợ chiều*.

Các chợ quê thường liên kết nhau thành hệ thống. Trong phạm vi năm, bảy cây số, ngày nào cũng có chợ phiên của các làng để những người buôn thúng bán mẹt có thể quanh năm chạy chợ. Các chợ phiên gần nhau thường được sắp xếp không trùng ngày để bà con thuận tiện giao lưu, mua bán.

Chợ lớn tại huyện có tường xây mái ngói, bán cả gia súc gia cầm như trâu, bò, lợn, gà; còn chợ nhỏ thường mái tranh, phiên chợ cũng có gia cầm và hàng xén. Các mặt hàng truyền thống của mỗi chợ gắn với sản xuất và nghề thủ công của từng xã, từng vùng. Do đó, quá trình giao lưu giữa các vùng qua những phiên chợ quê là một nhu cầu đối với cư dân làng xã trong việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

Hàng năm, chợ quê ngày giáp Tết luôn nhộn nhịp và tấp nập. Ngày thường, chợ chỉ họp buổi sáng, ngày Tết chợ họp từ sáng sớm kéo dài đến tận chiều với đủ loại hàng hóa. Dù mưa bay lất phất hay trời lạnh buốt da vẫn không thể ngăn cản dòng người nô nức đổ ra chợ để sắm sửa, chuẩn bị cho ngày Tết cổ truyền của dân tộc. Nhiều gia đình có "cây nhà lá vườn" tranh thủ đem ra chợ bán để kiếm tiền sắm Tết. Từ mớ lạt, ống giang, bó lá dong lá chuối làm bánh chưng, bánh tét; đến các loại thịt cá, tranh dân gian, tranh thờ, hoa giấy... Tất cả đều mang đậm sắc hương, mùi vị của hương đồng gió nội được kết tinh từ hồn quê, hồn đất và để rồi như cất lên lời mời giao duyên trao đổi...

Ngoài ra, các bản làng thuộc miền núi phía Bắc thường có những phiên chợ mang bản sắc dân tộc bản địa, gắn liền với văn hóa tâm linh của vùng cao như phiên chợ âm dương (chợ âm phủ) ở làng Ó (Bắc Ninh); mỗi năm chợ họp một lần vào đêm mùng bốn tháng Giêng đến rạng sáng mùng năm tháng Giêng âm lịch hàng năm. Tương truyền, nơi đây ngày xưa là chiến trường, có nhiều tử sĩ, chợ giúp người trần có cơ hội trò chuyện, cầu may, cầu phúc. Chợ họp vào ban đêm nhưng không ai được đốt đèn, hàng hóa chỉ có giấy tiền vàng mã, trái cây, trâu cau hương hoa... Miền Bắc cũng nổi tiếng với phiên chợ Viêng (Nam Định), hàng năm họp vào ngày tám tháng Giêng âm lịch. Chợ tập họp sản phẩm của những làng nghề truyền thống từ rèn, đúc, chạm, khắc đến thêu, đan... của khắp các vùng miền.

Các làng xã Nam Bộ lại nổi tiếng với những phiên chợ nổi, những phiên chợ mùa nước lên với việc trao đổi hàng hóa trên ghe thuyền. Chợ họp ở khúc sông là tuyến giao thông chính, nơi đó, cả người bán và người mua đều dùng ghe hay thuyền làm phương tiện di chuyển đi lại. Đến với chợ nổi, ta không chỉ thấy bạt ngàn sản vật của vùng sông nước miền Tây, mà còn được chứng kiến cuộc sống và bản sắc văn hóa của người dân nơi đây, họ luôn phóng khoáng và hiếu khách.



Nói đến chợ nổi miền Tây Nam Bộ không thể không nhắc đến chợ Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ) hay chợ nổi Phụng Hiệp (Hậu Giang). Nét độc đáo của chợ nổi vẫn còn tồn tại đến ngày nay...

* * *

Dọc theo chiều dài đất nước, làng xã nào cũng có những phiên chợ quê thú vị. Tất cả đã cộng hưởng, hòa điệu góp phần tạo nên bề dày văn hóa và lịch sử của dân tộc. Đó không chỉ biểu thị nét văn hóa làng xã, mà còn là bức tranh văn hóa về con người Việt Nam.

Qua năm tháng, hiện nay hầu hết chợ quê đã được xây dựng quy mô và to lớn hơn. Hàng hóa không kém chợ phố với đủ loại hàng bắt mắt. Vì thế, những cái chợ quê "tự phát" đã không còn nữa. Con đường quê đã

được rải nhựa, không còn những lều quán tranh tre dựng tạm bợ bên đường. Thế nhưng hình ảnh của cái chợ quê hồn hậu, chân tình, vẫn luôn lưu dấu kỷ niệm trong ký ức mỗi người, nhất là đối với những người xa xứ. Nơi đó đầy ắp những hình ảnh tuổi thơ theo mẹ đến chợ để được nhìn ngắm, tung tăng trong muôn trùng sắc màu thắm đậm hồn quê; ở đó luôn có những con người cần cù, thủy chung và nhân hậu như trong câu ca dao rất mộc mạc, hiền hòa:

*Anh về hái đậu trầy cà,
Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên.
Chợ lỡ phiên tổn công thiệt của,
Miệng tiếng người cười rở sao nên.
Lấy chồng phải gánh giang sơn,
Chợ phiên còn lỡ, giang sơn còn gì? ■*

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bán, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;**
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Ban Biên tập

Khuyến cáo

Phòng một số bệnh mùa hè dễ mắc

Theo Cục Y tế dự phòng - Bộ Y tế, những tháng hè là thời gian cao điểm của một số căn bệnh như tiêu chảy, viêm não do virus, sốt xuất huyết, lỵ amip... Mới đây, Cục Y tế dự phòng đã cập nhật tình hình dịch bệnh mùa hè và đưa ra các khuyến cáo để cộng đồng phòng chống các căn bệnh này.

Mùa hè, thời tiết nắng nóng, độ ẩm cao chính là điều kiện thuận lợi cho nhiều loại bệnh bùng phát thành dịch. Theo thống kê những năm gần đây, từ tháng 5 đến tháng 8 hàng năm, có tới 10 loại bệnh được đưa vào danh sách “đen” như: cúm, tiêu chảy, tay - chân - miệng, sốt xuất huyết, lỵ trực khuẩn, thủy đậu, adenovirus, lỵ amip, Rubella, viêm não virus. Trong đó, đứng đầu về số ca mắc là cúm, tiêu chảy, tay - chân - miệng và sốt xuất huyết.

Những yếu tố nguy cơ dẫn đến bệnh dịch bùng phát ngoài thời tiết còn có các yếu tố khác như: tình trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường, muỗi và các nhân tố truyền bệnh phát sinh và phát triển, sự gia tăng của du lịch cũng như sự tập trung đông người tại các điểm vui chơi, giải trí... Trong đó đáng lo ngại nhất là nhận thức của người dân về phòng chống dịch bệnh còn yếu. Chuyên gia của Cục Y tế dự phòng cho biết, có nơi đoàn kiểm tra đến, người dân để các dụng cụ chứa nước không đậy kín, có thể thấy rất nhiều loăng quăng trong đó. Cá biệt có gia đình còn ngăn cản đội phun thuốc diệt muỗi vào nhà mình. Kể từ khi Bộ trưởng Bộ Y tế phát động chiến dịch diệt muỗi, bọ gậy (loăng quăng) vào tháng 3/2016 đến nay, mới có 48 tỉnh, thành phố trên cả nước ký cam kết triển khai chiến dịch này. Để ngăn ngừa dịch bệnh thường gặp vào mùa hè có thể bùng phát thành dịch, Cục Y tế dự phòng đã đưa ra các khuyến cáo quan trọng cho một số bệnh như sau:

Bệnh sốt xuất huyết

Để phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết, quan trọng nhất là ngăn ngừa muỗi đốt và diệt muỗi: Hàng tuần thực hiện các biện pháp diệt loăng quăng bằng cách thả cá vào các dụng cụ chứa nước. Lật úp các dụng cụ không chứa nước, bỏ muối, dầu, hóa chất diệt loăng quăng vào bát nước kê chân chạn hay các ổ nước đọng; thường xuyên loại bỏ các ổ nước đọng xung quanh nhà để ngăn ngừa muỗi đẻ trứng như mảnh chai lọ, vỏ dừa, lu nước vỡ, bẹ lá, lốp xe cũ... Ngủ màn, mặc quần áo dài phòng muỗi đốt cả ban ngày lẫn ban đêm; Tích cực phối hợp với ngành y tế trong các đợt phun hóa chất phòng chống dịch; Khi bị sốt cần đến ngay cơ sở y tế để được khám, tư vấn và điều trị. Không tự ý điều trị tại nhà.

Bệnh tay - chân - miệng

Mặc dù 19 tuần đầu năm 2016 ghi nhận hơn 12 nghìn ca mắc tay - chân - miệng, giảm 21,8% so với cùng kỳ năm 2015, nhưng đây vẫn là bệnh có nhiều nguy cơ bùng phát. Khuyến cáo của Cục Y tế dự phòng, việc vệ sinh cá nhân đặc biệt quan trọng trong phòng ngừa căn bệnh này: Cần rửa tay thường xuyên bằng xà phòng nhiều lần trong ngày. Đặc biệt trước khi chế biến thức ăn, trước khi ăn hay cho trẻ ăn, trước khi bế ẵm trẻ, sau khi đi vệ sinh, sau khi thay tã và làm vệ sinh cho trẻ; Thức ăn cho trẻ cần đảm bảo đủ chất dinh dưỡng, ăn chín, uống sôi, đảm bảo vật dụng ăn uống sạch sẽ trước khi sử dụng. Dùng nước sạch trong sinh



hoạt hằng ngày. Không mớm thức ăn cho trẻ. Không cho trẻ dùng chung các vật dụng như cốc, bát, thìa, đồ chơi... chưa được vệ sinh, khử khuẩn; Thường xuyên làm sạch các nơi sinh hoạt như bề mặt, vật dụng, đồ chơi thường sử dụng, tiếp xúc; Thu gom và xử lý chất thải của trẻ đúng nơi quy định; Kịp thời phát hiện sớm khi trẻ mắc bệnh để tổ chức cách ly, điều trị, tránh lây bệnh cho trẻ khác, người khác. Trẻ bị bệnh phải cách ly ít nhất 10 ngày.

Bệnh tiêu chảy

Để phòng ngừa bệnh tiêu chảy cần: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện ăn chín, uống chín, không uống nước lã; sử dụng nước sạch trong ăn uống và sinh hoạt, đặc biệt trong chế biến thực phẩm; thường xuyên rửa tay bằng xà phòng và nước sạch trước khi chế biến thức ăn, trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; mỗi gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, không đi tiêu bừa bãi; không đổ rác thải, phân xuống ao, hồ, không sử dụng phân tươi, phân chưa xử lý đảm bảo vệ sinh để bón cây trồng; khi có dấu hiệu tiêu chảy phải đưa đến cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn và điều trị kịp thời.

Bệnh viêm não virus

Theo Cục Y tế dự phòng, 4 tháng đầu năm 2016, số ca mắc và tử vong do viêm não virus giảm so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng số liệu thống kê cũng cho thấy thời điểm dễ bùng phát căn bệnh này chính là vào tháng 6 đến tháng 8. Vì vậy, việc phòng bệnh là rất cần thiết, nhất là khi căn bệnh này có tỷ lệ biến chứng và tử vong cao. Khuyến cáo của Cục Y tế dự phòng nêu rõ, để phòng chống bệnh viêm não virus cần:

Thực hiện tốt vệ sinh môi trường, nhà ở sạch sẽ. Vệ sinh chuồng trại chăn nuôi để hạn chế nơi trú đậu của muỗi. Dời chuồng gia súc xa nhà, loại bỏ ổ bọ gậy; khi ngủ cần mắc màn. Thường xuyên sử dụng các biện pháp xua, diệt muỗi. Không để trẻ em chơi gần chuồng gia súc. Thực hiện tốt vệ sinh cá nhân, thường xuyên rửa tay với xà phòng và nước sạch. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ăn chín, uống chín. Riêng đối với virus gây bệnh viêm não Nhật Bản, tiêm vắc-xin viêm não Nhật Bản đầy đủ, đúng lịch là biện pháp phòng bệnh quan trọng và hiệu quả nhất. Không tự ý điều trị cho trẻ; khi trẻ bị sốt cần đưa đến cơ sở y tế để được khám và tư vấn, điều trị kịp thời.

Lê Minh

(Nguồn: Báo Online Sức Khỏe Đời Sống)



Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vuông, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiaphuthao.com - dieukhaogo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



D H A R M A G A R D E N

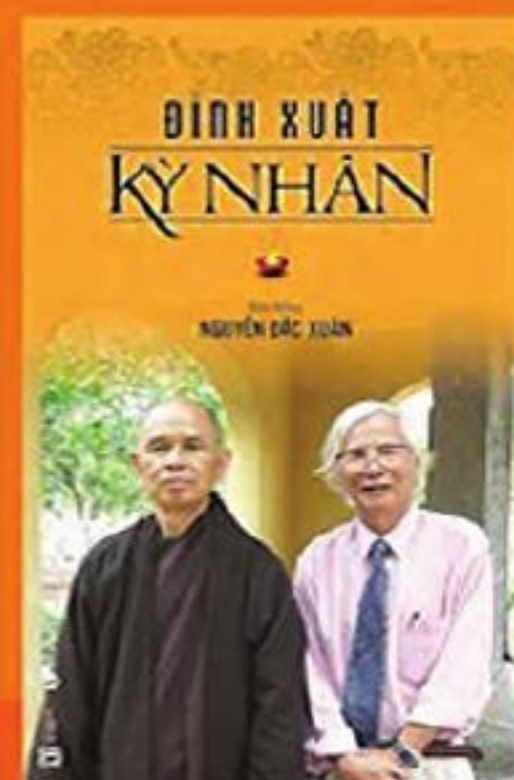
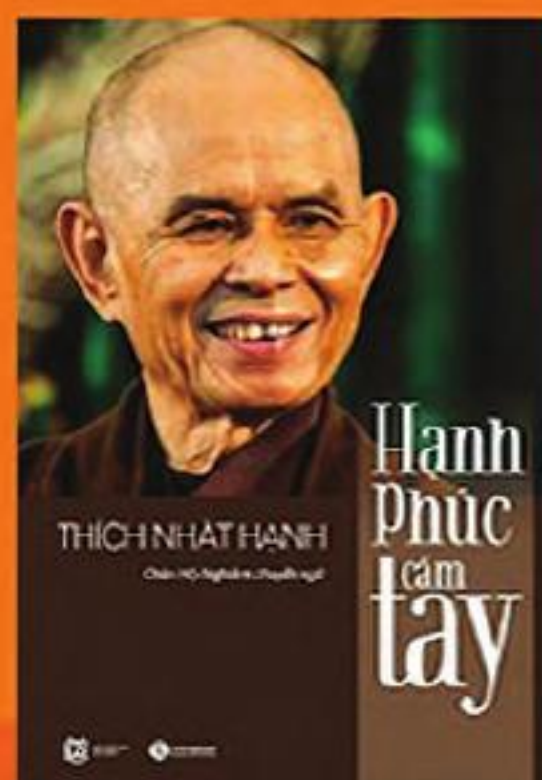
17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08.35 035 579 - 08.36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



www.thaihabooks.com | www.nhasachthaiha.vn



THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

Tại Hà Nội: 119C5 Tô Hiệu, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- 04 6281 3638

Tại TP HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P. 14, Q.Phú Nhuận, TP HCM - 08 3991 3276

Nhà sách Thái Hà: Đường sách Nguyễn Văn Bình, Bến Nghé, Q.1, TP HCM - 08 3822 3340



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐĐT: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738,228 - 38656,506 - Fax: (08) 3865,6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

VĂN HÓA
P HẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

2015

TỪ SỐ 228 ĐẾN SỐ 239

Tập **2**

**Đang
phát hành**

Giá:
210.000đ

Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.155
411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3

Siêu thị Satra ☎ 0903.806.155
C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8

Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông

ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm -
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội
ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội

Nhà Gốm Pure Minimar ☎ 0913.55.47.22
Số 1 - Ngách 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội

Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966
41 Ngõ Thanh Miến - Văn Miếu - Hà Nội

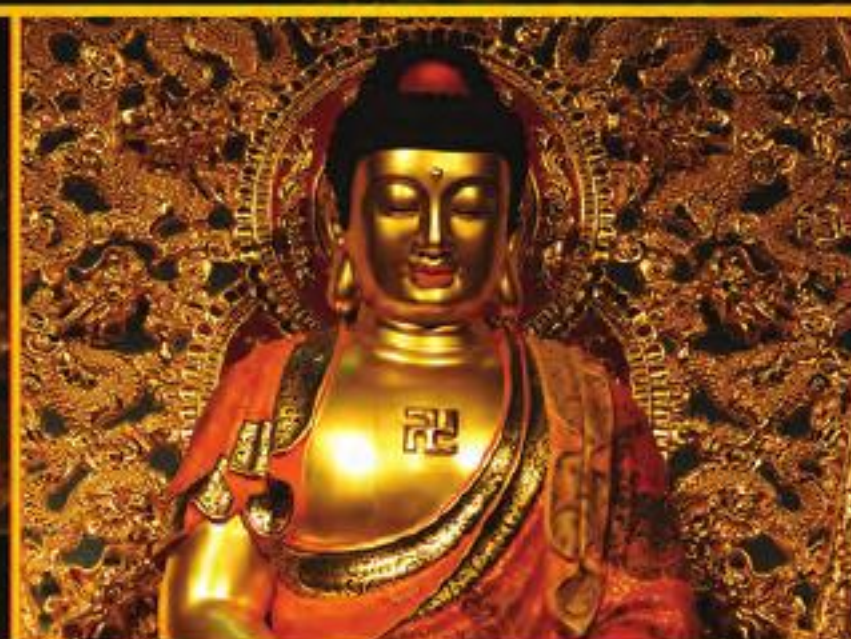
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

Đieu Tuong Am

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



DIỆU TƯỢNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHÔI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIỆU TƯỢNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIỆU TƯỢNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHÔI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN

Giám đốc

ĐD: 0989 212189 - 0122 868 7979

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết - Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP. Biên Hòa - Đồng Nai
(gần Khu công nghiệp Tam Phước)

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.

- Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 □ Email: hoinguyen.kt@gmail.com
- STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức
- STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hồi

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 253

Phát hành ngày 15 - 7 - 2016

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG